

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

TRỊNH TIẾN DŨNG

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG BÊ TÔNG THỊNH LIỆT**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

TRỊNH TIỀN DŨNG

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG BÊ TÔNG THỊNH LIỆT**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TRẦN THỊ DUY

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Trịnh Tiến Dũng

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và làm luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Lao động - Xã hội, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, tác giả đã được sự giảng dạy và hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô giáo. Tác giả xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới TS. Trần Thị Dự, người đã hướng dẫn tác giả chu đáo, tận tình trong suốt quá trình tác giả học tập, nghiên cứu để tác giả hoàn thành đề tài.

Cùng với đó, tác giả cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới tất cả các thầy cô giáo đã giảng dạy và giúp đỡ tác giả trong suốt khóa học. Tác giả cũng xin cảm ơn công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt đã giúp đỡ và hỗ trợ tác giả rất nhiều trong quá trình thực hiện luận văn.

Mặc dù đã nỗ lực hết mình trong học tập và nghiên cứu nhưng luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Tác giả rất mong nhận được những góp ý từ các nhà khoa học để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đề tài hơn nữa.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Trịnh Tiến Dũng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ.....	vii
MỞ ĐẦU	8
CHƯƠNG 1.....	9
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	9
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	10
1.3. Mục đích nghiên cứu.....	12
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	12
1.5. Phương pháp nghiên cứu	13
1.6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	13
1.7. Kết cấu của luận văn.....	14
CHƯƠNG 2.....	15
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	15
2.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	15
2.1.1. Khái quát về doanh thu	15
2.1.2. Khái quát về chi phí.....	22
2.1.3. Khái quát về xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	26
2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	27
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	29
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	30
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	32
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	36

2.3. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh về mặt kế toán quản trị.....	37
<i>2.3.1. Phân loại chi phí phục vụ quá trình ra quyết định</i>	<i>37</i>
<i>2.3.2. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả</i>	<i>43</i>
<i>2.3.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ việc ra quyết định</i>	<i>47</i>
CHƯƠNG 3.....	50
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG THỊNH LIỆT	50
3.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt... 50	50
<i>3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển</i>	<i>50</i>
<i>3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>51</i>
<i>3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý</i>	<i>53</i>
<i>3.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán</i>	<i>56</i>
3.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh về mặt kế toán tài chính tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt..... 63	63
<i>3.2.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>63</i>
<i>3.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>66</i>
<i>3.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....</i>	<i>66</i>
<i>3.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....</i>	<i>67</i>
<i>3.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác</i>	<i>68</i>
<i>3.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>68</i>
3.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt dưới góc độ kế toán quản trị..... 69	69
<i>3.3.1. Phân loại chi phí phục vụ cho việc ra quyết định</i>	<i>70</i>
<i>3.3.2. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>70</i>
<i>3.3.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ cho việc ra quyết định</i>	<i>71</i>
CHƯƠNG 4.....	72

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG THỊNH LIỆT	72
4.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt.....	72
<i>4.1.1. Ưu Điểm</i>	<i>72</i>
<i>4.1.2. Nhược điểm</i>	<i>75</i>
4.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt	76
4.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt.....	77
<i>4.3.1. Giải pháp về kế toán tài chính.....</i>	<i>77</i>
<i>4.3.2. Giải pháp về kế toán quản trị.....</i>	<i>78</i>
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82
PHỤ LỤC	83

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Chữ viết tắt
DN	Doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
CKTM	Chiết khấu thương mại
CKTT	Chiết khấu thanh toán
CP	Chi phí
CCDV	Cung cấp dịch vụ
BH	Bán hàng
BDS	Bất động sản
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VAT	Thuế GTGT
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TN	Thu nhập

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

Sơ đồ 2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ.....	28
Sơ đồ 2.2. Kế toán doanh thu bán hàng không chịu thuế GTGT	28
Sơ đồ 2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	29
Sơ đồ 2.4. Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa.....	29
Sơ đồ 2.5. Kế toán giá vốn hàng bán	31
Sơ đồ 2.6. Kế toán giá vốn hàng bán	32
Sơ đồ 2.7. Kế toán chi phí bán hàng doanh nghiệp	33
Sơ đồ 2.8. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	35
Sơ đồ 2.9. Kế toán chi phí thuế TNDN.....	36
Sơ đồ 2.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	37
Sơ đồ 2.11. Mối quan hệ giữa chi phí với lợi nhuận xác định trong từng kỳ	43
Bảng 4.1: Bảng tổng hợp doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty 6 tháng đầu năm 2015 và 2016.	71

MỞ ĐẦU

Ngày nay, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước từ cơ chế quản lý tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường. Để có thể tồn tại và phát triển trong cơ chế mới này đòi hỏi các doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo và phải đặt vấn đề hiệu quả kinh doanh lên hàng đầu, bởi vì hạch toán kinh tế có nghĩa là lấy thu bù chi và phải đảm bảo có lãi. Quản lý kinh tế đảm bảo tạo ra kết quả và hiệu quả cao nhất của một quá trình, một giai đoạn và một hoạt động kinh doanh.

Trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh nghiệp muốn tồn tại, vươn lên thì trước hết đòi hỏi kinh doanh phải có hiệu quả. Hiệu quả kinh doanh càng cao thì doanh nghiệp càng có điều kiện phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Với xu thế phát triển của xã hội và của nền kinh tế, việc quan tâm đến chi phí, doanh thu là vấn đề hàng đầu trong việc đảm bảo hiệu quả và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để có thể tồn tại và phát triển được trên thị trường, doanh nghiệp cần phải tính toán làm sao giảm được chi phí đến mức thấp nhất từ đó sẽ nâng cao được lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp mình.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, công tác hạch toán chi phí, doanh thu là công tác vô cùng quan trọng đây là hoạt động kinh doanh chính, luôn gắn liền với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Luận văn này tổng quan các quy định kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, các vấn đề về thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt. Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm hoạt động sản xuất, đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ, tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán, tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của các công ty. Nhằm tìm ra các điểm chưa phù hợp trong công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và các giải pháp hoàn thiện giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý chi phí sản xuất tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong những năm gần đây nền kinh tế nước ta có sự chuyển biến quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực xây lắp. Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp phải cạnh tranh tạo niềm tin với khách hàng về những sản phẩm mà doanh nghiệp mình đã đang và sẽ kinh doanh, sản xuất. Đây thực sự là bài toán khó, nó quyết định tới sự thành bại của các doanh nghiệp, có tiêu thụ được sản phẩm thì doanh nghiệp mới bù đắp được các khoản chi phí bỏ ra và thu được lợi nhuận thực hiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất xã hội.

Để làm được điều này, vấn đề mà các doanh nghiệp cần phải quan tâm là sự đa dạng, phong phú về chủng loại, mẫu mã, chất lượng ngày càng phải được nâng cao với giá thành hạ tạo nên sự hấp dẫn đối với mỗi khách hàng. Điều kiện này đã tạo nên nhiều phương thức tiêu thụ đa dạng, tiện lợi với các hình thức thanh toán linh hoạt đem lại lợi ích, sự thoải mái cao nhất đối với các khách hàng khi mua sản phẩm của doanh nghiệp mình. Tuy nhiên, thách thức lớn đối với mỗi doanh nghiệp là thị trường luôn biến động với các rủi ro tiềm ẩn, sức mua và thói quen tiêu dùng của mỗi người dân. Do vậy các nhà quản trị doanh nghiệp phải đưa ra các quyết định sáng suốt, ứng phó kịp thời trong mọi tình huống có thể xảy ra. Để khắc phục những tồn tại trên, yêu cầu kế toán với vai trò và công cụ quản lý kinh tế phải không ngừng hoàn thiện, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đây là khâu rất quan trọng của quá trình kinh doanh, giúp đưa ra những thông tin nhanh chóng, kịp thời giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm bắt được chính xác, kịp thời, đầy đủ mọi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó việc hạch toán lợi nhuận được thực hiện nhanh, đủ và kịp thời cùng với sự phân phối thu nhập công bằng tới người lao động và đưa ra được những chiến lợi phù hợp cho tiêu thụ sản phẩm nâng cao năng suất, đáp ứng kịp thời về nhu cầu cũng như chất lượng sản phẩm hàng hoá mà doanh nghiệp, xã hội đề ra.

Sau những năm chuyển đổi hình thức sở hữu, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt đã và đang là một Công ty xây dựng kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến, làm nòng cốt cho hệ thống cơ sở hạ tầng của địa phương nói riêng và của cả nước nói chung, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Góp phần không nhỏ vào sự thành công và phát triển của chung của ngành xây dựng là việc thực hiện nâng cao chất lượng và không ngừng cải tiến công tác kế hoạch – tài chính theo hướng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, phát triển hạ tầng nhằm tạo thêm nhiều nguồn thu. Do đó, việc đánh

giá thực trạng và nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt là một yêu cầu thực tế, cấp bách và lâu dài.

Nhận thức được tầm quan trọng, tính cấp thiết của vấn đề nêu trên, tác giả Luận văn đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt*” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong điều kiện hội nhập kinh tế. Việc quản lý tốt CP, DT, KQKD sẽ góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh, đảm bảo sự an toàn và khả năng mang lại thắng lợi cho các quyết định kinh doanh của các DN. Vì vậy, đã có nhiều các công trình nghiên cứu về CP, DT, KQKD trong các DN như sau:

Tác giả Mai Ngọc Anh (2012) với luận án “Tổ chức công tác kế toán CP, DT và kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải đường biển” đã nghiên cứu về tổ chức kế toán CP, DT, KQHĐKD của ngành dịch vụ vận tải đường biển, trên cơ sở những nghiên cứu của mình tác giả đã phản ánh được bức tranh toàn cảnh về thực trạng tổ chức công tác kế toán CP, DT, KQHĐKD của ngành dịch vụ vận tải đường biển. Luận án cũng đã đưa ra một số những giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán CP, DT, KQHĐKD ngành dịch vụ vận tải đường biển. Do nghiên cứu trên một phạm vi rộng, vì vậy luận án mới chỉ thực hiện nghiên cứu chung các vấn đề liên quan đến tổ chức kế toán CP, DT, KQHĐKD của các DN, Cty hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường biển. Đây là một trong những nghiên cứu rất thiết thực cho ngành dịch vụ vận tải đường biển chứ tác giả chưa đề cập đến thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh khác đặc biệt là tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt.

Tác giả Thái Thị Thu (2012) trong luận văn "Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị CP, DT, KQKD trong các DN kinh doanh khách sạn ở Việt Nam" đã nghiên cứu về tổ chức kế toán quản trị CP, DT, KQKD trong các DN kinh doanh khách sạn ở Việt Nam, theo tác giả tổ chức kế toán quản trị CP, DT, KQKD hiện nay chưa được coi trọng trong các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, trên cơ sở nghiên cứu về thực trạng công tác kế toán quản trị CP của các DN kinh doanh khách sạn tác giả đã đưa ra giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị CP, DT, KQKD cho các DN kinh doanh khách sạn ở Việt Nam. Với đề tài này, tác giả mới chỉ đi sâu vào nghiên cứu tổ chức kế toán quản trị CP, DT, KQKD trong các DN kinh doanh khách sạn. Như vậy việc áp dụng những giải

pháp hoàn thiện của đề tài chưa lan tỏa được và chưa thể áp dụng phục vụ cho công tác kế toán CP, DT, KQKD cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt.

Thuộc về lĩnh vực dịch vụ du lịch, đã có tác giả Vũ Thúy Hà (2013) đã nghiên cứu luận văn “Hoàn thiện kế toán CP, DT, KQHĐKD du lịch tour tại các DN du lịch trên địa bàn Hà Nội” với nghiên cứu này Vũ Thúy Hà đã làm rõ được cơ sở lý luận của công tác kế toán CP, DT, KQHĐKD trong lĩnh vực hoạt động du lịch tour. Tác giả đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán CP, DT, KQHĐKD du lịch tour trên địa bàn Hà Nội. Tác giả cũng đã đưa ra được một số giải pháp về cả chế độ kế toán quản trị và góc độ kế toán tài chính với công tác kế toán CP, DT, KQKD du lịch tour trên địa bàn Hà Nội. Tuy nhiên, với luận án này, tác giả mới chỉ nghiên cứu công tác kế toán CP, DT, KQHĐKD trong các DN kinh doanh du lịch tour trong phạm vi hẹp với nhiều đặc thù, với nhiều điều kiện thuận lợi (thành phố Hà Nội). Việc áp dụng kết quả nghiên cứu này cho các DN kinh doanh du lịch tour ở các địa phương khác trong cả nước cần phải được nghiên cứu, điều chỉnh mới phù hợp và vận dụng được.

Nghiên cứu về tổ chức kế toán CP, DT, KQKD trong các DN thuộc lĩnh vực sản xuất có tác giả Nghiêm Thị Thắm (2014) với luận án “Hoàn thiện tổ chức kế toán CP, DT, KQKD trong các DNSX gồm sứ xây dựng” đã nghiên cứu thực tiễn tổ chức kế toán CP, DT, KQKD trong các DNSX gồm sứ xây dựng. Tác giả đã cho rằng công tác tổ chức công tác kế toán kế toán CP, DT, KQKD cũng là một trong các yếu tố đảm bảo sự thành công cho các quyết định kinh doanh của DN. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán CP, DT, KQKD cho các DNSX gồm sứ xây dựng. Với nội dung này, luận án đã nghiên cứu trên một phạm vi rất rộng, luận án mới chỉ dừng lại nghiên cứu chung các vấn đề liên quan đến tổ chức kế toán CP, DT, KQKD của các DN trong ngành gồm sứ xây dựng, một số vấn đề mới chỉ được tác giả đề cập đến chưa có những nghiên cứu cụ thể và áp dụng tại công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt.

Ta có thể thấy, các công trình nghiên cứu về CP, DT, KQKD mới chỉ được nghiên cứu chủ yếu trong các DN thuộc lĩnh vực dịch vụ (vận tải, du lịch, khách sạn). Có một công trình nghiên cứu cho DN thuộc lĩnh vực SX, nhưng lại là SX gốm sứ - một ngành có nhiều đặc thù. Các công trình nghiên cứu được thực hiện trên cả góc độ KTTC và KTQT, các kết quả nghiên cứu rất thiết thực. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chỉ phục vụ cho lĩnh vực dịch vụ (vận tải, du lịch, khách sạn) phục vụ cho lĩnh vực SX gốm sứ, cho nên không áp dụng được, hoặc áp dụng không phù hợp cho các DN thuộc lĩnh vực SX khác, đặc biệt là ngành sản xuất bê tông - ngành công nghiệp nặng.

Có thể thấy các công trình nghiên cứu đã công bố, đã có nhiều nghiên cứu về công tác kế toán CP, kế toán DT, kế toán KQKD của DN dưới góc độ kế toán tài chính hay kế toán quản trị. Tuy nhiên, nếu xét theo lĩnh vực hoạt động thì các nghiên cứu này chủ yếu mới được thực hiện nghiên cứu ở các lĩnh vực dịch vụ (vận tải, khách sạn, du lịch), một số công trình được thực hiện nghiên cứu ở lĩnh vực SX (gồm sứ, chế biến bánh kẹo, thức ăn). Nếu xét theo lĩnh vực chuyên môn thì các nghiên cứu này chủ yếu nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán. Bên cạnh đó, cũng có các công trình nghiên cứu về các DN thép, tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ được thực hiện trên lĩnh vực hoạt động khác của DN (không phải hoạt động về KTTTC). Chưa có bất cứ công trình nào nghiên cứu về công tác kế toán thuộc lĩnh vực công nghiệp nặng, cũng như trong ngành sản xuất bê tông ở Việt Nam.

Ngoài những tình hình nghiên cứu tác giả được biết ở trên, thì nghiên cứu để cùng một lúc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên cả 2 phương diện là kế toán tài chính và kế toán quản trị trong một doanh nghiệp cụ thể tác giả chưa biết, nếu có thì ở một số lĩnh vực kinh doanh khác chứ không phải lĩnh vực xây lắp mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt đang tiến hành.

Xuất phát từ tổng quan tình hình nghiên cứu trên, tác giả thấy phải tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt trên hai phương diện: kế toán tài chính và kế toán quản trị.

1.3. Mục đích nghiên cứu

Luận văn trình bày cơ sở lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp. Đồng thời trên cơ sở nghiên cứu thực tế, đánh giá thực trạng tình hình công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt nhằm đề xuất các phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn tập trung nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt trên góc độ kế toán tài chính và một số nội dung kế toán quản trị.

- Về mặt không gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả trong hoạt động bán hàng (không trình bày các vấn đề về hoạt động tài chính và hoạt động khác)

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tác giả đã sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: phương pháp điều tra, phân tích, hệ thống hóa; phương pháp khảo sát, ghi chép; phương pháp tổng hợp, phân, tổ thống kê; phương pháp quy nạp, diện giải, so sánh; phương pháp thực chứng... để nghiên cứu, phân tích, đánh giá trình bày các vấn đề có liên quan đến kế toán CP, DT, KQKD trong các DNSX nói chung và trong Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bê tông Thịnh Liệt nói riêng.

Để thu thập thông tin phục vụ cho nghiên cứu, tác giả sử dụng Bảng hỏi (**Phụ lục 1.1**) được chuẩn bị trước, nội dung chứa đựng lượng thông tin lớn liên quan đến công tác kế toán CP, DT, KQKD để phỏng vấn Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bê tông Thịnh Liệt. Đối tượng được phỏng vấn là kế toán trưởng.

Tác giả cũng thực hiện phỏng vấn đối với giám đốc, phó giám đốc Công ty để thu thập các dữ liệu liên quan đến công tác kế toán CP, DT, KQKD của các Công ty này (**Phụ lục số 1.2**).

Tác giả cũng đã sử dụng phương pháp khảo sát ghi chép để nghiên cứu đối với hệ thống sổ sách, cơ sở vật chất thực hiện công tác kế toán CP, DT, KQKD tại Công ty.

Đối với dữ liệu thứ cấp:

Tác giả thu thập thông tin thông qua các thông tin có sẵn ở Niên giám thống kê, trang GOOGLE, các BCTC, báo cáo tổng kết trên trang web của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bê tông. Ngoài ra, tác giả còn khai thác thông tin từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm: Tổng cục Thống kê điều tra và phát hành, một số trang Web của các tổ chức hành nghề kiểm toán - kiểm toán ở Việt Nam...

Luận văn cũng tham khảo kết quả điều tra, phân tích về công tác CP, DT, KQKD ở một số luận văn để tổng kết kinh nghiệm và rút ra bài học cho việc vận dụng vào công tác kế toán CP, DT, XĐKQKD trong Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bê tông.

1.6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Về mặt lý luận: Luận văn đã tổng quan những vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Đã đưa ra những nhận xét khách quan về những vấn đề lý luận có liên quan.

- Về mặt thực tiễn: Luận văn đưa ra được thực trạng, đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt.

1.7. Nội dung của luận văn

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn gồm 04 chương:

Chương 1: Giới thiệu tổng quan về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương 3: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt.

Chương 4: Phương hướng hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt.

CHƯƠNG 2

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

2.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

2.1.1. Khái quát về doanh thu

2.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện.

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và thuế nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản doanh thu phải được theo dõi chi tiết riêng trên từng tài khoản kế toán phù hợp nhằm cung cấp thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

2.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14):

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trong đó quy định về điều kiện doanh thu được xác định tương đối chắc chắn như sau (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC):

- Hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá.

- Nếu khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác thì vẫn ghi nhận doanh thu từ thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, dịch vụ.

2.1.1.3. Nguyên tắc kế toán các khoản doanh thu

Theo điều 78 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định Nguyên tắc kế toán các khoản doanh thu cụ thể như sau:

- Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào chất bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

+ Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán “Doanh thu”.

+ Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

Chẳng hạn, khách hàng chỉ được nhận hàng khuyến mại khi mua sản phẩm hàng hóa của đơn vị (như mua 2 sản phẩm được tặng thêm một sản phẩm) thì bản chất giao dịch là giảm giá hàng bán, sản phẩm tặng miễn phí cho khách hàng về hình thức được gọi là khuyến mại nhưng về bản chất là bán vì khách hàng sẽ không được hưởng nếu không mua sản phẩm. Trường hợp này giá trị sản phẩm tặng cho khách hàng được phản ánh vào giá vốn và doanh thu tương ứng với giá trị hợp lý của sản phẩm đó phải được ghi nhận.

Hay trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế (phòng ngừa trong những trường hợp sản phẩm, hàng hóa bị hỏng hóc) thì phải phân bổ doanh thu cho sản phẩm, hàng hóa được bán và sản phẩm hàng hóa, thiết bị giao cho khách hàng để thay thế phòng ngừa hỏng hóc. Giá trị của sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

+ Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện.

- Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế; Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa.

+ Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là

chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả, ví dụ: Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ... đều được coi là đã thực hiện.

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba, như:
 - + Các loại thuế gián thu (thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường) phải nộp;
 - + Số tiền người bán hàng đại lý thu hộ bên chủ hàng do bán hàng đại lý;
 - + Các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán đơn vị không được hưởng;
 - + Các trường hợp khác.

Trường hợp các khoản thuế gián thu phải nộp mà không tách riêng ngay được tại thời điểm phát sinh giao dịch thì để thuận lợi cho công tác kế toán, có thể ghi nhận doanh thu trên sổ kế toán bao gồm cả số thuế gián thu nhưng định kỳ kế toán phải ghi giảm doanh thu đối với số thuế gián thu phải nộp. Tuy nhiên, khi lập Báo cáo tài chính kế toán bắt buộc phải xác định và loại bỏ toàn bộ số thuế gián thu phải nộp ra khỏi các chỉ tiêu phản ánh doanh thu gộp.

- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

- Khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp có thể quyết định việc ghi nhận doanh thu tại các đơn vị nếu có sự gia tăng trong giá trị sản phẩm, hàng hóa giữa các khâu mà không phụ thuộc vào chứng từ kèm theo (xuất hóa đơn hay chứng từ nội bộ). Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, tất cả các khoản doanh thu giữa các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp đều phải được loại trừ.

- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

2.1.1.4. Phân loại doanh thu

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, DT phát sinh từ các hoạt động khác nhau, bao gồm: DT từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, DT hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm DT từ bán sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất ra. Bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư, thực hiện các công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán, cung cấp các dịch vụ vận tải, cho thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động...

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm DT từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN (thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vào Công ty con, đầu tư vốn khác; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác).

Trên thực tế có rất nhiều khái niệm về DT, tuy nhiên về bản chất thì DT chính là tổng lợi ích phát sinh từ hoạt động SXKD mà doanh nghiệp đã thu được trong kỳ kế toán. Việc nhận thức rõ bản chất của DT và xác định đúng đắn phạm vi, thời điểm, cơ sở ghi nhận DT có tính chất quyết định đến tính khách quan, trung thực của chỉ tiêu DT trong BCTC. Góp phần mang lại thắng lợi trong các quyết định kinh doanh.

Trong quá trình SXKD của đơn vị, có rất nhiều các khoản DT, thu nhập phát sinh trong kỳ. Trên cơ sở các thông tin về DT của doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ xác định đúng kết quả kinh doanh của từng loại hình sx, từng loại sản phẩm...

Để quản lý tốt các khoản DT, doanh nghiệp có thể tiến hành phân loại doanh thu theo các cách:

* Phân loại doanh thu theo mối quan hệ với hệ thống tổ chức kinh doanh

Phân loại theo tiêu thức này DT bán hàng bao gồm hai loại: DT bán hàng nội bộ và DT bán hàng ra ngoài.

Doanh thu bán hàng nội bộ: là DT của khối lượng bán hàng trong nội bộ hệ thống tổ chức của doanh nghiệp như tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong tổng công ty...

Doanh thu bán hàng ra ngoài: là toàn bộ DT của khối lượng sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã bán ra cho khách hàng ngoài phạm vi doanh nghiệp.

Nếu doanh nghiệp lựa chọn phân loại DT theo tiêu thức này sẽ xác định được chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của DN, từ đó ra những quyết định chính xác trong việc lựa chọn các phương án kinh doanh.

* Phân loại doanh thu theo khu vực địa lý. Theo tiêu thức này DT của doanh nghiệp gồm:

DT nội địa: là các khoản thu được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nước.

DT quốc tế: là các khoản thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh tại nước ngoài.

Việc phân loại theo tiêu thức này giúp nhà quản trị xác định được mức độ hoạt động theo khu vực địa lý, là căn cứ để đánh giá mức sinh lợi cũng như rủi ro trong kinh doanh của từng khu vực, trên cơ sở đó các nhà quản trị có những giải pháp và những phương án kinh doanh hợp lý. Phân loại theo tiêu thức này cũng sẽ cung cấp được số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính bộ phận của từng DN.

* Phân loại doanh thu theo tình hình kinh doanh. Theo tiêu thức này doanh thu của doanh nghiệp được phân loại như sau:

Doanh thu bán hàng hóa: Là toàn bộ doanh thu của khối lượng hàng hóa đã bán được trong kỳ.

Doanh thu bán thành phẩm: Là DT của toàn bộ khối lượng sản phẩm, thành phẩm đã bán trong kỳ, hay đã được xác định tiêu thụ trong kỳ.

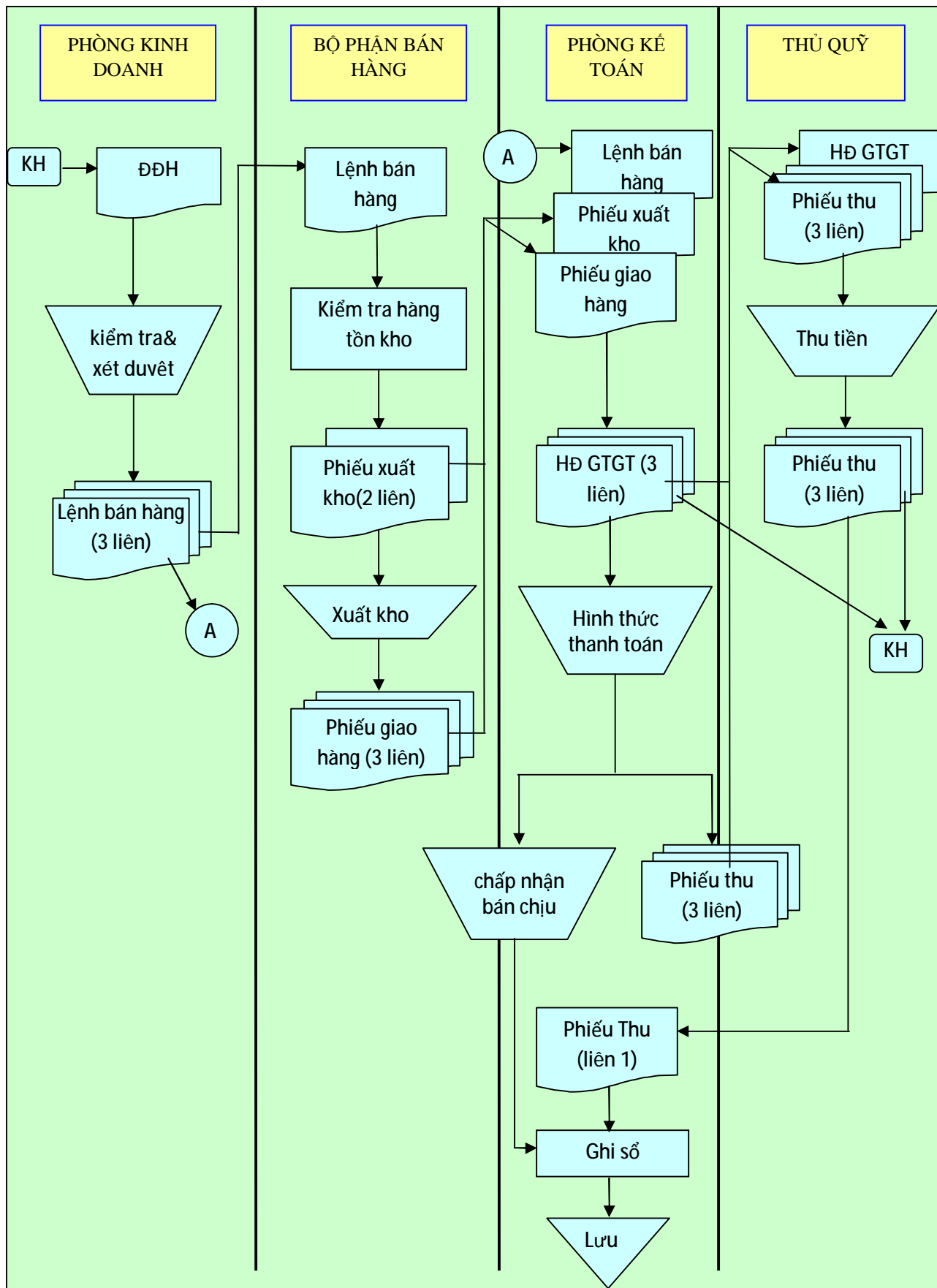
Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ DT của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán trong kỳ.

Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Là toàn bộ các khoản DT từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi DN thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước.

Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: là toàn bộ các khoản DT cho thuê bất động sản đầu tư và DT bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

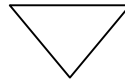
Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp xác định DT của từng loại hình hoạt động của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định tỷ trọng DT của từng loại hoạt động, đâu là hoạt động mũi nhọn, từ đó có phương án kinh doanh hợp lý.

2.1.1.5. Lưu đồ dòng dữ liệu quy trình kế toán doanh thu

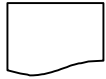


**Ghi chú:**

: Bắt đầu hay kết thúc



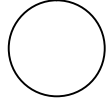
: Lưu trữ bằng tay



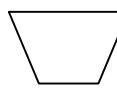
: Chứng từ, Báo cáo



: Xử lý bằng máy



: Điểm nối trong cùng trang Lưu đồ



: Xử lý bằng tay

: Đường luân chuyển

**Diễn giải lưu đồ:**

- Khách hàng đưa đơn đặt hàng, phòng kinh doanh tiếp nhận đơn đặt hàng, xét duyệt nếu được thì lập lệnh bán hàng gồm 3 liên:

- Liên 1: Giữ lại tại bộ phận kinh doanh để lưu;
- Liên 2: Giao cho bộ phận bán hàng;
- Liên 3: Giao cho phòng kế toán.

- Bộ phận bán hàng nhận được lệnh bán hàng thì kiểm tra hàng tồn kho, nếu đủ hàng để bán thì quyết định bán. Bộ phận bán hàng lập phiếu xuất kho gồm 2 liên:

- Liên 1: Giữ lại để lưu;
- Liên 2: Giao bộ phận kế toán;

Sau đó bộ phận bán hàng tiến hành xuất kho và giao hàng cho khách hàng. Đồng thời lập phiếu giao hàng gồm 3 liên

- Liên 1: Giữ lại để lưu;
- Liên 2: Giao cho khách hàng;
- Liên 3 : Giao cho bộ phận kế toán.

- Phòng kế toán sau khi nhận được lệnh bán hàng do phòng kinh doanh chuyển sang, cùng với phiếu xuất kho và phiếu giao hàng do bộ phận bán hàng chuyển sang, kế toán lập hóa đơn GTGT gồm 3 liên:

- Liên 1: Giữ lại để lưu;
- Liên 2: Giao cho khách hàng;
- Liên 3: Giao cho thủ quỹ;

Đồng thời xử lý hình thức thanh toán của khách hàng, nếu chấp thuận bán chịu thì kế toán sẽ ghi sổ công nợ và lưu lại để theo dõi công nợ. Nếu khách hàng thanh toán ngay thì kế toán tiến hành lập phiếu thu gồm 3 liên. Sau đó chuyển cả 3 liên phiếu thu này sang thủ quỹ.

- Thủ quỹ sau khi nhận được hóa đơn GTGT và phiếu thu gồm 3 liên do phòng kế toán chuyển sang, thủ quỹ xem xét và tiến hành thu tiền. Sau khi phiếu thu được duyệt xong và có đầy đủ các chữ ký hợp lệ, gửi các liên phiếu thu như sau

- Liên 1: Đưa cho phòng kế toán;
- Liên 2: Giao cho Khách hàng;
- Liên 3: Giữ lại để lưu;

- Kế toán dựa vào phiếu thu ghi sổ và lưu.

2.1.2. Khái quát về chi phí

2.1.2.1. Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán số 01 (VAS 01) thì chi phí hoạt động kinh doanh tại các DN bao gồm các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của DN và các CP khác: Chi phí SXKD phát sinh trong quá trình HĐKD thông thường của DN, như: CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những CP liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bán quyền,... Những CP này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị; CP khác bao gồm các CP ngoài các chi phí SXKD phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của DN, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

Các doanh nghiệp sản xuất muốn tiến hành SXKD thì đòi hỏi phải có sự kết hợp của ba yếu tố: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Hao phí của tư liệu lao động, đối tượng lao động là hao phí động vật hoá, hao phí về sức lao động là hao phí lao động sống. Việc dùng thước đo tiền tệ để phản ánh các hao phí bên trong quá trình SXKD của doanh nghiệp sản xuất được gọi là chi phí sản xuất.

Như vậy, xét trên góc độ kế toán tài chính, chi phí được nhìn nhận như những phí tổn đã phát sinh gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các CP phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp và các CP khác. Xét về bản chất thì chi phí SXKD là sự chuyển dịch vốn của DN vào quá trình SXKD, nên nó bao gồm các CP liên quan trực tiếp đến quá trình SX sản phẩm, CP thời kỳ, CP tài chính. Còn các CP khác là các khoản CP và các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ bất thường mà DN không thể dự kiến trước được, như: CP thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, truy thu thuế...Có thể nói, về đặc điểm chung, CP trong SXKD có 3 đặc điểm: CP là hao phí tài nguyên (kể cả hữu hình và vô hình), vật chất, lao động; những hao phí này phải gắn liền với mục đích kinh doanh; phải định lượng được bằng tiền và được xác định trong một khoảng thời gian nhất định.

Kế toán CP ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của các thông tin trên BCTC, cũng như tính đúng đắn của các quyết định trong quản trị DN. Trong các DN quản lý tốt CP, không những tạo điều kiện tăng lợi nhuận, trên cơ sở đó nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

2.1.2.2. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Theo Điều 82 Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí cụ thể như sau:

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

- Mỗi doanh nghiệp chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ. Doanh nghiệp khi đã lựa chọn phương pháp kế toán thì phải áp dụng nhất quán trong một năm tài chính. Trường hợp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, cuối kỳ kế toán phải kiểm kê để xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

2.1.2.3. Phân loại chi phí

Trong quá trình SX của DN phát sinh rất nhiều loại CP. Việc phân loại CP một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quản lý và hạch toán CP của DN. Với mục đích cung cấp thông tin hữu ích cho quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán, CP kinh doanh thường được PL theo các cách chủ yếu như; PL theo nội dung (tính chất) kinh tế của CP; PL theo cách thức kết chuyển chi phí,...

** Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí*

Đây là một cách phân loại khác của CP để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý CP theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh của CP, CP được phân loại theo yếu tố.

Theo cách phân loại này, về thực chất, chi phí SXKD chỉ có 3 yếu tố CP cơ bản là: CP về lao động sống, CP về đối tượng lao động và CP về tư liệu lao động. Tuy nhiên, để cung cấp thông tin về CP một cách cụ thể hơn nhằm phục vụ cho việc xây dựng và phân tích ĐM vốn lưu động, việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán CP, các yếu tố CP trên cần được chi tiết hoá theo nội dung kinh tế cụ thể của chúng. Để chi tiết hoá phục vụ yêu cầu quản lý, toàn bộ CP thường được chia thành các yếu tố sau:

Chi phí nguyên liệu và vật liệu: bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ sử dụng vào sản xuất kinh doanh.

Chi phí khấu hao TSCĐ máy móc thiết bị: phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho SXKD của DN;

Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh toàn bộ chi phí cho các dịch vụ mua ngoài dùng vào SXKD;

Chi phí khác bằng tiền: phản ánh toàn bộ CP khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào hoạt động SXKD trong kỳ;

Chi phí nhân công: Phản ánh các khoản CP về tiền lương, các khoản BHXH, BHYT, BHTN phải trả cho người lao động.

Theo cách phân loại này thì chi phí SXKD phát sinh nếu có cùng nội dung kinh tế thì được sắp xếp vào một yếu tố bất kể nó phát sinh ở bộ phận nào, dùng để SX ra sản phẩm nào. Và cách phân loại này cũng cho ta biết các loại CP nào được dùng vào hoạt động SXKD của DN với tỷ trọng của từng loại CP đó là bao nhiêu.

Cách phân loại này là cơ sở để DN xây dựng các định mức CP cần thiết, lập dự toán CP, lập báo cáo CP theo yếu tố trong kỳ. Ngoài ra, đây cũng là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, huy động sử dụng lao động, xây dựng kế hoạch khấu hao TSCĐ... là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện CP SXKD.

** Phân loại theo khoản mục chi phí có trong giá thành sản phẩm tiêu thụ (giá thành đầy đủ)*

Theo cách phân loại này, toàn bộ các khoản CP liên quan đến việc SX và tiêu thụ sản phẩm của DN được chia làm 5 loại như sau:

Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp: là toàn bộ những chi phí về nguyên liệu, vật liệu trực tiếp tham gia vào việc SX, chế tạo sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp: là toàn bộ tiền lương, tiền công, trợ cấp, phụ cấp và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) mà DN phải trả cho người lao động trực tiếp tham gia quy trình SX sản phẩm.

Chi phí sản xuất chung: là toàn bộ những CP phát sinh tại phân xưởng SX trừ chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, CP nhân công trực tiếp. Hay nói cách khác đây là những CP mà mục đích của nó là nhằm tổ chức, quản lý, phục vụ SX ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất.

+ Chi phí nhân viên phân xưởng gồm CP tiền lương, các khoản phải trả, các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng, tổ đội sản xuất.

+ Chi phí vật liệu: Bao gồm CP vật liệu dùng chung cho phân xưởng SX với mục đích là phục vụ và quản lý sản xuất.

+ Chi phí dụng cụ: Bao gồm những CP về công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng để phục vụ sản xuất và quản lý sản xuất.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm toàn bộ CP khấu hao của TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất quản lý và sử dụng.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm các CP dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý sản xuất của phân xưởng và đội sản xuất.

+ Chi phí khác bằng tiền: là các khoản chi trực tiếp bằng tiền dùng cho việc phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng sản xuất.

Chi phí bán hàng: Là CP phát sinh trong quá trình bán hàng đó là CP lưu thông và CP tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ. Loại CP này bao gồm: CP quảng cáo, CP giao hàng, giao dịch, hoa hồng bán hàng, CP nhân viên bán hàng và CP khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản CP liên quan đến việc phục vụ và quản lý SXKD có tính chất chung toàn DN. Bao gồm: CP nhân viên quản lý, CP đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho cho toàn DN, các loại thuế phí có tính chất CP, tiếp khách ...

Cách phân loại này giúp các nhà quản trị nắm được từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà DN kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí BH và CP quản lý cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật.

* Phân loại chi phí theo mối quan hệ với kỳ. Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí SXKD gồm:

Chi phí sản phẩm: là những CP gắn liền với giá mua, bao gồm CPNCTT, CPNVLTT, CPSXC

Chi phí thời kỳ: Là những CP phục vụ cho SXKD, không tạc nên giá trị hàng tồn kho (sản phẩm, hàng hoá) mà ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong kỳ mà chúng phát sinh. Nó bao gồm có chi phí BH và chi phí QLDN, chi phí phát sinh kỳ nào thì được hạch toán ngay vào CP kinh doanh của kỳ đó và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong kỳ.

Cách phân loại này tạo điều kiện cho việc xác định giá thành công xưởng cũng như KQKD được chính xác.

* Phân loại CP theo khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí

Theo cách phân loại này, CP phát sinh tại DN được chia làm 2 loại:

Chi phí trực tiếp: Là những CP trực tiếp liên quan đến đối tượng kế toán tập hợp CP như từng loại sản phẩm, công việc, đơn đặt hàng, hoạt động,... chúng ta có thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng phải chịu CP. Loại CP này thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng CP, chúng dễ nhận biết và hạch toán chính xác như CPNVLT, CPNCTT.

Chi phí gián tiếp: Chi phí gián tiếp là những CP chung phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu CP khác nhau, bao gồm chi phí NVL phụ, chi phí công phụ, CP quảng cáo... Do liên quan đến nhiều đối tượng chịu CP khác nhau nên nguyên nhân gây ra CP gián tiếp thường phải được tập hợp sau đó lựa chọn tiêu thức phù hợp để phân bổ CP gián tiếp cho từng đối tượng chịu CP.

Tuy nhiên, mỗi đối tượng chịu CP thường chỉ phù hợp với một tiêu thức phân bổ nhất định. Mặt khác, mỗi loại CP gián tiếp có thể chỉ liên quan đến đối tượng chịu CP khác, và cũng chính vì điều này mà việc tính toán, phân bổ CP chung theo cùng một tiêu thức hay dẫn đến những sai lệch CP trong từng loại sản phẩm, từng bộ phận, từng quá trình SXKD và có thể dẫn đến quyết định khác nhau của nhà quản trị. Vì vậy, cách PL này đặt ra yêu cầu về việc lựa chọn các tiêu thức phân bổ chi phí (có thể sử dụng đồng thời nhiều tiêu thức phân bổ áp dụng cho từng loại CP khác nhau theo từng đối tượng chịu CP) để đảm bảo thông tin chính xác về CP, lợi nhuận của từng loại hoạt động, từng loại sản phẩm dịch vụ.

Cách phân loại chi phí này có ý nghĩa về mặt kỹ thuật quy nạp CP vào đối tượng tập hợp chi phí SX. Mặt khác, cách phân loại chi phí này còn giúp cho việc ra quyết định trong các tình huống khác nhau.

2.1.3. Khái quát về xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

2.1.3.1. Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh theo đúng qui định hiện hành.

- Kết quả hoạt động kinh doanh được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động. Trong hạch toán kết quả kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm,

từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào để xác định kết quả kinh doanh là doanh thu thuần và thu nhập thuần.

2.1.3.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất - kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ.

- Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{bán hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \end{array}$$

- Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng vì thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình.

2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

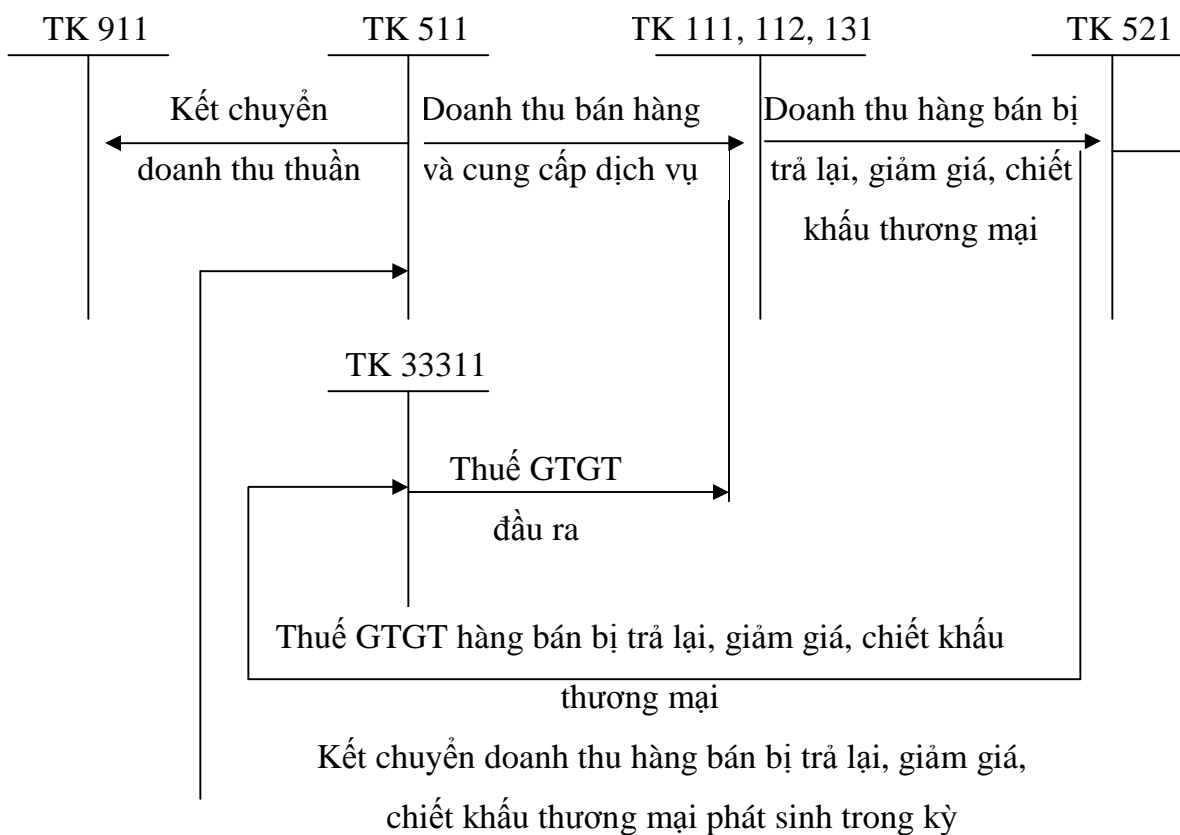
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

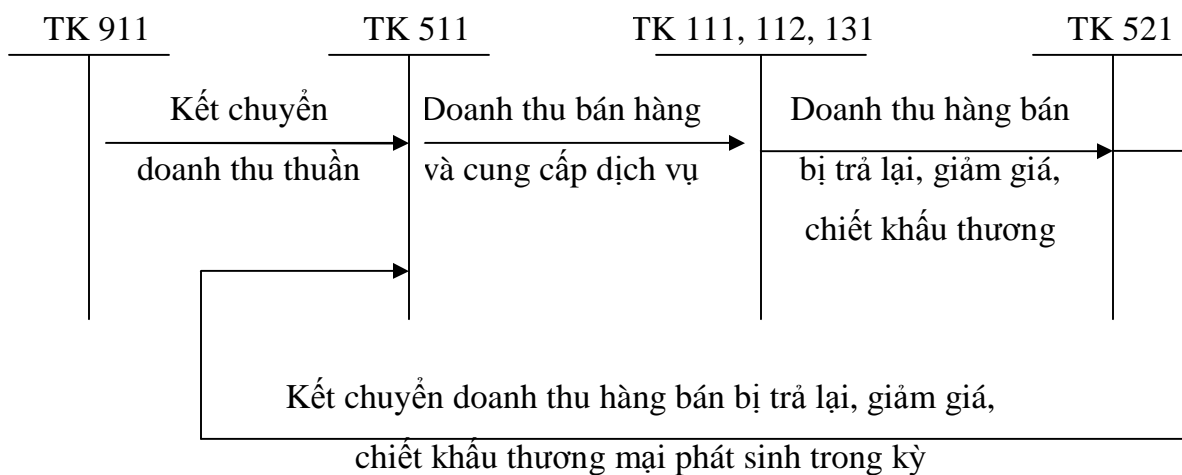
* Tài khoản sử dụng: TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

* Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Sơ đồ 2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 2.2. Kế toán doanh thu bán hàng không chịu thuế GTGT



2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất khẩu, các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải theo dõi chi tiết từng tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

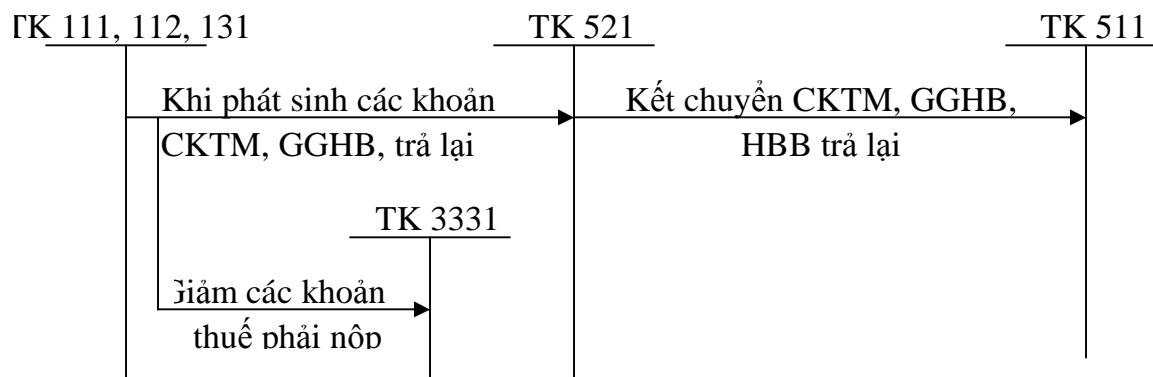
Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu sử dụng chủ yếu tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu. Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản CKTM cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

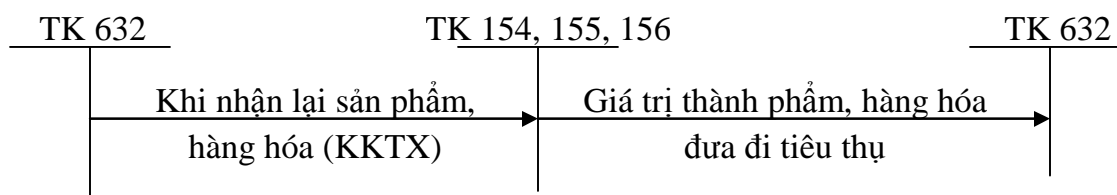
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Sơ đồ 2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 2.4. Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa

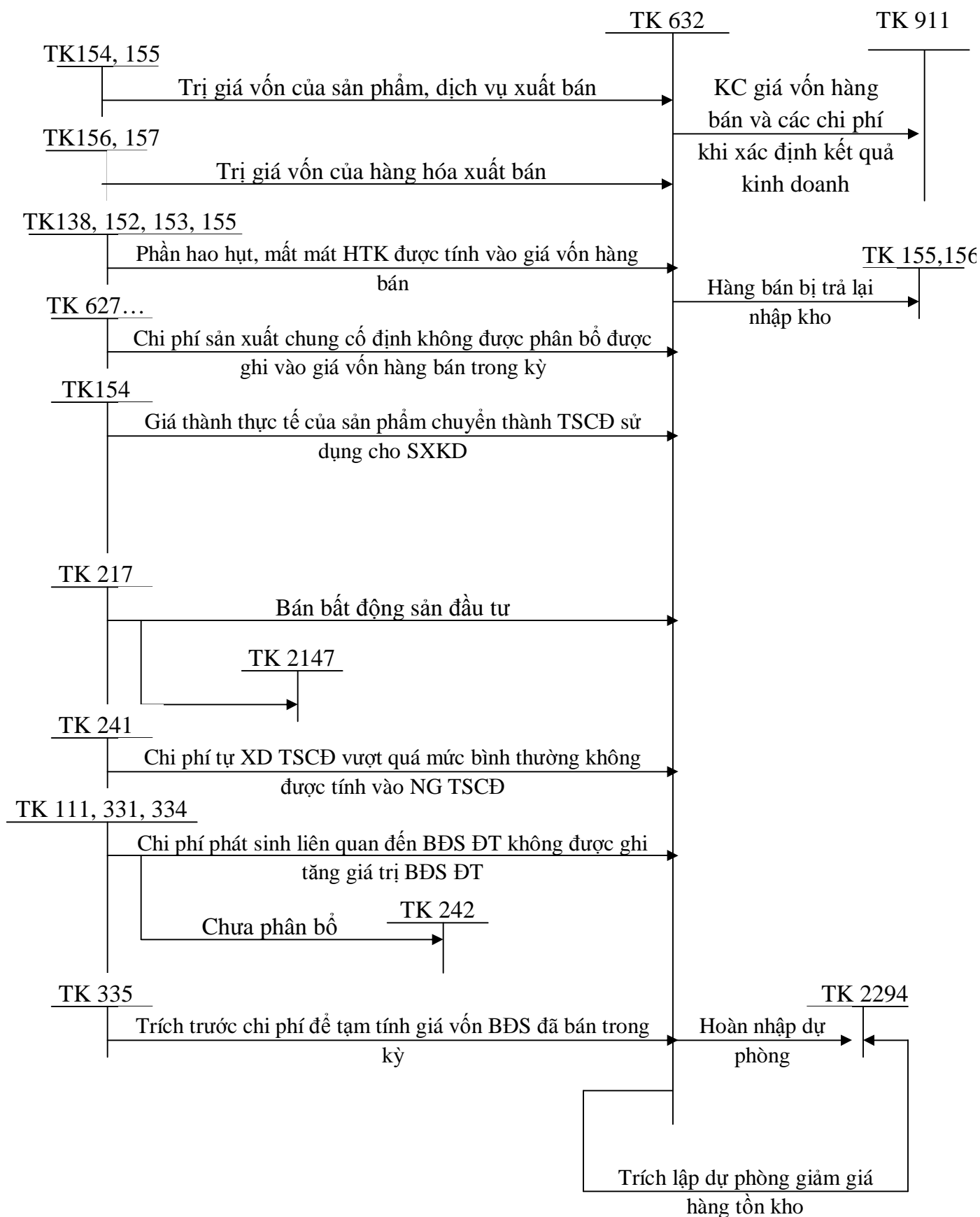


2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

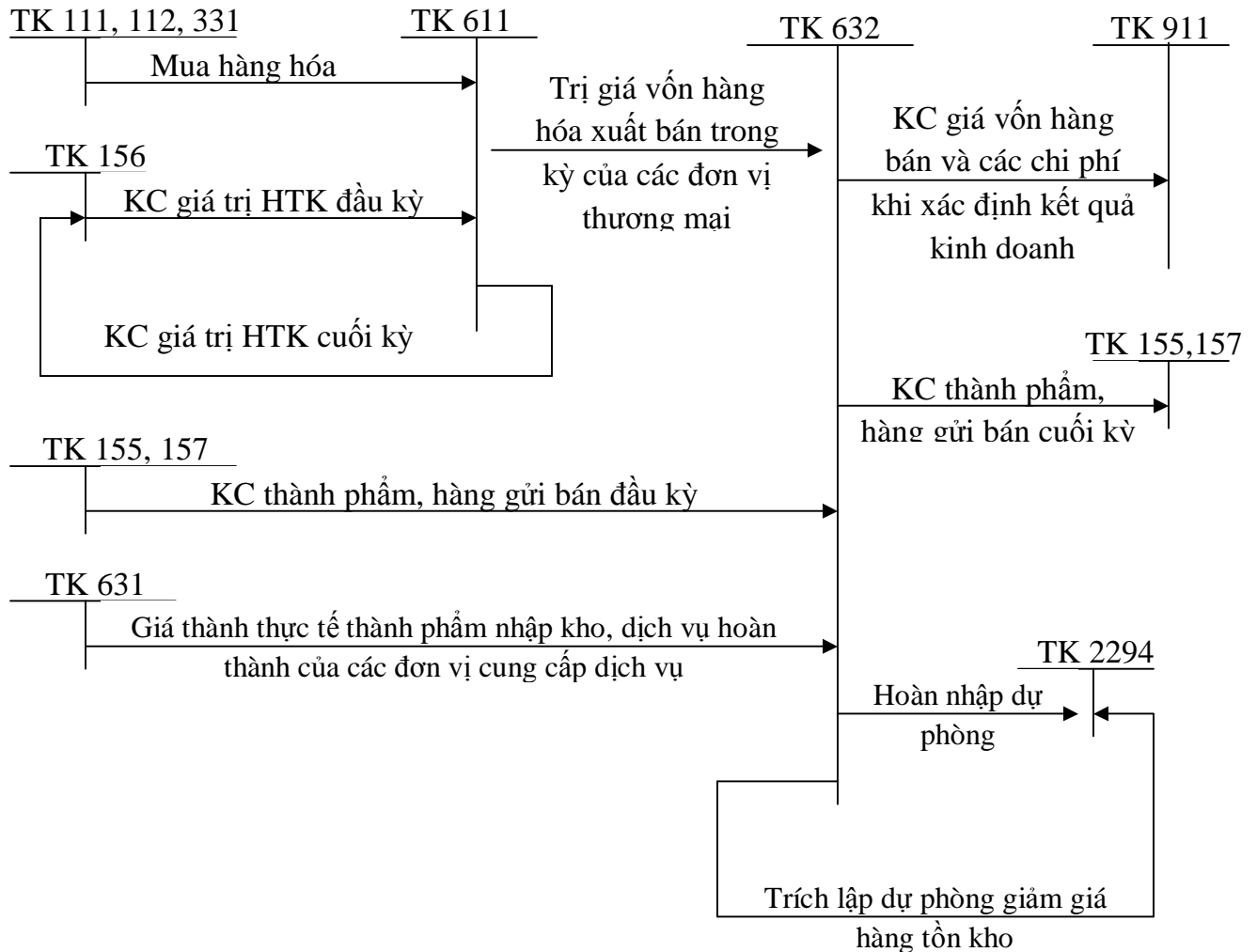
* TK sử dụng: TK 632: Giá vốn hàng bán TK này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp).

Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí có liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí phục vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh chi phí không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Sơ đồ 2.5. Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 2.6. Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



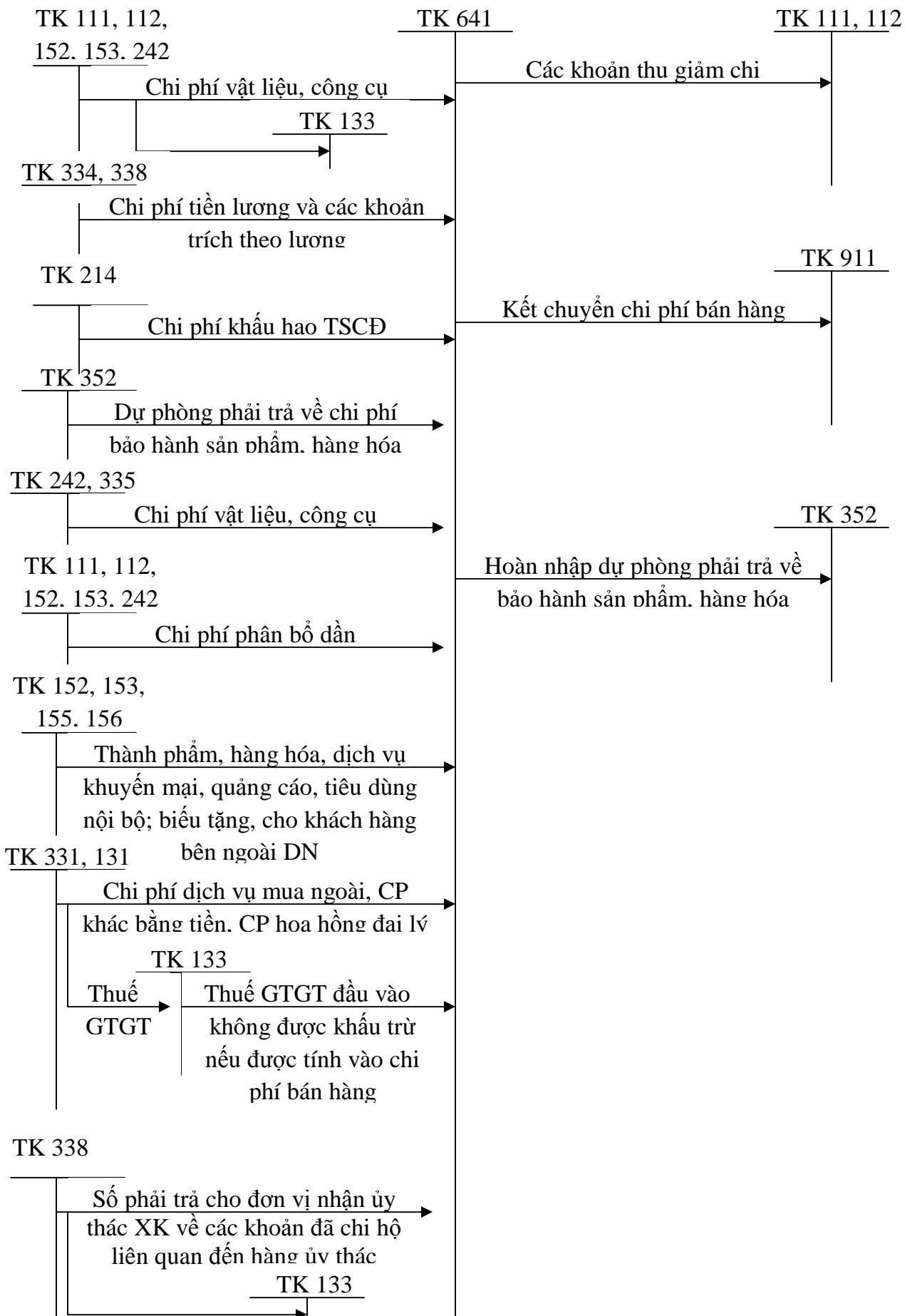
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

Kế toán sử dụng TK 641: "Chi phí bán hàng" để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Sơ đồ 2.7. Kế toán chi phí bán hàng doanh nghiệp



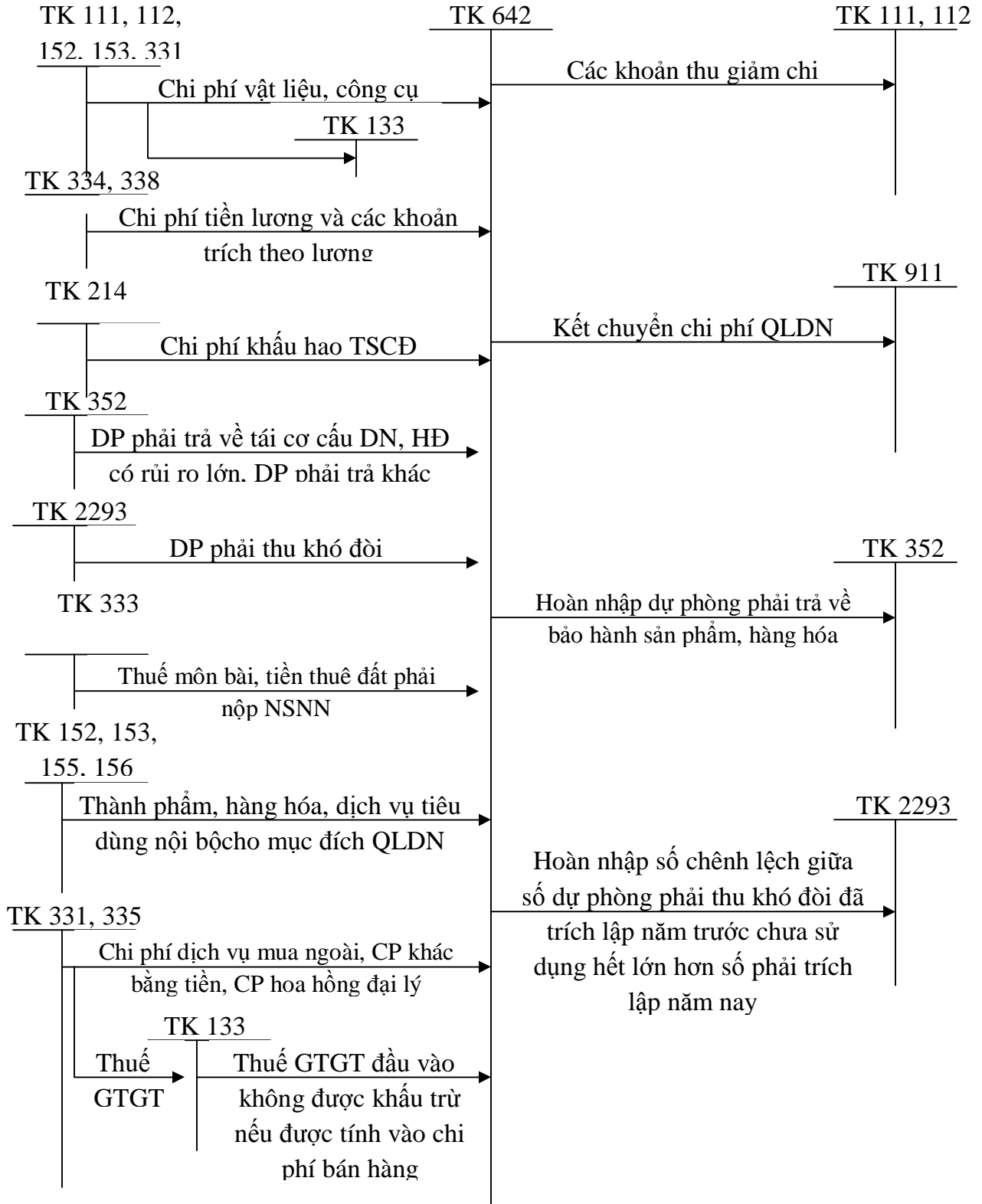
2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Kế toán sử dụng TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm các tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý ở doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Sơ đồ 2.8. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

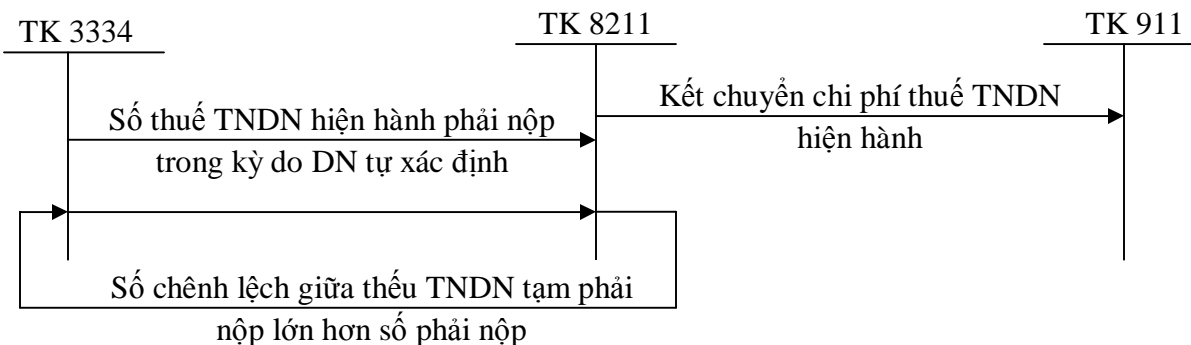
2.2.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kế toán sử dụng chủ yếu tài khoản 821- Chi phí thuế TNDN

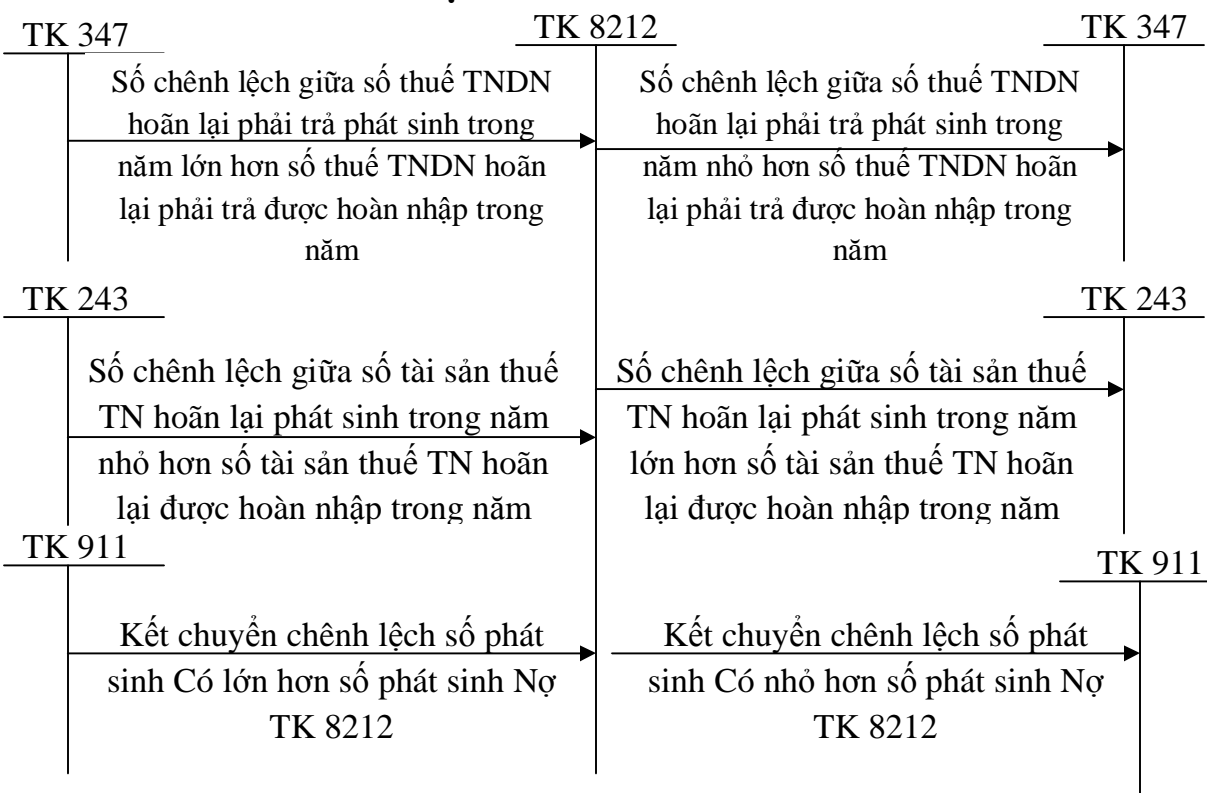
Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Sơ đồ 2.9. Kế toán chi phí thuế TNDN

* Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



* Kế toán thuế TNDN hoãn lại



2.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản

lý doanh nghiệp. Ngoài hoạt động bán hàng, còn có doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính và hoạt động khác tham gia vào việc xác định kết quả kinh doanh của DN.

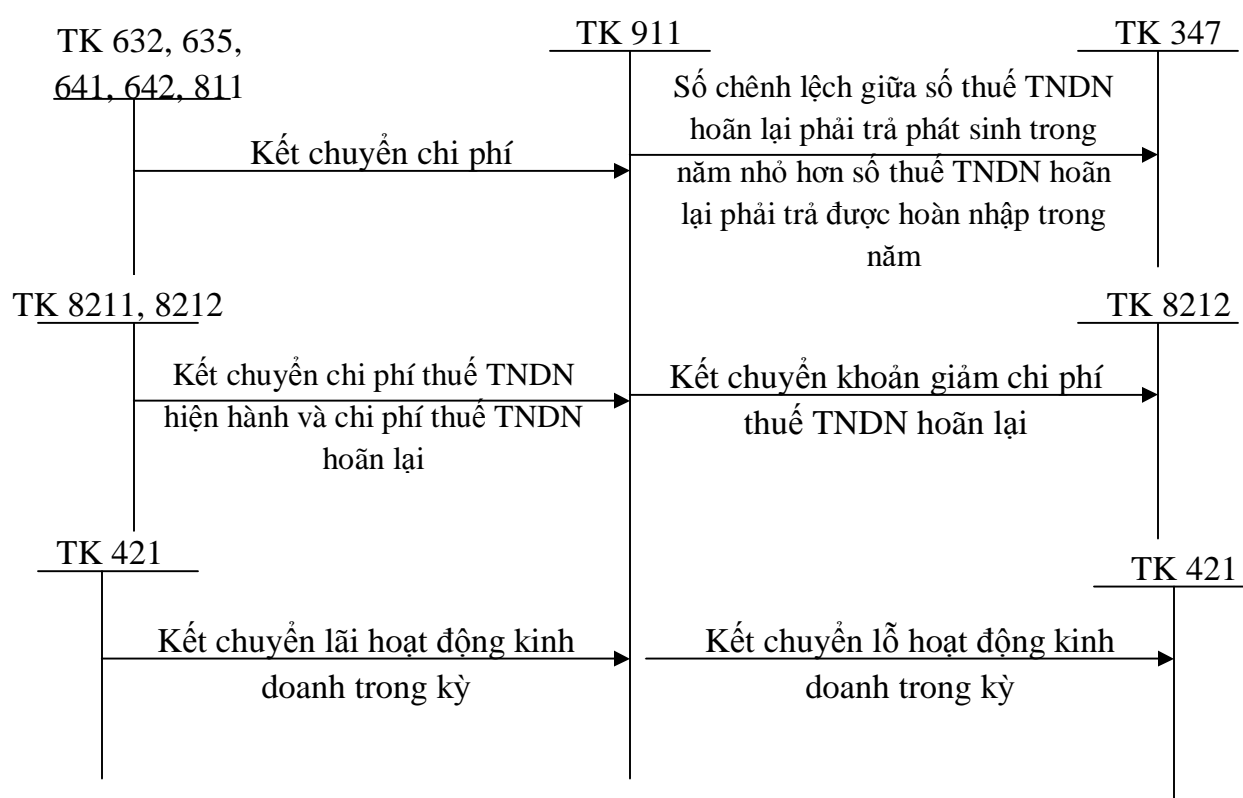
- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

TK sử dụng: TK 911-" Xác định kết quả kinh doanh".

Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Sơ đồ 2.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



2.3. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh về mặt kế toán quản trị

2.3.1. Phân loại chi phí phục vụ quá trình ra quyết định

2.3.1.1. Phân loại chi phí theo biến phí và định phí

Cách ứng xử của chi phí được hiểu là mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động. Trong tổng chi phí có những chi phí thay đổi tỉ lệ với các mức độ hoạt động đạt được: mức độ hoạt động càng cao thì lượng chi phí phát sinh càng lớn và ngược lại. Tuy nhiên, loại chi phí có cách ứng xử như vậy chỉ là một bộ phận trong tổng số chi phí của doanh nghiệp. Một số loại chi phí có tính chất cố định, không phụ thuộc theo mức độ

hoạt động đạt được trong kỳ và ngoài ra, cũng có một số các chi khác mà cách ứng xử của chúng là sự kết hợp của cả hai loại chi phí kể trên. Vì vậy, xét theo cách ứng xử, chi phí của doanh nghiệp được chia thành 3 loại: biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

2.3.1.1.1. Biến phí (Variable costs)

Biến phí là các chi phí, xét về lý thuyết, có sự thay đổi tỉ lệ với các mức độ hoạt động. biến phí chỉ phát sinh khi có các hoạt động xảy ra. Tổng số biến phí sẽ tăng (hoặc giảm) tương ứng với sự tăng (hoặc giảm) của mức độ hoạt động, nhưng biến phí tính theo đơn vị của mức độ hoạt động thì không thay đổi.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thể hiện rõ nhất đặc trưng của biến phí. Ngoài ra, biến phí còn bao gồm các chi phí khác thuộc khoản mục chi phí sản xuất chung (ví dụ, các chi phí vật liệu phụ, chi phí động lực, chi phí lao động gián tiếp trong chi phí sản xuất chung có thể là biến phí) hoặc thuộc khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (như chi phí vật liệu, phí hoa hồng, phí vận chuyên, ...). Biến phí còn được gọi là chi phí biến đổi hoặc biến phí. Có 2 loại biến phí:

Biến phí tỷ lệ là biến phí có sự biến đổi một cách tỉ lệ thuận với mức độ hoạt động.

Biến phí cấp bậc là biến phí không có sự biến đổi liên tục theo sự thay đổi liên tục của mức độ hoạt động. Các chi phí này chỉ biến đổi khi các hoạt động đã có sự biến đổi đạt đến một mức độ cụ thể nào đó, như chi phí tiền lương của bộ phận công nhân phụ (phục vụ hoạt động của công nhân chính) ở các phân xưởng sản xuất để minh họa cho loại chi phí biến đổi cấp bậc này. Các công nhân phụ thường thực hiện các công việc như đưa vật liệu từ kho đến nơi sản xuất hoặc đưa thành phẩm từ nơi sản xuất đi nhập kho, ... và được biên chế theo một tỉ lệ nhất định với số lượng công nhân chính mà họ phục vụ. Khi khối lượng sản phẩm của các công nhân chính mà họ phục vụ gia tăng, cường độ lao động của họ cũng tăng theo nhưng mức lương mà họ được hưởng không thể tính gia tăng một cách liên tục theo cường độ lao động gia tăng của họ. Tiền lương chỉ tăng lên ở một mức mới khi cường độ lao động của họ đạt đến một mức nhất định nào đó và tương tự, sẽ giữ nguyên cho đến khi cường độ lao động của họ gia tăng đạt đến một mức mới.

2.3.1.1.2. Định phí (Fixed costs)

Định phí là những chi phí, xét về lý thuyết, không có sự thay đổi theo các mức độ hoạt động đạt được. Vì tổng số định phí là không thay đổi cho nên, khi mức độ hoạt động tăng thì định phí tính theo đơn vị các mức độ hoạt động sẽ giảm và ngược lại. Các loại định phí thường gặp là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí quảng cáo, v.v.. Xét ở khía cạnh quản lý chi phí, định phí được chia thành 2 loại: định phí bắt buộc và định phí không bắt buộc.

* Định phí bắt buộc là các chi phí phát sinh nhằm tạo ra các năng lực hoạt động cơ bản của doanh nghiệp, thể hiện rõ nhất là chi phí khấu hao TSCĐ hay tiền lương nhân viên quản lý ở các phòng ban chức năng. Định phí bắt buộc có 2 đặc điểm:

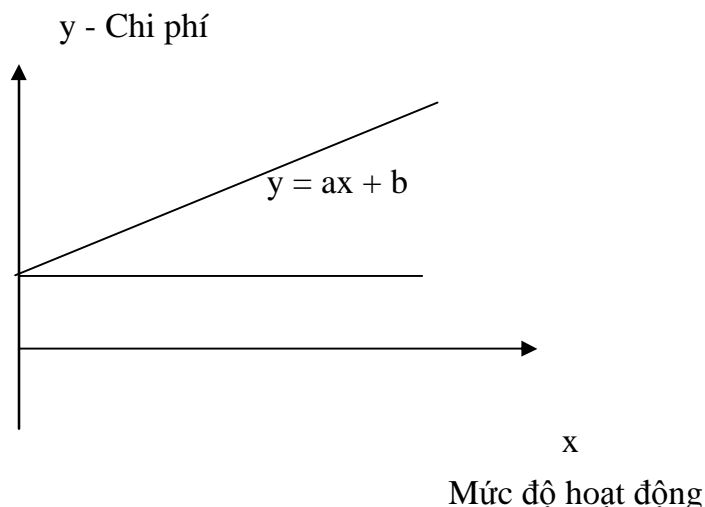
- Tồn tại lâu dài trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không thể cắt giảm đến số 0 được.

* Định phí không bắt buộc: Là định phí mà nhà quản trị có thể quyết định thay đổi dễ dàng và nhanh chóng khi lập kế hoạch hàng năm. Định phí không bắt buộc thường liên quan tới kế hoạch ngắn hạn và ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp hàng năm. Thuộc loại chi phí này gồm chi phí quảng cáo, chi phí nghiên cứu phát triển, chi phí đào tạo nhân viên, v.v..

2.3.1.1.3. Chi phí hỗn hợp (Mixed costs)

Chi phí hỗn hợp là những chi phí mà cấu thành nên nó bao gồm cả yếu tố biến phí và định phí. Ở một mức độ hoạt động cụ thể nào đó, chi phí hỗn hợp mang đặc điểm của định phí, quá mức hoạt động căn bản lại thể hiện đặc điểm của biến phí. Hiểu theo một cách khác, phần bất biến trong chi phí hỗn hợp thường là bộ phận chi phí cơ bản để duy trì các hoạt động ở mức độ tối thiểu, còn phần khả biến là bộ phận chi phí sẽ phát sinh tỉ lệ với mức độ hoạt động tăng thêm.

Nếu ta gọi: a là tỉ lệ biến đổi theo các mức độ hoạt động của bộ phận chi phí biến đổi trong chi phí hỗn hợp; b là bộ phận chi phí bất biến trong chi phí hỗn hợp thì phương trình biểu diễn sự biến thiên của chi phí hỗn hợp là một phương trình bậc nhất có dạng: $y = ax + b$. Có thể minh họa sự biến đổi của chi phí hỗn hợp trên đồ thị như sau:



Đồ thị 2.1. Đồ thị biểu diễn chi phí hỗn hợp

Nhằm phục vụ việc lập kế hoạch, phân tích và quản lý chi phí, cần phải phân tích các chi phí hỗn hợp thành yếu tố khả biến và yếu tố bất biến. Việc phân tích này được

thực hiện bằng một trong ba phương pháp: phương pháp cực đại, cực tiểu, phương pháp đồ thị phân tán và phương pháp bình phương bé nhất.

*** Phương pháp cực đại, cực tiểu (the high-low method)**

Việc phân tích chi phí hỗn hợp thành các yếu tố bất biến và khả biến được tiến hành trên cơ sở các số liệu về chi phí hỗn hợp được thống kê và tập hợp theo các mức độ hoạt động khác nhau ở các khoảng thời gian. Phương pháp cực đại, cực tiểu tiến hành phân tích chỉ theo số liệu ở hai "điểm" thời gian có mức độ hoạt động đạt cao nhất và thấp nhất với giá trị chi phí hỗn hợp tương ứng của chúng.

Phương pháp này được thực hiện qua trình tự các bước như sau:

Bước 1: Xác định mức độ hoạt động cao nhất và thấp nhất và chi phí hỗn hợp tương ứng:

Nếu ta gọi M_{max} là điểm có mức độ hoạt động cao nhất thì các tọa độ tương ứng của nó sẽ là $M_{max}(X_{max}; Y_{max})$, với X_{max} là mức độ hoạt động cao nhất và Y_{max} là chi phí hỗn hợp ở mức độ hoạt động cao nhất.

Tương tự, gọi M_{min} là điểm có mức độ hoạt động thấp nhất thì tọa độ tương ứng của M_{min} là $M_{min}(X_{min}; Y_{min})$, với X_{min} là mức độ hoạt động thấp nhất và Y_{min} là chi phí hỗn hợp tương ứng.

Bước 2: Xác định hệ số a của yếu tố chi phí biến đổi trong chi phí hỗn hợp theo công thức:

$$a = \frac{Y_{max} - Y_{min}}{X_{max} - X_{min}}$$

Bước 3: Xác định hằng số b của yếu tố chi phí bất biến, bằng cách thay giá trị của a ở bước 2 vào phương trình biểu diễn của điểm M_{max} (hoặc M_{min}).

Chẳng hạn, khi thay giá trị của a vào phương trình biểu diễn của M_{max} , ta có:

$$Y_{max} = aX_{max} + b$$

từ đó: $b = Y_{max} - aX_{max}$

Bước 4: Xác định phương trình biến thiên của chi phí hỗn hợp, có dạng:

$$y = ax + b$$

*** Phương pháp đồ thị phân tán (the scatter-chart method)**

Với phương pháp này, trước hết chúng ta sử dụng đồ thị để biểu diễn tất cả các số liệu thống kê được để xác định mối quan hệ giữa chi phí hỗn hợp với mức độ hoạt động tương ứng. Sau đó, quan sát và kẻ đường thẳng qua tập hợp các điểm vừa biểu diễn trên đồ thị sao cho đường thẳng đó là gần với các điểm nhất và phân chia các điểm thành hai phần bằng nhau về số lượng các điểm. Đường thẳng kẻ được sẽ là đường đại diện cho tất

cả các điểm và được gọi là đường hồi qui (negression line). Điểm cắt giữa đường biểu diễn với trục tung phản ánh chi phí cố định. Độ dốc của đường biểu diễn phản ánh tỉ lệ biến phí (biến phí đơn vị). Xác định được các yếu tố bất biến và khả biến, đường biểu diễn chi phí hỗn hợp được xác định bằng phương trình: $y = ax + b$.

*** Phương pháp bình phương bé nhất (the least squares method)**

Với phương pháp này, hệ số biến đổi a và hằng số b (trong phương trình bậc nhất biểu diễn chi phí hỗn hợp $y = ax + b$) được xác định theo hệ phương trình sau:

$$\sum xy = b\sum x + a \sum x^2 \quad (1)$$

$$\sum y = nb + a \sum x \quad (2)$$

trong đó n là số lần quan sát.

Nhận xét ưu, nhược điểm của các phương pháp:

Trong 3 phương pháp trên, phương pháp điểm cao - điểm thấp là phương pháp đơn giản, dễ thực hiện nhất nhưng lại cho ra kết quả có độ chính xác kém nhất. Lý do là vì phương pháp này chỉ tính toán căn cứ và số liệu của 2 điểm có mức độ hoạt động cao và thấp nhất, nên tính đại diện cho tất cả các mức độ hoạt động không cao. Phương pháp đồ thị phân tán đưa lại kết quả có độ chính xác cao hơn, nhưng vẫn dựa vào cách quan sát trực quan để vẽ đường hồi qui nên khó thực hiện. Tuy vậy, phương pháp đồ thị phân tán có ưu điểm lớn là cung cấp cho các nhà quản lý một cách nhìn trực quan về quan hệ giữa chi phí với các mức độ hoạt động đạt được, thuận lợi trong việc quan sát và phân tích chi phí đối với các nhà phân tích có kinh nghiệm. Sau cùng, phương pháp bình phương bé nhất sử dụng phương pháp phân tích thống kê áp dụng tính toán cho tất cả các điểm hoạt động nên là phương pháp cho ra kết quả chính xác nhất. Ngày nay, với sự hỗ trợ đắc lực của máy tính, việc tính toán theo phương pháp này cũng không còn gặp nhiều khó khăn, cho dù các điểm quan sát tăng lên với số lượng lớn.

2.3.1.2. Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định

Để phục vụ cho việc kiểm tra và ra quyết định trong quản lý, chi phí của doanh nghiệp còn được xem xét ở nhiều khía cạnh khác. Nổi bật nhất là việc xem xét trách nhiệm của các cấp quản lý đối với các loại chi phí phát sinh, thêm nữa, các nhà quản lý nên nhìn nhận đúng đắn sự thích đáng của các loại chi phí khác nhau phục vụ cho việc phân tích, so sánh để ra quyết định lựa chọn phương án tối ưu trong các tình huống.

2.3.1.2.1. Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

Đó là những khái niệm chi phí phản ánh khả năng kiểm soát của nhà quản trị đối với chi phí phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của nhà quản trị đó, từ đó đánh giá thành quả của người quản lý.

*** Chi phí kiểm soát được:**

Là chi phí mà nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó xác định được lượng phát sinh ra nó, có thẩm quyền quyết định và tác động đến mức độ phát sinh chi phí đó, cấp quản lý đó kiểm soát được những chi phí này.

*** Chi phí không kiểm soát được:** Là chi phí mà nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó không thể dự đoán chính xác sự phát sinh của nó và không có thẩm quyền quyết định cũng như tác động đến mức độ phát sinh đối với khoản chi phí đó.

2.3.1.2.2. Chi phí chìm (sunk costs)

Chi phí chìm là những chi phí đã trả hay đã phát sinh phải trả trong quá khứ mà không phụ thuộc vào việc chấp nhận hay không chấp phương án kinh doanh. Vì vậy, chi phí chìm là loại chi phí không thích hợp cho việc xem xét, ra quyết định của nhà quản trị.

2.3.1.2.3. Chi phí chênh lệch (differential costs)

Là khoản chi phí có ở phương án sản xuất kinh doanh này nhưng không có hoặc chỉ có một phần ở phương án sản xuất kinh doanh khác. Nói cách khác đó là chi phí có mức chênh lệch giữa hai phương án đang xem xét, là thông tin chi phí quan trọng để lựa chọn phương án thực hiện. Như trong quyết định lựa chọn mua máy mới hay vẫn sử dụng máy cũ để hoạt động thì chi phí hoạt động của máy cũ và mới khác nhau là chi phí chênh lệch. Chi phí chênh lệch luôn là chi phí thích hợp (thông tin thích hợp) trong quá trình xem xét lựa chọn ra quyết định kinh doanh giữa các phương án.

2.3.1.2.4. Chi phí cơ hội (Opportunity costs)

Là lợi ích bị mất đi do chọn phương án kinh doanh này thay vì chọn phương án kinh doanh khác. Chi phí cơ hội là chi phí thích hợp (thông tin thích hợp) trong quá trình xem xét lựa chọn ra quyết định kinh doanh giữa các phương án.

2.3.1.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và báo cáo tài chính

Khi xem xét cách tính toán và kết chuyển các loại chi phí để xác định lợi tức trong từng kỳ hạch toán, chi phí sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất được chia làm hai loại là chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

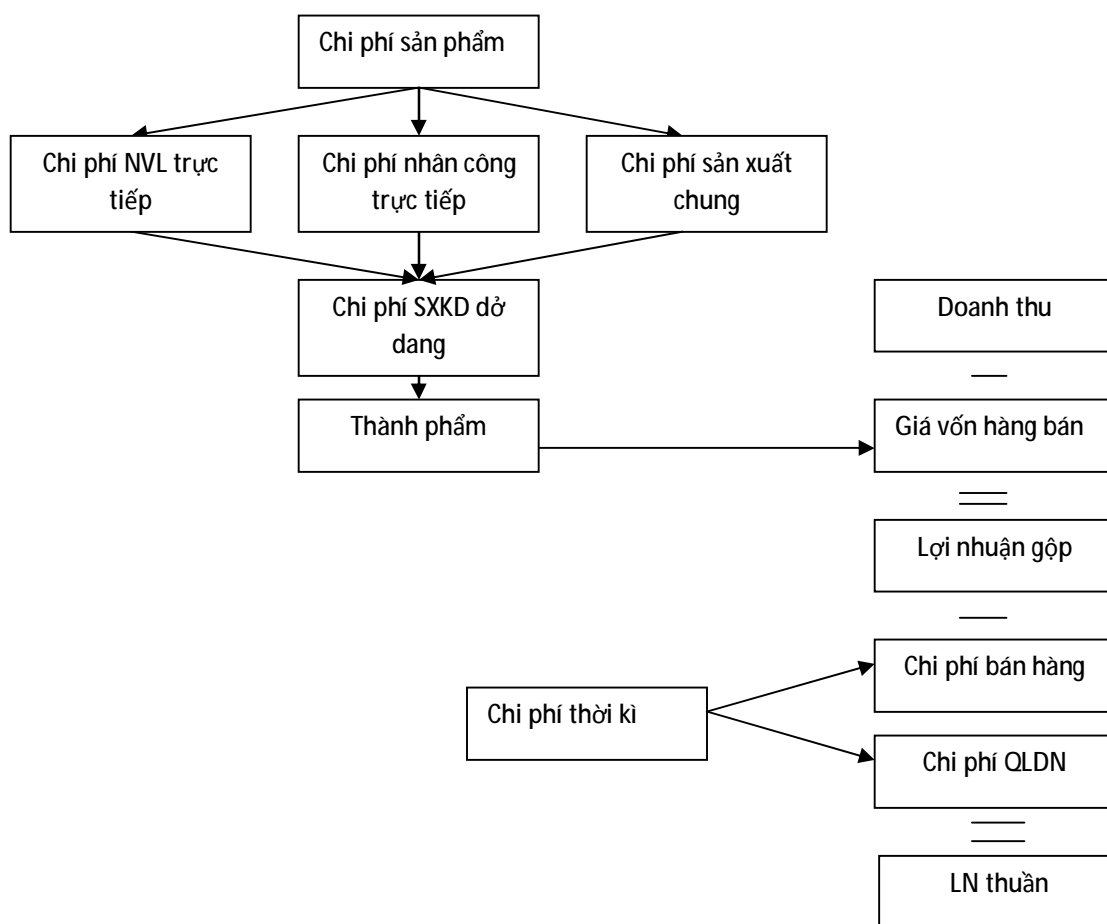
Chi phí sản phẩm (product costs)

Chi phí sản phẩm bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất sản phẩm, do vậy các chi phí này kết hợp tạo nên giá trị của sản phẩm hình thành qua giai đoạn sản xuất (được gọi là giá thành sản xuất). Thuộc chi phí sản phẩm gồm các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Xét theo mối quan hệ với việc xác định lợi tức trong từng kỳ hạch toán, chi phí sản phẩm chỉ được tính toán, kết chuyển để xác định lợi tức trong kỳ hạch toán tương ứng với khối lượng sản phẩm đã được tiêu thụ trong kỳ đó. Chi phí của khối lượng sản phẩm

tồn kho chưa được tiêu thụ vào cuối kỳ sẽ được lưu giữ như là giá trị tồn kho và sẽ được kết chuyển để xác định lợi tức ở các kỳ sau khi mà chúng được tiêu thụ. Vì lí do này, chi phí sản phẩm còn được gọi là chi phí có thể tồn kho (inventorial costs).

Chi phí thời kỳ (period costs)

Chi phí thời kỳ gồm các khoản mục chi phí còn lại ngoài các khoản mục chi phí thuộc chi phí sản phẩm. Đó là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Các chi phí thời kỳ phát sinh ở kỳ hạch toán nào được xem là có tác dụng phục vụ cho quá trình kinh doanh của kỳ đó, do vậy chúng được tính toán kết chuyển hết để xác định lợi tức ngay trong kỳ hạch toán mà chúng phát sinh. Chi phí thời kỳ còn được gọi là chi phí không tồn kho (non-inventorial costs).



Sơ đồ 2.11. Mối quan hệ giữa chi phí với lợi nhuận xác định trong từng kỳ

2.3.2. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả

Dự toán là một trong những công cụ được sử dụng rộng rãi bởi các nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát. Dự toán cung cấp cho DN thông tin về toàn bộ kế hoạch kinh doanh của DN một cách có hệ thống và đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu

đã đề ra. Ngoài ra, việc lập dự toán còn có những tác dụng khác như sau: Xác định rõ các mục tiêu cụ thể để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện sau này.

Lường trước những khó khăn tiềm ẩn để có phương án xử lý kịp thời và đúng đắn; Liên kết toàn bộ các hoạt động của DN bằng cách hợp nhất các kế hoạch và mục tiêu của các bộ phận khác nhau.

* Căn cứ để xây dựng dự toán

Để lập dự toán SXKD hàng năm của DN một cách khả thi, khi lập hệ thống dự toán quản trị DN phải dựa vào những căn cứ sau: Hệ thống SXKD hàng năm của DN, các bản dự toán SXKD của các kỳ kinh doanh năm trước, các định mức CP tiêu chuẩn, phân tích điều kiện cụ thể của từng DN về kinh tế - kỹ thuật - tài chính.

* Quy trình lập dự toán chi phí sản xuất

Căn cứ vào kế hoạch chung của toàn DN, quản trị DN giao cho từng cấp quản lý trong nội bộ DN xây dựng dự toán SXKD. Quản trị DN căn cứ vào các bản dự toán chi tiết của các cấp quản lý có cơ sở, xây dựng hệ thống dự toán SXKD hàng năm của DN.

* Phương pháp lập dự toán sản xuất kinh doanh

2.3.2.1. Dự toán tiêu thụ của doanh nghiệp

Dự toán tiêu thụ là dự toán được lập đầu tiên và căn cứ để xây dựng các dự toán còn lại trong dự toán tổng thể.

Khi lập dự toán tiêu thụ cần phân tích các nhân tố tác động, bao gồm:

- Khối lượng tiêu thụ của kỳ trước
- Các đơn đặt hàng chưa thực hiện
- Chính sách giá trong tương lai
- Chiến lược tiếp thị để mở rộng thị trường
- Các điều kiện chung về kinh tế kỹ thuật
- Quảng cáo, đẩy mạnh sản xuất, cạnh tranh trong thị trường
- Sự thay đổi về tổng sản phẩm xã hội, việc làm, giá cả, thu nhập trên đầu người.

Dự toán tiêu thụ được lập dựa trên dự báo tiêu thụ. Dự toán tiêu thụ bao gồm những thông tin về chủng loại, số lượng hàng bán, giá bán và cơ cấu sản phẩm tiêu thụ.

$$\text{Dự toán doanh thu} = \frac{\text{Dự toán sản phẩm tiêu thụ}}{\text{Đơn giá bán theo dự toán}} \times$$

Ngoài ra, dự toán tiêu thụ còn dự báo cả mức bán hàng thu bằng tiền và bán hàng tín dụng, cũng như các phương thức tiêu thụ. Khi lập dự toán tiêu thụ, các nhà quản trị cần xem xét ảnh hưởng chi phí marketing đến hoạt động tiêu thụ tại doanh nghiệp.

Khi lập dự toán tiêu thụ cần quan tâm đến chính sách bán hàng của doanh nghiệp để ước tính các dòng tiền thu vào liên quan đến bán hàng trong các thời kỳ khác nhau.

2.3.2.2. Dự toán chi phí

2.3.2.2.1. Dự toán giá vốn hàng bán và dự toán tồn kho cuối kỳ

Giá vốn hàng bán thực chất là tổng giá thành của khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ tính theo phương pháp giá toàn bộ trong doanh nghiệp sản xuất. Như vậy trên cơ sở số lượng sản phẩm sản xuất theo dự toán, giá thành dự toán để sản xuất sản phẩm, số lượng sản phẩm dự trữ dự toán vào cuối kỳ, dự toán giá vốn hàng xuất bán được xây dựng như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Dự toán giá} & & \text{Giá thành sản phẩm} & & \text{Giá thành sản} & & \text{Giá thành sản} \\ \text{vốn hàng} & = & \text{sản xuất trong kỳ} & + & \text{phẩm tồn cuối} & - & \text{phẩm tồn đầu kỳ} \\ \text{xuất bán} & & \text{theo dự toán} & & \text{kỳ dự toán} & & \text{thực tế} \end{array}$$

Nếu đơn vị không có tồn kho sản phẩm hoặc chi phí đơn vị tồn kho tương tự nhau thì giá vốn hàng bán có thể tính bằng tích của sản lượng tiêu thụ nhân với giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm.

2.3.2.2.2. Dự toán chi phí bán hàng

Dự toán chi phí bán hàng phản ánh các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm dự tính của kỳ sau. Dự toán này nhằm mục đích tính trước và tập hợp các phương tiện chủ yếu trong quá trình bán hàng. Khi xây dựng dự toán cho các chi phí này cần tính đến nội dung kinh tế của chi phí cũng như yếu tố biến đổi và yếu tố cố định trong thành phần chi phí.

$$\begin{array}{ccc} \text{Dự toán chi phí} & = & \text{Dự toán định} \\ \text{bán hàng} & & \text{phí bán hàng} \quad + \quad \text{Dự toán biến phí bán} \\ & & & & \text{hàng} \end{array}$$

2.3.2.2.3. Dự toán định phí bán hàng

Yếu tố định phí thường ít biến đổi trong một phạm vi phù hợp gắn với các quyết định dài hạn, và có thể dự báo một cách dễ dàng dựa vào chức năng kinh doanh của doanh nghiệp. Các chi phí này cũng có thể thay đổi trong trường hợp phát triển thêm mạng phân phối mới, thêm các dịch vụ mới sau bán hàng, dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường, ...

$$\begin{array}{ccc} \text{Dự toán định} & = & \text{Định phí bán hàng} \quad \times \quad \text{Tỷ lệ \% tăng (giảm)} \\ \text{phí bán hàng} & & \text{thực tế kỳ trước} \quad \quad \quad \text{theo dự kiến} \end{array}$$

2.3.2.2.4. Dự toán biến phí bán hàng

Biến phí bán hàng có thể là biến phí trực tiếp như hoa hồng, lương nhân viên bán hàng... Biến phí gián tiếp là những chi phí liên quan đến từng bộ phận bán hàng như chi

phí bảo trì, xăng dầu, hỗ trợ bán hàng ... và thường được dự toán trên cơ sở số lượng bán hàng dự toán hoặc xác định một tỷ lệ % theo thống kê kinh nghiệm.

$$\frac{\text{Dự toán biến phí bán hàng}}{\text{biến phí}} = \frac{\text{Dự toán biến phí đơn vị bán hàng}}{\text{đơn vị}} \times \frac{\text{Sản lượng tiêu thụ theo dự toán}}{\text{theo dự toán}}$$

Hoặc

$$\frac{\text{Dự toán biến phí bán hàng}}{\text{biến phí}} = \frac{\text{Dự toán biến phí trực tiếp}}{\text{phí trực tiếp}} \times \frac{\text{Tỷ lệ (\%) biến phí theo dự kiến}}{\text{dự kiến}}$$

2.3.2.2.5. Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Dự toán chi phí quản lý thường phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Chi phí này liên quan đến toàn bộ doanh nghiệp, mà không liên quan đến từng bộ phận hoạt động nào. Tương tự như dự toán bán hàng, việc lập dự toán biến phí quản lý này thường dựa vào biến phí quản lý đơn vị nhân với sản lượng tiêu thụ dự kiến.

$$\frac{\text{Dự toán biến phí QLDN}}{\text{QLDN}} = \frac{\text{Dự toán biến phí đơn vị QLDN}}{\text{đơn vị QLDN}} \times \frac{\text{Sản lượng tiêu thụ theo dự toán}}{\text{theo dự toán}}$$

Hoặc

$$\frac{\text{Dự toán biến phí QLDN}}{\text{QLDN}} = \frac{\text{Dự toán biến phí trực tiếp}}{\text{phí trực tiếp}} \times \frac{\text{Tỷ lệ (\%) biến phí QLDN}}{\text{QLDN}}$$

Số liệu từ dự toán này còn là cơ sở để lập dự toán tiền mặt và báo cáo kết quả kinh doanh dự toán của doanh nghiệp.

Còn định phí quản lý doanh nghiệp thường không thay đổi theo mức độ hoạt động. Các thay đổi của loại chi phí này chủ yếu do việc trang bị đầu tư thêm cho bộ phận quản lý của doanh nghiệp. Lập dự toán bộ phận này cần căn cứ vào dự báo các nội dung cụ thể của từng yếu tố chi phí để xác định chính xác định phí theo dự toán.

$$\frac{\text{Dự toán định phí QLDN}}{\text{QLDN}} = \frac{\text{Định phí QLDN của kỳ trước}}{\text{của kỳ trước}} \times \frac{\text{Tỷ lệ tăng (giảm) định phí QLDN dự kiến}}{\text{phí QLDN dự kiến}}$$

2.3.2.3. Dự toán báo cáo kết quả kinh doanh

Trên cơ sở các dự toán bộ phận đã lập, bộ phận kế toán quản trị lập các báo cáo kết quả kinh doanh dự toán. Số liệu dự toán trên các báo cáo tài chính này thể hiện kỳ vọng của các nhà quản lý tại doanh nghiệp và có thể được xem như một công cụ quản lý của doanh nghiệp cho phép ra các quyết định về quản trị, nó cũng là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện dự toán đã đề ra.

Dự toán này được lập căn cứ vào các dự toán doanh thu, dự toán giá vốn, và các dự toán chi phí ngoài sản xuất đã được lập. Dự toán này có thể được lập theo phương pháp toàn bộ hoặc theo phương pháp trực tiếp.

Dự toán Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp tính giá toàn bộ		Dự toán Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp	
Doanh thu dự toán	xxx	Doanh thu	xxx
Giá vốn hàng bán dự toán	xxx	Biến phí SX hàng bán	xxx
Lợi nhuận gộp theo dự toán	xxx	Biến phí bán hàng và QLDN	xxx
Chi phí bán hàng & QLDN dự toán	xxx	Lãi trên biến phí	xxx
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay	xxx	Định phí sản xuất chung	xxx
		Định phí bán hàng và QLDN	xxx
		Lợi nhuận trước thuế và lãi vay	xxx

2.3.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ việc ra quyết định

2.3.3.1. Phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

Phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận là việc phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các yếu tố chi phí, khối lượng sản phẩm tiêu thụ và giá bán sản phẩm nhằm giúp nhà quản trị xác định ảnh hưởng của chi phí và khối lượng tiêu thụ đến lợi nhuận.

Một trong những tác dụng của việc phân loại chi phí thành biến phí và định phí là giúp các doanh nghiệp nhận thức được rằng sau điểm hòa vốn cứ mỗi sản phẩm được tiêu thụ sẽ làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp thêm một giá trị đúng bằng phần chênh lệch giữa doanh thu và biến phí của sản phẩm đó do các sản phẩm này không phải bù đắp cho phần định phí đã được bù đắp bằng các sản phẩm hòa vốn của doanh nghiệp. Do vậy, cơ sở của phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận là xác định điểm hòa vốn. Khi xác định điểm hòa vốn nhà quản trị có thể ra các quyết định về kế hoạch sản xuất và bán hàng, đánh giá các phương án kinh doanh, phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp để đạt được lợi nhuận. Để đáp ứng được việc phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận thì chi phí của doanh nghiệp cần được phân loại thành biến phí và định phí, với các chi phí hỗn hợp thì cần thiết tách chúng thành biến phí và định phí. Bên cạnh đó việc xem xét sự ảnh hưởng của các yếu tố biến phí và định phí và giá bán tới lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định hợp lý.

Từ các thông tin do bộ phận marketing cung cấp, KTQT đưa ra các phương án kinh doanh cho kỳ tới. Sau đó KTQT tiến hành loại bỏ các thông tin không thích hợp bao gồm các thông tin về chi phí chìm, các chi phí và thu thập như nhau ở mọi phương án...) liên quan đến các phương án đang xem xét, các thông tin thích hợp còn lại KTQT tiến hành phân tích và lập báo cáo kết quả phân tích thông tin của các phương án đó đi đến quyết định kinh doanh.

Mô hình chi phí – khối lượng – lợi nhuận theo cách tiếp cận toán học được thể hiện theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận} = (P - V) \times Q - F \text{ hay } \text{Lợi nhuận} = CM \times Q - F$$

Trong đó P là đơn giá

V là biến phí đơn vị

F là định phí

Q là khối lượng sản phẩm

CM là lãi gộp của một đơn vị sản phẩm.

Lãi gộp là phần còn lại từ doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi biến phí. Chính vì vậy nó là khoản để bù đắp định phí và tạo ra lợi nhuận trong kỳ. Theo tỷ lệ lãi gộp thì các vấn đề về chi phí – khối lượng – lợi nhuận có thể được giải quyết sử dụng phương trình cơ bản sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tỷ lệ lãi gộp} \times \text{Doanh số} - F$$

Khi lãi gộp đủ bù đắp mọi định phí thì công ty sẽ không có lợi nhuận và cũng không bị lỗ tức là công ty sẽ hòa vốn.

Điểm hòa vốn là điểm doanh thu đạt được để lợi nhuận bằng không. Khi doanh thu đạt điểm hòa vốn thì lợi nhuận hoạt động sẽ tăng theo số lãi gộp của một đơn vị cho mỗi một đơn vị sản phẩm được tiêu thụ thêm.

2.3.3.2. Phân tích thông tin chi phí phục vụ việc ra quyết định trong một số trường hợp đặc biệt

Kế hoạch lợi nhuận của đơn vị khi xây dựng phải tính đến sự biến động của các nhân tố trong mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận vì trong thực tế giá bán, biến phí và cả định phí đều có thể thay đổi. Mỗi sự thay đổi của các nhân tố trong quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận là sự phản ánh linh hoạt các chính sách kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế hoạch. Chẳng hạn, đơn vị có thể đưa ra tình huống giá bán giảm 1%, 2%, 5%...trong một chương trình khuyến mãi nào đó. Nói một cách rộng hơn, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận cần phải tính đến ảnh hưởng của những thay đổi về giá bán, kết cấu hàng bán, biến phí, định phí; qua đó cung cấp những báo cáo nhanh về tác động của những thay đổi trên đối với doanh thu, doanh thu hòa vốn và lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Kỹ thuật này trong phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận còn gọi là phân tích độ nhạy.

Tuy nhiên, để đánh giá tình hình này cần xem xét đến các thay đổi của giá cả và chi phí.

- Thay đổi về giá bán

Sự thay đổi giá bán thường liên quan đến chính sách định giá bán của doanh nghiệp để gia tăng thị phần hoặc khai thác năng lực kinh doanh còn nhàn rỗi trong trường hợp hoạt động có tính thời vụ. Giảm giá bán hàng hóa sẽ làm giảm lãi trên biên phí đơn vị hay giảm tỷ suất lợi nhuận nhưng ngược lại có thể làm tăng doanh thu nhiều hơn, góp phần gia tăng lợi nhuận hơn nữa. Phân tích độ nhạy về giá cần xem xét về độ co giãn của cầu theo giá, tính chất bổ sung hay thay thế của sản phẩm, vị trí của sản phẩm trên thị trường; qua đó xác định các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận để lựa chọn phương án kinh doanh tốt nhất.

- Thay đổi biên phí: Trong các DNSX, sự thay đổi biên phí thường do thay đổi công nghệ sản xuất, thay đổi cách bố trí lao động hoặc sử dụng các vật liệu thay thế trong quá trình sản xuất. Sự thay đổi giá cả của vật liệu mua ngoài, tiền công cũng là nhân tố ảnh hưởng đến biên phí. Biên phí thay đổi còn liên quan đến các chương trình trong kế hoạch marketing của doanh nghiệp, như chính sách chiết khấu thương mại, tặng kèm sản phẩm, hoa hồng bán hàng. Như vậy, khi phân tích sự thay đổi biên phí đơn vị cần xem xét nó có ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng bán hay không, hay chỉ tác động đối với lãi trên biên phí đơn vị. Qua đó, công cụ phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận sẽ cung cấp thông tin sự thay đổi của lợi nhuận, doanh thu do các phương án thay đổi về biên phí.

- Thay đổi định phí và biến phí: Định phí của doanh nghiệp được chia thành định phí bắt buộc và định phí tùy ý. Định phí bắt buộc khó có thể thay đổi trong ngắn hạn, do nó liên quan đến các quyết định về đầu tư mới, mở rộng qui mô nhà xưởng hay thanh lý tài sản cố định. Ngược lại, định phí tùy ý có thể tăng giảm mà có thể không ảnh hưởng lâu dài đến kết quả kinh doanh. Trong bối cảnh đó, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận cần xem xét đến các phương án có liên quan đến thay đổi định phí, hoặc tác động của thay đổi định phí đối với biến phí, hay đối với sản lượng bán. Nếu các yếu tố khác không đổi, định phí gia tăng sẽ làm mức bán hòa vốn phải gia tăng để bù đắp sự gia tăng về định phí. Do vậy, công cụ chi phí – khối lượng – lợi nhuận cần xem đến các khía cạnh này để có thể lựa chọn phương án kinh doanh tốt nhất.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG THỊNH LIỆT

3.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên Công ty: Công ty Cổ Phần đầu tư và bê tông Thịnh Liệt

Tên viết tắt: ThinhlietCo

Tên giao dịch quốc tế: thinhliet concrete and investment joint stock company.

Công ty cổ phần đầu tư và bê tông Thịnh Liệt (tiền thân là Công ty bê tông và xây dựng Thịnh Liệt) – thành viên Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị (UDIC) - Thành lập theo quyết định số 3359/QĐUB ngày 22/12/1992 của UBND thành phố Hà Nội và quyết định đổi tên, xác định lại nhiệm vụ số 4240/QĐ - UB ngày 10/12/1996. Ngày 17/5/2006 chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định số 2315/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần đầu tư và bê tông Thịnh Liệt đặt tại Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (84 - 4) 38614 509 / 38615 323

Fax : (84 - 4) 38615 289 / 38615 577

Email : betongthinhliet@fpt.vn

Wed-side : www.thinhlietconcrete.com.vn

Địa bàn hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và bê tông Thịnh Liệt trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Đặc biệt là các tỉnh phía Bắc và miền Trung như: Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An....

Công ty Cổ phần đầu tư và bê tông Thịnh Liệt có:

- Tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

Con dấu riêng, độc lập về tài sản, mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước theo quy định của pháp luật;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Chịu trách nhiệm TC hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

Có bảng cân đối kê toán riêng, lập các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lĩnh vực kinh doanh chính sau đây:

- Sản xuất và kinh doanh các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm và các loại vật liệu xây dựng.
- Xây dựng và trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật và xây lắp điện.
- Lập, quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển nhà ở, khu công nghiệp, đầu tư hạ tầng và kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất và KD các thiết bị, công cụ, sản phẩm cơ khí phục vụ cho xây dựng.
- Chuyển giao công nghệ SX sản phẩm bê tông, vật liệu xây dựng và xây dựng.
- Kinh doanh và vận chuyển hàng hoá.
- Cho thuê kho bãi.

3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Được thành lập chính thức vào ngày 16/8/1977 với tên gọi ban đầu là Nhà máy bê tông Thịnh Liệt, với nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ cho Hà Nội với công nghệ tiên tiến của Ba Lan cùng với trên 400 CBCNV, kỹ sư và công nhân lành nghề có kinh nghiệm. Trải qua 31 năm, Công ty Cổ phần đầu tư và Bê tông Thịnh Liệt đã trưởng thành và mở rộng thị trường của mình ở các tỉnh phía Bắc, miền Trung Việt Nam và một phần sang Lào với các sản phẩm ngày càng đa dạng như :

- Vữa bê tông thương phẩm các loại từ 10 đến 50Mpa
- Cột điện bê tông ly tâm có độ dài từ 6 đến 20m
- Cột điện chữ H từ 6,5 m đến 8,5 m.
- Ống cống bê tông các loại có đường kính từ D200 đến D2500
- Các sản phẩm cọc vuông và cọc ống dự ứng lực.
- Panen các loại và sản phẩm khác như công hộp tuynen, gạch bê tông nhẹ, vữa.

Các sản phẩm của Công ty ngày càng chiếm lĩnh và được thị trường chấp nhận qua các công trình quốc gia như :

- Dự án nâng cấp lưới điện 3 thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định (cung cấp cột điện các loại).
- Dự án thoát nước thành phố Hà Nội (ống cống và tụy nen).
- Dự án thoát nước Hải Phòng (ống cống).
- Dự án thoát nước Yên Sở (cọc bê tông và ống cống).
- Dự án KCN Bắc Thăng Long (ống cống và bê tông thương phẩm).
- Dự án nút giao thông Kim Liên (công hộp và ống cống, bê tông thương phẩm).

- Các cấu kiện dự ứng lực cho công trình nhà di dân thủy điện Sơn La...v.v...

Đặc biệt, năm 2002 Công ty cung cấp sản phẩm ống công, tấm ghé ngồi ứng suất trước, bê tông thương phẩm, gạch bê tông nhẹ, vữa, tấm sàn dự ứng lực, cho công trình Khu liên hợp thể thao quốc gia. Ngoài ra, từ năm 2002 đến nay, Công ty là đơn vị cung cấp hầu hết khối lượng cọc bê tông cho các công trình xây dựng của Bộ quốc phòng. Ngoài ra còn rất nhiều công trình trọng điểm khác như các khu đô thị tại Hà nội và các tỉnh lân cận cũng sử dụng các sản phẩm bê tông của Công ty.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, Công ty càng trở nên mạnh hơn do được nhà nước quan tâm sát nhập thêm công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Lĩnh Nam với tổng diện tích gần 40.000 m² nữa và toàn bộ dây chuyền sản xuất ống công và các sản phẩm bê tông khác vào công ty. Do đó, năng lực sản xuất kinh doanh của toàn công ty tăng rõ rệt, doanh thu hàng năm cũng tăng trưởng nhanh chóng. Các khách hàng đến với Công ty nhiều hơn và khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng của công ty cũng mạnh hơn.

Đến nay sản phẩm truyền thống và tạo sức mạnh của công ty là: ống thoát nước tròn các loại, cọc ống bê tông ly tâm dự ứng lực, cọc vuông bê tông dự ứng lực.

Công ty luôn coi chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu để giữ uy tín và thị trường. Do vậy đầu tư vào chất lượng và trọng điểm. Công ty có một phòng quản lý kiểm định chất lượng được Bộ Xây dựng chứng nhận tiêu chuẩn (mã số LAS-XD42 với đội ngũ cán bộ trình độ. Phòng có khả năng và thường xuyên tiến hành các thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu đầu vào: Xi măng, cát, đá, thép và chất lượng hàng hoá trước khi nhập kho và xuất xưởng. Tuân thủ theo tiêu chuẩn Việt Nam. Năm 1997 phòng kiểm tra chất lượng của công ty được công nhận khả năng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm ngành xây dựng theo quyết định số 265/BXD - KH-CN của Bộ xây dựng với mã số LAS - XD 42. Công ty thường xuyên tổ chức việc kiểm tra chất lượng theo lô, tuân thủ theo đúng TCVN đã quy định.

Với nhu cầu phát triển doanh nghiệp, công ty Công ty cũng đã cố gắng xây dựng vận hành và đến cuối năm 2000, Công ty đã chính thức được cấp chứng chỉ đảm bảo Hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002 do tổ chức Quacert-Vietnam và QMS-Australia. Tiếp tục phát triển hơn nữa, năm 2004 Công ty được cấp chứng nhận đảm bảo Hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Hiện nay Công ty đang xây dựng và áp dụng Hệ thống TQM. Đây là một thành công mang tính chất nổi bật và cũng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Bằng năng lực của chính mình, Công ty cổ phần đầu tư và Bê tông Thịnh Liệt đã tự vươn lên đánh dấu vai trò và vị trí quan trọng trên thị trường sản phẩm bê tông. Công

ty luôn tâm niệm rằng: “Khách hàng và sự tin tưởng của khách hàng là tương lai của công ty”.

Đây là điều kiện tiên quyết cho sự hợp tác lâu dài với khách hàng trong các dự án hiện tại và tương lai.

3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt có các phòng ban sau: Ban Giám đốc, Ban Tổ chức – Hành chính và Kinh doanh, Ban Tài chính - Kế toán, Ban Kế hoạch - Kỹ thuật, Ban thanh quyết toán, Ban quản lý dự án.

Mỗi một bộ phận có chức năng nhiệm vụ riêng cụ thể như sau:

- Ban Giám đốc:

+ Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Giám đốc công ty là đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước nhà nước và trước pháp luật về việc quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Phó giám đốc phụ trách Tổ chức – Hành chính và Kinh doanh: Là người giúp việc Giám đốc quản lý và điều hành lĩnh vực Tổ chức – Hành chính và kinh doanh của Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ mà Giám đốc phân công và uỷ quyền.

+ Phó giám đốc Kỹ thuật: Là người giúp việc Giám đốc quản lý và điều hành lĩnh vực Kỹ thuật của Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ mà Giám đốc phân công và uỷ quyền.

- Ban Tổ chức - Hành chính và kinh doanh:

Có 12 người: 1 Trưởng ban và 11 nhân viên.

Có chức năng giúp Giám đốc về mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty: Xây dựng mô hình tổ chức, xác định chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong Công ty; Xây dựng các nội quy, quy chế của Công ty; Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo sử dụng nguồn nhân lực, các chính sách lao động tiền lương, tính lương hàng tháng cho cán bộ, công nhân viên cũng như các khoản tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; Tổ chức công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, tiếp khách đến giao dịch, làm việc với công ty, tổ chức bảo vệ hàng ngày.

Giúp giám đốc xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh và phát triển giai đoạn khác nhau. Xác định nhu cầu của thị trường, kế hoạch thị trường, triển khai các hoạt động bán hàng, chăm sóc khách hàng, xây dựng kế hoạch, chiến lược hàng hoá - thị trường.

Tham mưu cho Ban giám đốc và thực hiện giúp việc cho Giám đốc và các Phó giám đốc trong việc quản lý, điều hành, thực hiện mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban Tài chính - Kế toán: Có 4 người: 1 Trưởng ban - Kế toán trưởng và 3 kế toán viên. Ban Tài chính - kế toán có chức năng giúp Giám đốc quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê và tài chính của công ty. Kế toán trưởng điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của phòng Kế toán.

Lập và ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác; Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước;

Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Ban Kỹ thuật: Có 6 người: 1 Trưởng ban và 5 nhân viên. Có chức năng tham mưu, kiểm tra về mặt kỹ thuật các diện tích đất phân lô trong khu công nghiệp trước khi bàn giao cho các doanh nghiệp thuê lại đất hoặc nhà xưởng trong Khu công nghiệp; Kiểm tra và chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật đối với các hồ sơ do bên B lập để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và các nhà xưởng trong Khu công nghiệp.

- Ban Thanh quyết toán: Có 4 người: 1 Trưởng ban và 3 nhân viên. Có chức năng tham mưu giúp Ban giám đốc Công ty giải quyết các công việc liên quan đến việc bàn giao, nghiệm thu, dự toán và thanh quyết toán các công trình xây lắp của Công ty.

Nhiệm vụ: Hoàn thiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trình tự xây dựng cơ bản theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Tổ chức thực hiện và phối hợp với các phòng ban có liên quan để thực hiện các công việc có liên quan đến việc theo dõi khối lượng công việc hoàn thành, bàn giao, nghiệm thu và thanh quyết toán các công trình, hạng mục công trình với các nhà thầu (về tiến độ, chất lượng, thủ tục hồ sơ hoàn công quyết toán...).

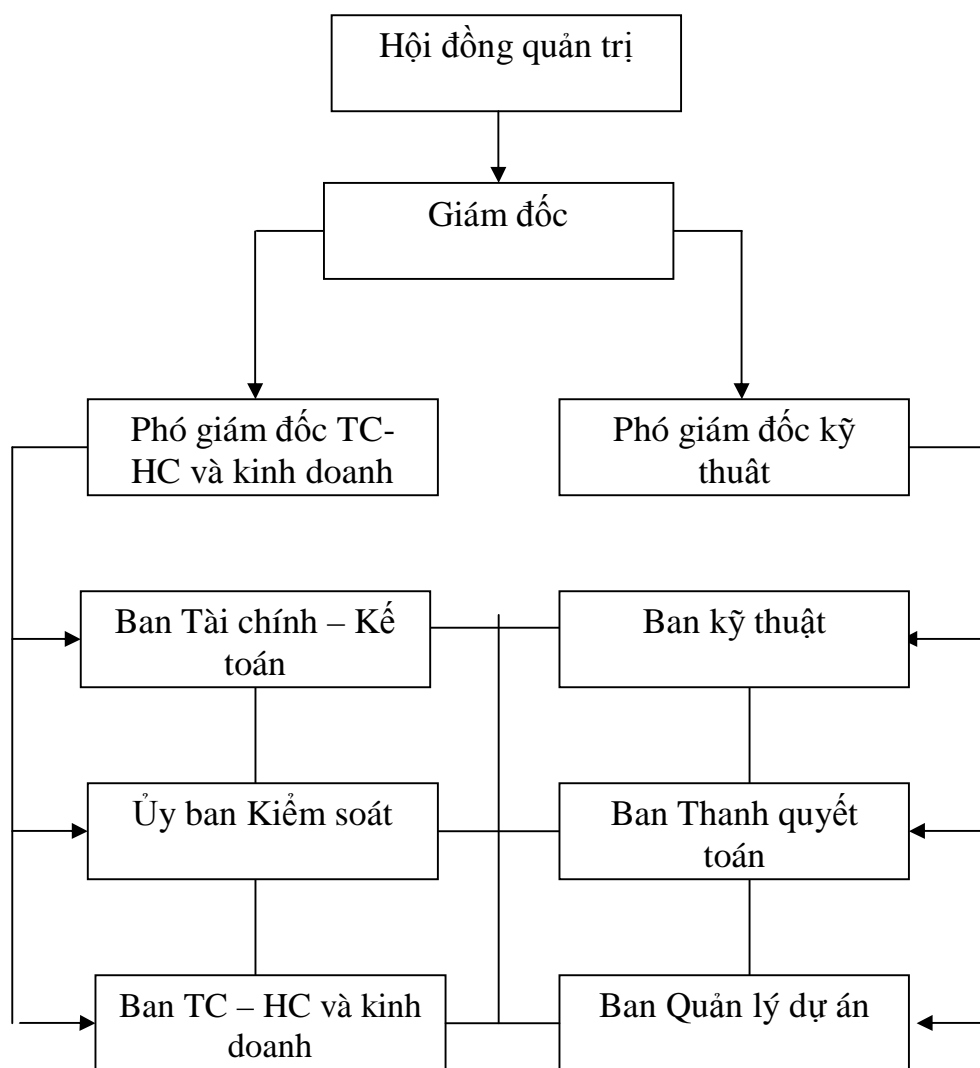
- Ban Quản lý dự án: Có 13 người: 1 Trưởng ban và 12 nhân viên. Có nhiệm vụ quản lý và giải quyết các sự vụ liên quan để việc hoạt động của các doanh nghiệp thuê lại đất và nhà xưởng trong Khu công nghiệp từ công đoạn phối hợp với các doanh nghiệp để lập dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm các thủ tục để các doanh nghiệp này có điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình thực hiện dự án tại Khu công nghiệp.

- Ủy ban kiểm soát: Có 3 người: 1 Trưởng ban và 2 uỷ viên. Trưởng ban là người có chuyên môn nghiệp vụ về kế toán. Có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết

định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông; Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty được trình bày theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY



Ghi chú: Quản lý trực tuyến: —————>

Mối quan hệ tương tác: - - - - -

Qua sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiện nay của Công ty ta thấy: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty được bố trí theo kiểu trực tuyến chức năng. Giám đốc điều hành trực tiếp Công ty thông qua các Phó giám đốc, các trưởng phòng ban. Ngược lại các Phó giám đốc, các Trưởng phòng ban có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc theo chức năng nhiệm vụ được giao. Cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty như vậy là rất hợp lý trong tình hình hiện nay, các phòng ban được bố trí tương đối gọn nhẹ, không chồng chéo và có quan hệ mật thiết với nhau về mặt nghiệp vụ. Điều này giúp Công ty có thể dễ dàng kiểm tra việc thực hiện mệnh lệnh của Giám đốc và giúp cho Giám đốc có những chỉ đạo nhanh chóng kịp thời trong hoạt động của Công ty.

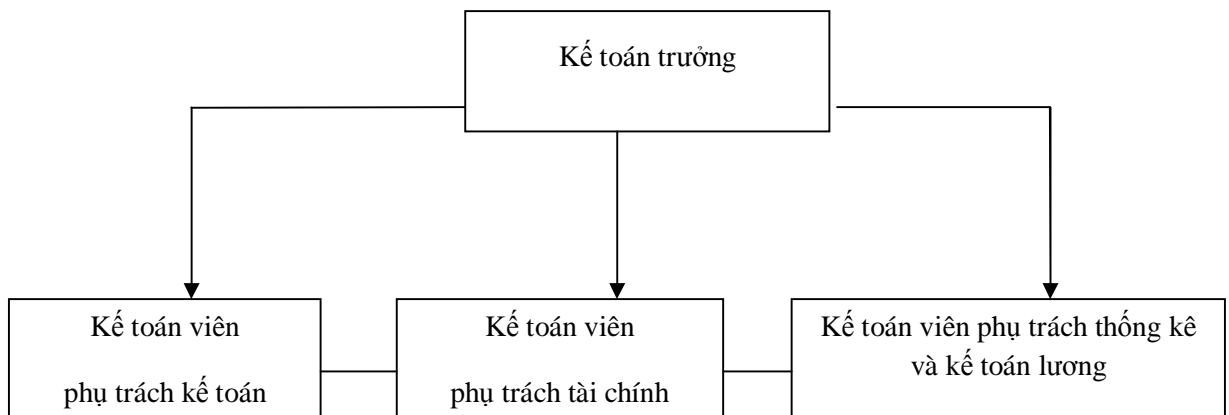
3.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán

3.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt đã tổ chức bộ máy kế toán tại công ty phù hợp với tình hình của đơn vị và theo đúng yêu cầu của Bộ Tài chính. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt đã xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tập trung với tên gọi là Ban Tài chính – Kế toán. Ban Tài chính – Kế toán phải thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận, ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo tài chính của đơn vị. Kế toán trưởng là người trực tiếp điều hành và quản lý công tác kế toán trên cơ sở phân công công việc cho các kế toán viên. Song song với việc quy định cụ thể trách nhiệm của từng nhân viên kế toán, trong phòng luôn có sự phối hợp chặt chẽ với nhau cùng hoàn thành tốt công việc được giao.

Tổng số cán bộ công nhân viên Ban Tài chính - Kế toán có 4 người. Trong đó có 1 Kế toán trưởng - Trưởng phòng và 3 Kế toán viên.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN CÔNG TY



Bộ máy kế toán của Công ty hoạt động với mục tiêu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của kế toán. Kế toán trưởng công ty phụ trách chung trong lĩnh vực thực hiện Luật Kế toán tại công ty. Kế toán trưởng công ty đứng đầu Ban Tài chính - Kế toán và

trực tiếp phụ trách đầu tư xây dựng cơ bản và phụ trách trong lĩnh vực tài chính đối ngoại. Giúp việc đặc lực cho kế toán trưởng là các Kế toán viên, các Kế toán viên này phụ trách, kiêm các chức năng khác để đảm bảo hoạt động kế toán diễn ra hiệu quả trong phạm vi mình quản lý.

Ban Tài chính - Kế toán công ty tập hợp đội ngũ cán bộ kế toán lành nghề được đào tạo, trải nghiệm qua thực tế lâu dài và có kinh nghiệm trong lĩnh vực hạch toán kế toán. Mỗi một thành viên trong phòng kế toán đều có vị trí, quyền và nghĩa vụ nhất định theo một cơ chế thống nhất từ trên xuống dưới:

- Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty và các cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ công việc của mình cũng như toàn bộ thông tin cung cấp. Kế toán trưởng là kiểm soát viên tài chính của công ty, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

+ Kế toán trưởng giúp giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế ở công ty.

+ Kế toán trưởng căn cứ vào đặc điểm về quy mô, trình độ và tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty, tình hình phân cấp và yêu cầu quản lý để lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán phù hợp.

+ Kế toán trưởng có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp công việc của các Kế toán viên tại Công ty về các công việc thuộc nghiệp vụ kế toán, thống kê. Trường hợp khen thưởng hoặc kỷ luật, chuyển chuyển hoặc tuyển dụng Kế toán viên phải có ý kiến của Kế toán trưởng.

+ Kế toán trưởng có quyền báo cáo thủ trưởng đơn vị cấp trên, Thanh tra nhà nước, Ủy viên kiểm soát về các hành vi vi phạm, kỷ luật đã quy định trong quản lý kinh tế tài chính của bất cứ ai trong Công ty.

+ Kế toán trưởng có quyền không ký duyệt các báo cáo tài chính, các chứng từ không phù hợp với luật lệ, chế độ, và các chỉ thị của cấp trên.

+ Kế toán trưởng công ty phụ trách chung trong lĩnh vực thực hiện Luật Kế toán tại Công ty. Kế toán trưởng đứng đầu phòng kế toán phụ trách trong lĩnh vực tài chính đối ngoại.

Giúp việc đặc lực cho kế toán trưởng là các kế toán viên bao gồm:

- 1 Kế toán viên phụ trách kế toán chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ kế toán, báo biểu kế toán, theo dõi các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ, trực tiếp làm kế toán tổng hợp xí nghiệp, phụ trách tổ hợp vật liệu.

- 1 Kế toán viên phụ trách tài chính chịu trách nhiệm về việc chi tiêu trong nội bộ công ty, theo dõi công nợ nội bộ và lo vốn đảm bảo sản xuất kinh doanh.

- 1 Kế toán viên phụ trách thống kê và kế toán lương.

Công ty thành lập phòng kiểm toán riêng. Phòng này có chức năng kiểm toán nội bộ công ty. Phòng này gồm một trưởng phòng và 2 nhân viên hoạt động độc lập.

Như vậy, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt sử dụng loại hình thức tổ chức kế toán tập trung thuận tiện cho việc tiến hành thu nhận, xử lý chứng từ để kịp thời vào sổ sách kế toán tổng hợp, chi tiết đảm bảo lãnh đạo tập trung dễ phân công và chỉ đạo trong công tác kế toán.

Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.1.4.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty

3.1.4.2.1. Những quy định chung

Là một Công ty các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, do vậy công tác hạch toán của công ty khá phức tạp, tuy vậy việc vận dụng vẫn tuân theo nền tảng là những quy chế của chế độ kế toán Việt Nam và những quy định do Bộ Tài chính ban hành:

- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Áp dụng Thông tư 200/2015/TT-BTC trong hạch toán kế toán.
- Đơn vị tiền tệ mà Công ty sử dụng trong ghi chép, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty sử dụng phương pháp Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt áp dụng chế độ kế toán máy bắt đầu từ tháng 02/2005. Phần mềm kế toán MISA – SME, Phiên bản 7.5 - Phần mềm kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ được Công ty lựa chọn sử dụng.

3.1.4.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán

Tổ chức chứng từ là giai đoạn đầu tiên để thực hiện ghi sổ và lập báo cáo do đó tổ chức chứng từ nhằm mục đích giúp quản lý có được thông tin kịp thời chính xác đầy đủ để đưa ra quyết định kinh doanh. Ngoài ra còn tạo điều kiện cho việc mã hoá thông tin và vi tính hoá thông tin và là căn cứ để xác minh nghiệp vụ, căn cứ để kiểm tra kế toán và là cơ sở để giải quyết các tranh chấp kinh tế. Công ty đã đăng ký sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán thống nhất do Bộ Tài chính ban hành, như: Hóa đơn

GTGT, Hợp đồng kinh tế, giấy đề nghị mua hàng, giấy đề nghị tạm ứng, Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, bảng kiểm kê quỹ, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ, Hợp đồng thanh lý TSCĐ, Hoá đơn bán hàng của người bán, phiếu nhập kho, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu lĩnh vật tư theo hạn mức, phiếu xuất kho... Chứng từ phản ánh lao động như Bảng chấm công, phiếu hoàn thành sản phẩm, Giấy chứng nhận đau ốm thai sản... Ngoài các chứng từ do Bộ Tài chính ban hành, Công ty còn sử dụng một số mẫu chứng từ do công ty tự thiết kế (Giấy đề nghị, bản đối chiếu, hợp đồng kinh tế...)

Quy trình luân chuyển chứng từ:

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị, Kế toán Công ty tiến hành định khoản, phản ánh nghiệp vụ trên chứng từ theo hệ thống ghi sổ kế toán tại đơn vị.

Nội dung của việc tổ chức ghi sổ kế toán bao gồm:

- Phân loại chứng từ kế toán theo các phân hành theo đối tượng.
- Định khoản các nghiệp vụ trên chứng từ
- Ghi sổ các chứng từ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Trong năm tài chính, chứng từ được bảo quản tại kế toán phân hành.

Khi báo cáo quyết toán được duyệt, các chứng từ được chuyển vào lưu trữ. Nội dung lưu trữ bao gồm các công việc sau:

- Lựa chọn địa điểm lưu trữ chứng từ
- Lựa chọn các điều kiện để lưu trữ
- Xây dựng các yêu cầu về an toàn, bí mật tài liệu
- Xác định trách nhiệm vật chất của các đối tượng có liên quan đến việc lưu trữ

chứng từ.

Khi có công việc cần sử dụng lại chứng từ sau khi đã đưa vào lưu trữ, kế toán công ty tuân thủ các yêu cầu:

- Nếu sử dụng cho các đối tượng trong DN phải xin phép Kế toán trưởng.
- Nếu sử dụng cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp thì phải được sự đồng ý của Kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

Hủy chứng từ: Chứng từ được hủy sau một thời gian quy định cho từng loại.

Các giai đoạn trên của chứng từ kế toán có quan hệ mật thiết với nhau mà bất cứ một chứng từ nào cũng phải trải qua. Đây là quy trình luân chuyển chứng từ mà Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt thực hiện chặt chẽ và hiệu quả.

3.1.4.2.3. Hệ thống Tài khoản kế toán

Hiện nay Công ty đăng ký sử dụng hệ thống tài khoản áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014.

Để vận dụng có hiệu quả và linh động Công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống tài khoản kế toán riêng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể, Công ty đã chi tiết thêm một số tiểu khoản cho phù hợp với loại hình kinh doanh của mình.

Ví dụ: Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt giao dịch với một số Ngân hàng nên tài khoản này được chi tiết:

1121S: Tiền Việt Nam gửi Ngân hàng Sacombank

1121T: Tiền Việt Nam gửi Ngân hàng Techcombank

1121V: Tiền Việt Nam gửi Ngân hàng Vietcombank

1121HH: Tiền Việt Nam gửi Ngân hàng Hàng hải Việt Nam

Với tài khoản 241: Xây dựng cơ bản dở dang:

2412: Xây dựng cơ bản

24121: Xây dựng cơ bản Khu công nghiệp Nam Sách

24122: Xây dựng cơ bản Khu công nghiệp Phúc Điền

24123: Xây dựng cơ bản Khu công nghiệp Tân Trường

Với tài khoản 411- Nguồn vốn kinh doanh

4111HT: Nguồn vốn hỗ trợ đền bù GPMB của tỉnh Hải Dương

4112VG: Nguồn vốn do các cổ đông đóng góp

Với tài khoản 632: Giá vốn hàng bán:

6321: Giá vốn hàng bán Khu công nghiệp Nam Sách

6322: Giá vốn hàng bán Khu công nghiệp Phúc Điền

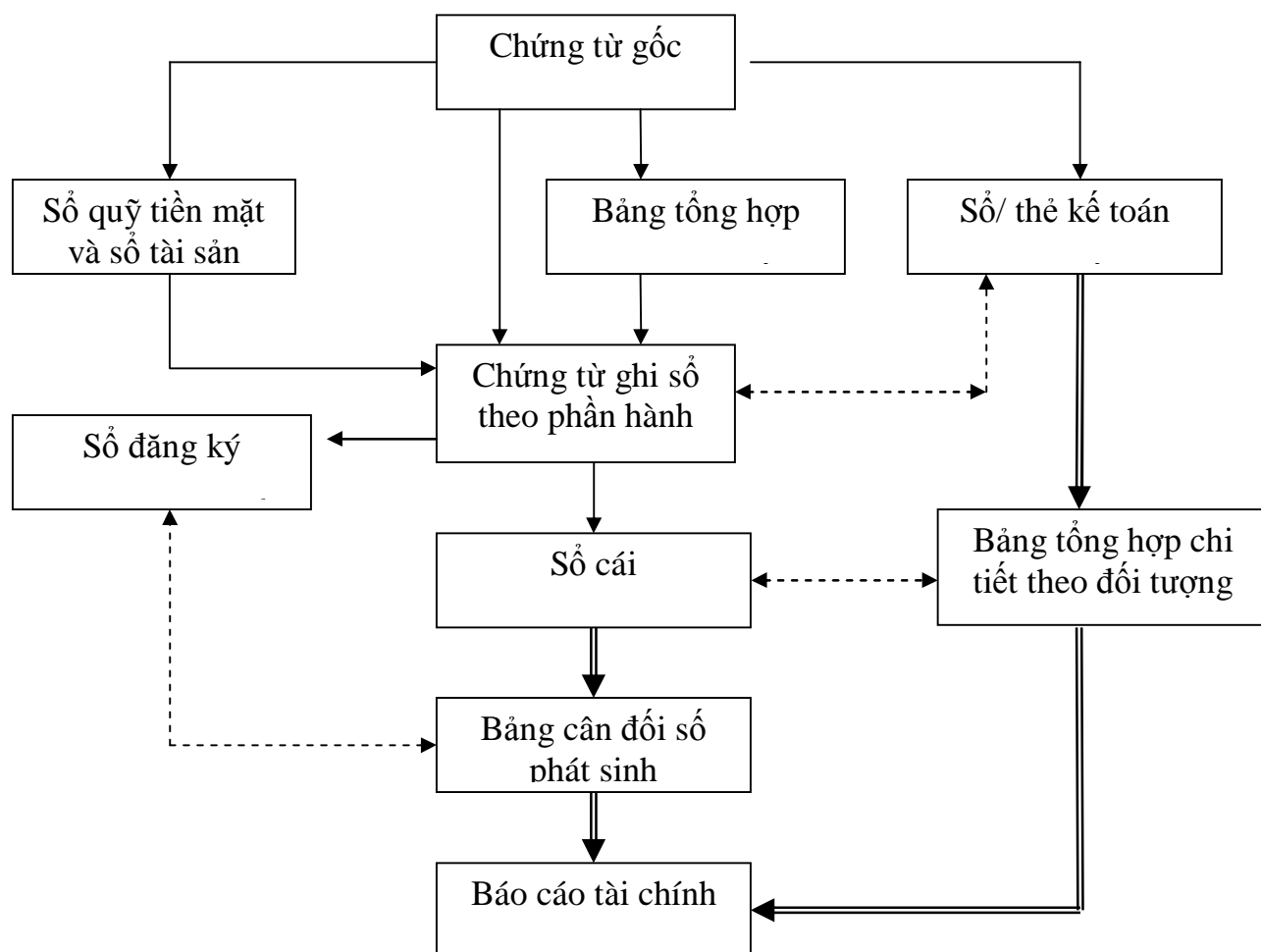
6323: Giá vốn hàng bán Khu công nghiệp Tân Trường

3.1.4.2.4. Hệ thống sổ sách kế toán

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt căn cứ vào các công văn, quyết định, chỉ thị mới nhất của Bộ Tài chính trên cơ sở tình hình thực tế tại Công ty để vận dụng một cách thích hợp hệ thống sổ sách theo quy định của chế độ kế toán tài chính doanh nghiệp. Công ty đã đăng ký sử dụng hình thức kế toán Chứng từ Ghi sổ.

Căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra, kế toán tiến hành ghi chép vào sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp để cho ra tài liệu cuối cùng là hệ thống BCTC.

HẠCH TOÁN THEO HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng : \Longrightarrow
 Đối chiếu kiểm tra: \dashleftarrow

* Quá trình ghi chép của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế

toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

3.1.4.2.5. Hệ thống báo cáo tài chính

Để tiện cho việc kiểm tra, giám sát, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt sử dụng hệ thống báo cáo tài chính do Nhà nước ban hành. Kết thúc mỗi quý, kế toán các phần hành tiến hành tổng hợp, đối chiếu và tính ra số dư cuối kỳ các tài khoản, chuyển cho kế toán tổng hợp tiến hành lập báo cáo tài chính, gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các báo cáo này là cơ sở để giải trình cho tất cả các hoạt động của một kỳ kế toán.

Ngoài ra để phục vụ cho nhu cầu quản lý kinh tế, tài chính, yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ban giám đốc, công ty còn sử dụng một số báo cáo quản trị nội bộ sau:

- Báo cáo doanh thu.
- Báo cáo thu chi tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng.
- Báo cáo về công nợ nội bộ, công nợ với khách hàng, công nợ với người cung cấp.

Các báo cáo trên được lập theo yêu cầu khi cần thiết, chúng đều có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động quản lý kinh tế của công ty. Từ các báo cáo quản trị nội bộ, Ban giám đốc có thể đưa ra những ý kiến kết luận đúng đắn, các quyết định linh hoạt trong các hợp đồng kinh tế, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.1.4.2.6. Quy trình vận dụng kế toán máy

Để bảo đảm cung cấp số liệu chính xác, kịp thời phục vụ cho yêu cầu quản lý kinh doanh, tiện kiểm tra hoạt động sản xuất của các đơn vị trực thuộc, công tác kế toán ở Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt đã áp dụng phần mềm chương trình kế toán trên máy vi tính. Chương trình cho phép cập nhật số liệu ngay từ các chương trình ban đầu, qua hệ thống chương trình xử lý thông tin sẽ tự động luân chuyển vào hệ thống sổ chi tiết tài khoản, sổ Cái tài khoản, các báo cáo về tình hình công nợ... Đây là chương trình kế toán máy phần mềm kế toán MISA 2015.

Phần mềm này đã được doanh nghiệp kinh doanh Phần mềm cài đặt và sửa đổi phù hợp với tình hình kế toán tại Công ty. Đối với các nhân viên kế toán, phần mềm kế toán này là một công cụ đắc lực không thể thiếu trong việc tập hợp các hoá đơn chứng từ và trong công việc hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, kế toán còn sử dụng các phần mềm khác như Microsoft Word, Microsoft Excel... để lập các báo cáo tổng hợp kế toán như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ...

Hiện nay với nhiệm vụ và chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, đồng thời góp phần hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác quản lý, công tác kế toán ở Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt đã được vi tính hoá với chu trình xử lý nghiệp vụ tương đối hoàn thiện.

3.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh về mặt kế toán tài chính tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

3.2.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

3.2.1.1. Phân loại doanh thu tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Qua khảo sát về cơ bản tại Công ty, doanh thu và thu nhập đều được xác định theo qui định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập” ban hành kèm theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Doanh thu phát sinh tại Công ty chủ yếu bao gồm: doanh thu hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu hoạt động khác.

Hiện tại, việc phân loại doanh thu của công ty mới chỉ nhằm phục vụ cho yêu cầu của kế toán tài chính, chưa thực hiện phân loại doanh thu phục vụ cho yêu cầu cầu kế toán quản trị. Công ty chủ yếu thực hiện phân loại doanh thu theo tình hình hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là doanh thu chính của Công ty. Đây là số tiền đã thu hoặc sẽ thu từ việc bán bê tông và các phụ phẩm từ bê tông; từ việc bán hàng hóa; từ việc cung cấp dịch vụ của Công ty. Bao gồm có các sản phẩm: Vữa bê tông thương phẩm các loại từ 10 đến 50Mpa; Cột điện bê tông ly tâm có độ dài từ 6 đến 20m; Cột điện chữ H từ 6,5 m đến 8,5 m; Ống cống bê tông các loại có đường kính từ D200 đến D2500; Các sản phẩm cọc vuông và cọc ống dự ứng lực; Panen các loại và sản phẩm khác như cống hộp tuynen, gạch bê tông nhẹ, vữa, các vật tư hàng hóa mua về không sử dụng hết, dịch vụ kinh doanh cơ sở hạ tầng...

Để theo dõi doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty phân loại doanh thu theo tình hình hoạt động kinh doanh. Theo cách phân loại này, doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ sẽ được phân thành ba loại: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa: doanh thu này là số tiền đã thu được từ việc bán hàng hóa của công ty: vật tư mua về không sử dụng hết, các sản phẩm bê tông do công ty mua về bán lại...

Doanh thu bán thành phẩm: doanh thu này là số tiền đã thu được từ việc bê tông thành phẩm: Vừa bê tông thương phẩm các loại từ 10 đến 50Mpa; Cột điện bê tông ly tâm có độ dài từ 6 đến 20m; Cột điện chữ H từ 6,5 m đến 8,5 m; Ống cống bê tông các loại có đường kính từ D200 đến D2500; Các sản phẩm cọc vuông và cọc ống dự ứng lực; Panen các loại và sản phẩm khác như công hộp tuynen, gạch bê tông nhẹ, vữa...

Doanh thu cung cấp dịch vụ: doanh thu này là số tiền đã thu được từ việc cung cấp cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp.

3.2.1.2. Nội dung kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

* Chứng từ kế toán phản ánh doanh thu tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Hiện tại công ty đã chấp hành và vận dụng khá tốt chế độ chứng từ kế toán doanh thu, làm cơ sở pháp lý cho tài liệu, số liệu KTTC. Đồng thời, đó cũng là cơ sở cho các số liệu KTQT ở góc độ cụ thể hoá, chi tiết hoá số liệu của KTTC.

Công tác tổ chức luân chuyển chứng từ kế toán DT được Công ty thực hiện khá khoa học, quy định cụ thể rõ ràng về nguyên tắc lập, nguyên tắc kiểm tra các chứng từ trong một số các giao dịch chủ yếu. Quy trình luân chuyển chứng từ cơ bản phù hợp với đặc thù tổ chức quản lý kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho việc tập hợp, sử dụng và kiểm tra chứng từ trong các giao dịch chủ yếu. Công tác bảo quản và lưu trữ chứng từ cũng đã được thực hiện theo quy định.

Để phản ánh doanh thu HĐKD, hệ thống các chứng từ phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được sử dụng tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt bao gồm: Hóa đơn GTGT, HĐ&TLHĐ mua bán, HĐ&TLHĐ cung cấp dịch vụ, P XK kiêm vận chuyển nội bộ, P XK thành phẩm, P XK, phiếu cân, lệnh xuất kho, phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có, bảng kê bán hàng, sổ chi tiết tài khoản 511,...

* Tài khoản và sổ kế toán phản ánh doanh thu tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Hệ thống tài khoản và Sổ kế toán DT hiện nay đang được áp dụng tại Công ty được khảo sát đều tuân thủ chế độ kế toán DN theo thông tư 200/2014/TT-BTC. Việc vận dụng hệ thống tài khoản và sổ kế toán là cơ bản thống nhất.

Qua khảo sát, để theo dõi và hạch toán doanh thu BH & CCDV, Công ty mở tài khoản 511 -Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty thực hiện mở tài khoản chi tiết các cấp cho tài khoản này theo đúng quy định. Công ty chủ yếu thực hiện mở chi tiết tài khoản DT theo nhóm sản phẩm.

Để ghi chép, hệ thống và lưu giữ các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu BH & CCDV, các Cty SX thép đã tiến hành mở các sổ kế toán như sổ cái tài khoản 511, sổ chi tiết tài khoản 511; sổ chi tiết bán hàng,...

* Kế toán ghi nhận doanh thu tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Qua khảo sát thực tế cho thấy, công tác ghi nhận doanh thu của Công ty về cơ bản đảm bảo qui định của chuẩn mực kế toán số 14. Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 05 điều kiện sau: Người bán chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua; Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sử dụng hoặc kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Người bán đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng hóa; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Qua khảo sát, Công ty có hệ thống chi nhánh, cửa hàng tiêu thụ sản phẩm. Khách hàng của Công ty rất đa dạng, bao gồm cả các cá nhân và tổ chức: Khách hàng cá nhân thường mua với số lượng ít, chủng loại không nhiều chủ yếu phục vụ xây nhà cửa. Do đó khách hàng cá nhân thường thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng. Việc vận chuyển sản phẩm từ kho về cho khách hàng thường do khách hàng đảm nhận hoặc thuê công ty với mức chi phí ưu đãi. Ngoài ra cũng có một số khách hàng cá nhân mua hàng từ công ty để thực hiện bán lẻ sản phẩm. Khách hàng là các tổ chức bao gồm khách hàng mua lại sản phẩm để kinh doanh và các khách hàng mua sản phẩm để phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình lớn. Các khách hàng này thường mua sản phẩm với số lượng lớn, đơn hàng liên tục hoặc theo mùa vụ (vào mùa xây dựng số lượng đơn hàng là lớn nhất), chủng loại sản phẩm cung cấp cho các đối tượng khách hàng này cũng đa dạng, hầu hết các mặt hàng phân phối công ty phân phối, bán trên thị trường.

Đặc biệt, trong hoạt động bán hàng, Công ty chưa quan tâm nhiều đến khoản chiết khấu thương mại. Đối với một đơn vị kinh doanh thì đây chính là một trong những chính sách giá cả hết sức mềm dẻo để Công ty có thể giữ được mối quan hệ lâu dài với các bạn hàng truyền thống cũng như có thể thu hút thêm số lượng khách hàng mới cho Công ty.

Việc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của hoạt động bán thành phẩm của Công ty được tiến hành như sau:

Hàng tháng cùng với việc hạch toán chi tiết doanh thu, kế toán còn tiến hành ghi sổ tổng hợp các nghiệp vụ phát sinh trên các chứng từ ghi sổ.

Tại Công ty các chứng từ ghi sổ được lập hàng tháng cho từng tài khoản, cuối tháng kế toán tổng hợp sổ tiền đã phát sinh để ghi sổ cái từng tài khoản.

Khi hoàn tất việc thanh toán thì Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt xuất Hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Siam Steel Việt Nam ghi nhận số tiền đã thu nêu trên(**phụ lục 3.1 + phụ lục 3.2**)

Đồng thời kế toán vào chứng từ ghi sổ (**phụ lục 3.3**). Sau đó kế toán công ty vào Sổ Cái TK 112 và Sổ tiền gửi ngân hàng (**phụ lục 3.4**)

Kế toán vào sổ chi tiết TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp. Sau đó vào sổ Chi tiết (**phụ lục 3.5**) và sổ Cái TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (**phụ lục 3.6**)

3.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tại Công ty không có phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

3.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

3.2.3.1. Phân loại chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Qua khảo sát tại Công ty, công tác tập hợp và hạch toán giá vốn hàng bán tuân thủ tốt quy định hiện hành.

Hiện nay, tại Công ty xác định trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chứng từ phản ánh giá vốn hàng bán: Bao gồm các chứng từ: hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, bảng kê phiếu mua hàng, PNK, biên bản kiểm nhận hàng hóa, phiếu chỉ, lệnh xuất vật tư sản phẩm hàng hóa, P XK ... ngoài ra còn có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tờ khai hải quan, biên lai thu thuế,...(đối với hàng nhập khẩu), phiếu tính giá thành sản phẩm, biên bản kiểm nghiệm vật tư sản phẩm, hàng hóa, PNK... (đối với sản phẩm do Công ty SX).

Do đặc thù của ngành, Công ty tập hợp giá vốn hàng bán theo loại sản phẩm: Giá vốn hàng mua về để bán, giá vốn hàng bán thành phẩm, giá vốn hàng bán dịch vụ kinh doanh bất động sản, giá vốn hàng bán thu hồi.

Kế toán bán hàng sử dụng TK 632 phản ánh giá vốn hàng xuất bán. Để ghi chép, hệ thống và lưu giữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán, Công ty mở sổ cái tài khoản 632, sổ chi tiết tài khoản 632. Cuối tháng dựa vào sổ chi tiết hàng hoá, phiếu xuất kho đã xuất đi trong tháng và sổ chi tiết TK 632 kế toán lập bảng kê tổng hợp các mặt hàng xuất bán trong tháng theo giá vốn.

Ví dụ: Ngày 25/5/2016, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt bán

vừa bê tông trị giá vốn 52.000.000 đồng cho Công ty Siam Steel Việt Nam, có phiếu xuất kho ngày 25/5/2016 (**phụ lục 3.7**)

Sau khi đã phản ánh việc thanh toán cho Công ty Siam Steel Việt Nam vào chứng từ và Sổ kế toán, đến cuối kỳ, Kế toán vào chứng từ ghi sổ(**phụ lục 3.8**), sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi tiết TK 632 để kết chuyển khoản mục này vào Giá vốn hàng bán .Sau đó kế toán vào Sổ Cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán (**phụ lục 3.9**)

3.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

3.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

Tại văn phòng, kế toán sử dụng TK 641 phản ánh chi phí bán hàng phát sinh. Tuy nhiên chi phí bán hàng tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt không nhiều do đặc thù của Công ty là kinh doanh của Công ty là sản xuất bê tông và kinh doanh cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp và nhà xưởng tiêu chuẩn. Các chi phí bán hàng bao gồm chi phí quảng cáo (in Cataloge, quảng cáo trên báo, đài..., chi phí bảo hành nhà xưởng và một số chi phí khác. Các chi phí cho từng loại hàng hoá, thành phẩm đem tiêu thụ được căn cứ vào các chứng từ để vào sổ chi tiết TK 641. Lấy số liệu này lập CTGS rồi vào sổ cái TK 641 vào cuối tháng. Từ sổ cái kết chuyển vào TK911 phục vụ cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh cuối tháng.

Ví dụ: 25/05/2016, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt chi tiếp khách ở Bộ phận bán hàng 11.000.000 đồng, nhận hóa đơn GTGT số 000067 ngày 25/05/2016 đã trả bằng tiền mặt cho toàn bộ số tiền nêu trên bao gồm thuế GTGT.

Kế toán công ty thực hiện các bước sau lập chứng từ ghi sổ TK 641 như sau(**phụ lục 3.10**) và sổ chi tiết TK 641 (**phụ lục 3.11**).

Cuối kỳ, căn cứ vào các chứng từ là các phiếu chi tiền, giấy báo nợ đối chiếu với sổ chi tiết tài khoản 111,112 (chi tiết) phát sinh trong tháng, kế toán tiến hành khoá sổ chi tiết TK 641.

Số liệu ở CTGS số 28 được ghi vào dòng tổng phát sinh Nợ của sổ cái TK 641 Cuối tháng kế toán lập Chứng từ ghi sổ (trường hợp này chứng từ ghi sổ số 75 ngày 31/5/2016), vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Sau đó vào Sổ Cái TK phản ánh nội dung chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh như sau. (TK 641 không có số dư cuối kỳ). (**phụ lục 3.12**)

3.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Kế toán sử dụng tài khoản 642 phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí về lương nhân viên ở bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao

TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế Môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, xăng, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Hội nghị khách hàng...)

Tương tự như TK 641, mọi nghiệp vụ phát sinh đều được DN chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng trừ hai khoản trích khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC văn phòng là theo dõi trên Sổ chi tiết TK 214 và TK 2421. Sổ chi tiết TK 642 có dạng như sau:

Cuối tháng kế toán đối chiếu các phiếu chi, hoặc các giấy báo nợ do ngân hàng gửi về, với số liệu trên sổ chi tiết TK 642 rồi khoá sổ lập CTGS phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong tháng. Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Ví dụ: Ngày 02/5/2016, Công ty chi trả lương tháng 04/2016 bằng tiền mặt cho cán bộ công nhân viên công ty số tiền là 78.000.000 đồng.

Kế toán công ty thực hiện các bước sau lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (**phụ lục 3.13**), vào sổ chi tiết TK 642 (**phụ lục 3.14**)

Cuối kỳ, căn cứ vào các chứng từ là các phiếu chi tiền, giấy báo nợ đối chiếu với sổ chi tiết tài khoản 111,112 (chi tiết) phát sinh trong tháng, kế toán tiến hành khoá sổ chi tiết TK 642.

Số liệu ở CTGS số 40 được ghi vào dòng tổng phát sinh Nợ của sổ cái TK 642. Đồng thời kế toán lập CTGS phản ánh nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. (**phụ lục 3.15**)

Số liệu ở Chứng từ ghi sổ 41 để ghi vào sổ cái TK 642 (**phụ lục 3.16**)

Công ty không phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý cho số hàng xuất bán trong kỳ mà căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK642 kết chuyển thẳng luôn sang bên Nợ TK 911 để lập báo cáo kết quả kinh doanh cuối kỳ.

3.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Cũng tương tự như các kế toán chi phí bán hàng và chi quản lý doanh nghiệp, kế toán về chi phí khác, thu nhập khác cũng chung hình thức ghi sổ tương tự. Từ các sổ chi tiết, kế toán tập hợp vào Sổ Cái của công ty.

3.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty dùng TK 911 để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp,

chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán, Kế toán công ty thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu bán hàng thuần, trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Sau đó vào Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào Sổ Cái tài khoản 911 cho 6 tháng đầu năm 2016.

Ví dụ: Kết chuyển Doanh thu bán hàng, Giá vốn hàng bán, Thuế GTGT phải nộp, Nợ phải thu, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Kế toán vào chứng từ ghi sổ(**phụ lục 3.17**), sổ đăng ký chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ trên. Sau đó vào Sổ cái TK 911 (**phụ lục 3.18**)

Cuối tháng, để biết được kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán lập bản báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng căn cứ vào sổ cái TK511, sổ cái TK632, sổ cái TK641, sổ cái TK 642, sổ cái TK 911.(**phụ lục 3.19**)

3.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt dưới góc độ kế toán quản trị

Qua khảo sát thực tế tại công ty, công tác kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, bước đầu mới thực hiện một số nội dung của kế toán quản trị.

Công ty chưa thực hiện đầy đủ công tác kế toán quản trị, chưa hiểu đúng, chưa đánh giá được hết tầm quan trọng của công tác kế toán quản trị. Việc thực hiện công tác kế toán quản trị mang tính tự phát, chưa được định hình rõ nét, chưa có sự phân công trách nhiệm một cách cụ thể. Tại công ty bộ phận kế toán chi phí vừa đảm nhận công việc tập hợp chi phí, tính giá thành chung, vừa theo dõi chi tiết chi phí, lập báo cáo chi tiết và phân tích chi phí. Bộ phận kế toán doanh thu, xác định kết quả hoạt động kinh doanh vừa có nhiệm vụ ghi nhận, theo dõi doanh thu và kết quả kinh doanh toàn công ty, vừa theo dõi doanh thu và kết quả cụ thể của từng loại hoạt động.

3.3.1. Phân loại chi phí phục vụ cho việc ra quyết định

Cách phân loại chi phí sản xuất hiện nay của Công ty chủ yếu phục vụ cho kế toán tài chính, chưa hướng tới kế toán cung cấp thông tin cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Cụ thể: việc phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và mức độ hoạt động (định phí, biến phí, chi phí hỗn hợp) hoặc phân loại chi phí thành chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được,... để có những phân tích, đánh giá chính xác những khoản phí nào có thể tiết kiệm, những khoản phí nào không thể cắt giảm để có những quyết định hiệu quả trong quản lý chi phí và dự toán chi phí sản xuất.

3.3.2. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Hiện tại, công việc lập kế hoạch lợi nhuận cho Công ty được xác định chỉ dựa vào định mức trong quá trình sản xuất sản phẩm và coi đó là dự toán cho việc phân tích hiệu quả lợi nhuận cho đơn vị. Việc lập dự toán tiêu thụ, dự toán bán hàng...chưa được thực hiện để cung cấp thông tin phục vụ cho kế hoạch lợi nhuận dài hạn của đơn vị.

Phân tích các thông tin chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh phục vụ yêu cầu quản trị tại Công ty bước đầu đã tiến hành thu thập và phân tích thông tin về CP, DT, KQKD. Nhưng mới chỉ dừng lại ở mức độ so sánh số liệu thực tế với kế hoạch đối với một số chỉ tiêu chủ yếu như bảng 3.1.

Tại Công ty chưa có hệ thống định mức CP, DT tiêu chuẩn hoàn thiện, nhất là về lượng và đơn giá tiêu chuẩn đối với các yếu tố CP.

Hiện nay, việc xây dựng, quản lý và sử dụng “Dự toán SXKD” về CP, DT, KQKD thực tế ở Công ty chủ yếu được thực hiện ở các bộ phận chức năng như bộ phận kế hoạch, bộ phận marketing, bộ phận kinh doanh...chưa có sự tham gia tích cực có hiệu quả của bộ phận kế toán công ty.

Báo cáo kế toán quản trị về chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh tại Công ty:

Trong những năm gần đây, tiến trình đổi mới công tác kế toán nói chung và hệ thống báo cáo kế toán nói riêng đều hướng vào KTTC, bởi vì đây là hệ thống kế toán cần phải tuân thủ các chế độ tài chính của Nhà nước, cũng như những nguyên tắc chung về kế toán đã được chấp nhận rộng rãi. Công tác KTQT đã được quan tâm đến, nhưng mới chỉ dừng lại ở các bước đầu của công tác KTQT.

Báo cáo KTQT của Công ty thực chất chính là báo cáo chi tiết của KTTC. Những báo cáo này được lập chủ yếu là chi tiết một số chỉ tiêu mà trên các BCTC chưa thể hiện được, nhằm giúp nhà quản trị DN có thêm thông tin về tình hình SXKD của DN. Vì vậy, những báo cáo kế toán chi tiết chưa thực hiện được thông tin hữu ích nhất phù hợp với quan niệm của nhà quản trị về kết quả kinh doanh của Công ty.

Hầu hết các báo cáo về thu nhập, CP, kết quả kinh doanh tại Công ty đều được lập theo các khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực trong KTTC. Chính vì vậy, thông tin trên báo cáo chi tiết chưa kịp thời, chưa có tính tương lai... sẽ không thỏa mãn được nhu cầu thông tin của nhà quản trị.

Hệ thống báo cáo KTQT tại Công ty mới chỉ dừng lại ở việc lập các báo cáo CP theo khoản mục (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...), còn các báo cáo KTQT như báo cáo phục vụ cho chức năng hoạch định của nhà quản trị và báo cáo phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động chưa được thiết lập và sử dụng.

Bảng 3.1: Bảng tổng hợp doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty 6 tháng đầu năm 2015 và 2016.

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm		Chênh lệch	
	2015	2016	6 tháng đầu năm 2016/6 tháng đầu năm 2015	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Tổng doanh thu	12.314.373.975	12.089.766.148	19.990.073	6,36
2. Tổng chi phí	9.017.377.260	9.034.703.884	17.326.624	5,62
3. Lợi nhuận trước thuế	3.052.398.815	3.055.062.264	2.663.449	44,27
4. Thuế TNDN	610.479.763	611.012.452	665.826	44,27
5. Lợi nhuận sau thuế	2.444.512.632	2.444.049.812	1.997.587	44,27

3.3.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ cho việc ra quyết định

Thông tin thực hiện và thông tin dự đoán tương lai tại Công ty bỏ qua không xác định, cũng không phân tích điểm hòa vốn. Vì chưa thực hiện phân loại chi phí thành BP, ĐP nên việc phân tích mối quan hệ giữa CP, DT, lợi nhuận tại Công ty chưa được thực hiện. Ngoài ra, Công ty cũng không sử dụng những thông tin thích hợp để xác định các nhân tố ảnh hưởng dẫn đến sự biến động của các khoản mục CP. Để từ đó có cơ sở khoa học cho việc xác định kế hoạch như quyết định đúng đắn cho các phương án hoạt động SXKD. Phân tích CP không nhằm kiểm soát CP để ra các quyết định quản lý.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG THỊNH LIỆT

4.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Kế toán tổng hợp thu, chi và kết quả kinh doanh là một chu kỳ hạch toán căn bản từ khâu đầu đến khâu cuối cùng của chu kỳ kinh doanh.

Trong bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải khéo léo và phải coi trọng tất cả các khâu của quá trình kinh doanh. Sở dĩ như vậy vì nếu trong chu kỳ kinh doanh đó mà xuất hiện một khâu, một mặt xích được xem nhẹ thì sẽ dẫn đến kết quả kinh doanh bị sai lệch nghiêm trọng và chúng ta không thể lường trước được. Thực tế này đã thể hiện rất rõ nét và sinh động trong mọi thành phần kinh tế, mọi tế bào của xã hội và trong bất cứ một doanh nghiệp nào.

Trước hết có thể thấy rằng để thực hiện được doanh thu kinh doanh và từ đó thu được nhiều lợi nhuận, doanh nghiệp phải trải qua quá trình bán hàng. Đây là một trong những công việc được ban lãnh đạo và nhà quản lý đặc biệt chú trọng. Có bán được nhiều hàng thì công ty mới có thể trang trải được các chi phí phát sinh, duy trì và phát triển công ty đảm bảo được vị trí vững chắc trong cơ chế thị trường đầy biến động. Nguồn thu cao không những bù đắp được chi phí mà còn tạo ra nhiều lợi nhuận nhằm đưa công ty ngày càng phát triển, ngày càng khẳng định vị trí vững chắc của mình trên thị trường.

4.1.1. Ưu Điểm

4.1.1.1. Những ưu điểm đạt được tổ chức quản lý SX kinh doanh về công tác kế toán

Về bộ máy quản lý: Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức hợp lý, mỗi một phòng ban được đảm nhiệm những chức năng khác nhau nhưng lại có mối liên kết gắn bó như những mặt xích trong một guồng máy. Các phòng ban phối hợp nhịp nhàng trong kinh doanh và tuân thủ theo chỉ đạo của ban lãnh đạo. Nhờ có hệ thống các phòng ban mà công ty ngày càng kinh doanh có hiệu quả.

Về mô hình hạch toán kinh doanh: Công ty hạch toán kinh doanh độc lập trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng bê tông, tự giao dịch ký kết hợp đồng kinh doanh với các đơn vị khác. Công ty tự tìm kiếm thị trường, kinh doanh theo nguyên tắc được ăn, lỗ chịu. Bước sang cơ chế thị trường, do tìm hiểu sự vận động của thị trường dịch vụ du lịch công ty không những nâng cao hiệu quả quản lý để hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty có sự chuyên môn hoá, đảm bảo đúng nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng: mỗi người được phân công thực hiện một số công việc kế toán khác nhau, có tính chất logic cao, tạo ra sự chuyên môn hoá khả năng làm việc. Do vậy, cán bộ nhân viên đã hết lòng với công việc và đạt hiệu quả làm việc cao. Tổ chức, bố trí hợp lý các cán bộ kế toán, phù hợp với năng lực của từng người, tạo ra môi trường làm việc hợp lý, làm cho mỗi người đều hài lòng với công việc được giao. Vì vậy, công tác kế toán và quản lý tại Công ty có tính hiệu quả, kinh tế cao.

Về hình thức tổ chức công tác kế toán: hiện nay công ty áp dụng theo loại hình tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán (liên hợp). Nhờ đó, công tác kế toán đã nắm bắt được toàn bộ các thông tin được đầy đủ. Trên cơ sở đó để kiểm tra đánh giá, chỉ đạo một cách kịp thời hoạt động của toàn công ty, kiểm tra việc sử dụng thông tin kế toán được tiến hành kịp thời, chặt chẽ. tạo điều kiện cho việc nâng cao trình độ nghề nghiệp của nhân viên kế toán.

4.1.1.2. Những ưu điểm đạt được về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Về việc hạch toán nói chung:

Về tổ chức chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng mẫu qui định của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ và chính xác theo đúng chứng từ. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Các kế toán ở phân hành nào thì lưu chứng từ liên quan đến phân hành đó nên đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Về hệ thống tài khoản kế toán: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành và thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung.

Về hình thức tổ chức sổ sách kế toán: Công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán là hình thức chứng từ ghi sổ. Việc áp dụng hình thức sổ này của công ty đã giảm nhẹ được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, việc ghi chép vào các sổ kế toán có liên quan rất rõ ràng và được đối chiếu số liệu dần đều trong tháng tạo điều kiện thuận lợi cho báo cáo kế toán cuối kỳ kinh doanh được lập kịp thời.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kinh doanh

Về công tác hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty: Công tác hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty được tổ chức khá tốt. Doanh

thu của từng bộ phận hoạt động được phản ánh chi tiết trên sổ sách kế toán, cách làm như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nắm vững tình hình khả năng hoạt động tham gia vào thị trường đầu tư và xây dựng bê tông của từng bộ phận hoạt động của công ty.

Do lĩnh vực hoạt động của công ty chủ yếu là cung cấp sản phẩm xây dựng, bê tông cho nên kế toán của công ty đã sử dụng TK 5113 (chi tiết cho từng loại hình) để hạch toán doanh thu trong kỳ. Tài khoản được sử dụng cũng như nội dung hạch toán doanh thu như vậy là hoàn toàn phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Trong điều kiện hiện nay, cùng với sự phát triển của đất nước các hoạt động kinh tế diễn ra liên tục và mang tính phức tạp cao. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu hoạt động của con người ngày càng cao. Trong cơ chế thị trường hiện nay sự cạnh tranh gay gắt luôn kèm theo sự rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Do vậy, để giữ vững và khẳng định được vị trí của mình trong cơ chế mới đòi hỏi Công ty phải tìm mọi cách để tăng doanh thu, giảm chi phí, thu được lợi nhuận cao cho công ty của mình. Để đạt được những mục tiêu đó công ty phải mạnh dạn nhận ra những nhược điểm còn tồn tại của mình từ đó có hướng sửa đổi thích hợp, nhằm liên tục kinh doanh phát triển và có lãi.

Về tổ chức kế toán chi phí

Như chúng ta đã biết chi phí kinh doanh là một vấn đề mà hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể theo dõi một cách chặt chẽ. Đáp ứng kịp thời, chính xác theo yêu cầu quản lý.

Việc theo dõi chi tiết cho từng nghiệp vụ, từng bộ phận, từng phòng ban tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu, tài liệu; công tác đối chiếu chứng từ, số liệu trong công ty được dễ dàng hơn. Qua đó đáp ứng được nhu cầu quản lý trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng công ty giàu kinh nghiệm nên công tác hạch toán doanh thu tại công ty hiện nay khá hiện đại. Với sự hỗ trợ đắc lực của hệ thống máy vi tính và những chương trình được cài đặt sẵn...phần lớn doanh thu được hạch toán và được theo dõi chặt chẽ theo từng bộ phận. Việc hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

4.1.2. Nhược điểm

4.1.2.1. Về kế toán tài chính

Tồn tại về việc sử dụng phần mềm kế toán trong hạch toán: Việc sử dụng sổ sách kế toán trong công ty hiện nay chưa được thống nhất. Việc kế toán ở công ty vừa thực hiện bằng tay vừa thực hiện bằng máy. Do vậy, đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu và việc kiểm tra đối chiếu cũng gặp khó khăn. Đặc biệt công ty vẫn chưa có hệ thống mạng nội bộ nên khi giám đốc hoặc các phòng ban muốn nắm bắt được số liệu thì phải trực tiếp đến phòng kế toán.

Tồn tại về việc hạch toán một số khoản mục chi phí như: Việc loại bỏ các tài khoản trong quá trình hạch toán chi phí trực tiếp như chi phí vật liệu phụ, tiền ăn ca, BHYT, thuế tài nguyên, phí môi trường....kế toán đang hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp – TK 642. Theo quy định của chế độ đã có ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung báo cáo kết quả kinh doanh còn nhiều điều chưa phù hợp đã làm cho giá thành sản phẩm xây dựng này có sự thay đổi. Đồng thời do lĩnh vực hoạt động của công ty mang tính đơn thuần là cung cấp sản phẩm xây dựng và bê tông cho nên giá vốn sản phẩm cung cấp cho khách hàng cũng chính là toàn bộ chi phí trực tiếp có liên quan mà công ty đã bỏ ra. Do vậy, toàn bộ số phát sinh trên tài khoản 154 đều được kết chuyển sang tài khoản 632 - Giá vốn dịch vụ bán hàng trong kỳ.

Các khoản chi phí về quảng cáo tham gia hội chợ được kế toán tổng hợp vào tài khoản 642. Kế toán hạch toán như vậy là không hợp lý với nội dung và qui định của tài khoản 642.

4.1.2.2. Về kế toán quản trị

Qua việc phỏng vấn trực tiếp những người đang làm kế toán tài chính, nhà quản trị cho thấy nhu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý rất cần thiết. Thực tế phần kế toán tài chính là phần được công ty chú trọng nhất mặc dù các yêu cầu về cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý luôn được đặt ra. Công ty vận hành hệ thống kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán hiện hành mà chế độ kế toán hiện nay mới chỉ cập nhật đến nội dung kế toán tài chính nên công ty chưa tìm đến hệ thống kế toán nào khác ngoài hệ thống kế toán tài chính.

Các nhà quản trị trong công ty chưa đánh giá hết tầm quan trọng của công tác kế toán quản trị, chưa quan tâm đến mô hình kế toán quản trị.

- *Tồn tại trong việc phân loại chi phí phục vụ cho việc ra quyết định:* Công ty mới chỉ quan tâm đến phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí và khoản mục chi phí phục vụ cho kế toán tài chính mà chưa thực hiện phân loại chi phí theo cách ứng xử chi

phí (tức là phân loại chi phí thành biến phí và định phí) phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh.

- *Tồn tại về dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả:* Tại công ty chưa xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo kết quả cho từng hoạt động mà mới thực hiện xác định kết quả chung cho toàn doanh nghiệp phục vụ nghiên cứu kế toán tài chính. Tại công ty có các lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng dân dụng và sản xuất bê tông nhưng công ty chưa xác định chi phí riêng cho từng lĩnh vực. Doanh thu chưa tách riêng cho từng lĩnh vực để có thể kiểm soát và đánh giá hiệu quả của từng lĩnh vực.

- *Tồn tại về việc phân tích thông tin phù hợp phục vụ cho việc ra quyết định:* Về việc phân tích các thông tin chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh: Công ty chưa tiến hành phân tích điểm hòa vốn; chưa phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, một trong những phân tích quan trọng của kế toán quản trị.

4.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bê tông Thịnh Liệt luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Việc hoàn thiện phải được bắt đầu từ các khâu:

- Hạch toán ban đầu dẫn đến kiểm tra thông tin trong chứng từ .
- Tổ chức luân chuyển chứng từ.
- Vận dụng Tài khoản kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức hệ thống sổ kế toán để hệ thống hoá thông tin.
- Tổ chức cung cấp thông tin cho đối tượng sử dụng bằng cách lập các BC kế toán.
- Tổ chức công tác phân tích doanh thu và kết quả bán hàng tại công ty.

Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng bê tông Thịnh Liệt, ta thấy Công ty đã vận dụng đúng quy định của chế độ kế toán đối với loại hình doanh nghiệp thương mại từ công tác hạch toán ban đầu đến ghi sổ nghiệp vụ và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Mặc dù vậy, bên

cạnh những ưu điểm vẫn còn tồn tại một số hạn chế mà theo tôi cần được khắc phục để hoàn thiện hơn nữa phần hành kế toán này của công ty.

4.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bê tông Thịnh Liệt

Qua quá trình tìm hiểu công tác hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh thấy được quá trình hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều phần làm rất tốt bên cạnh đó còn có một số yếu kém vẫn tồn tại trong công ty. Để công ty hoạt động kinh doanh được tốt và có hiệu quả cao hơn công ty phải phát huy và có nhiều biện pháp khắc phục những nhược điểm để giải quyết mọi vấn đề còn tồn tại trong công ty.

Dưới đây là một số ý kiến đóng góp của cá nhân tác giả để đóng góp nhằm hoàn thiện hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

4.3.1. Giải pháp về kế toán tài chính

Ø Kiến nghị 1: về việc sử dụng phần mềm kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán cho thống nhất nhanh gọn, chính xác và mất ít thời gian, giảm bớt áp lực cho nhân viên kế toán.

Hệ thống sổ sách nên xây dựng chi tiết hơn để dễ dàng hơn cho những bộ phận khác hoặc những người không trực tiếp làm công tác này có thể tiếp cận và xem xét.

Khi mở rộng kinh doanh, số lượng chứng từ và số liệu kế toán sẽ tăng lên, công ty nên sử dụng mạng nội bộ để tiện lợi hơn trong việc luân chuyển số liệu giữa các bộ phận khi cần thiết.

Ø Kiến nghị 2

Kế toán công ty cần phải hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ một cách chính xác và hợp lý hơn. Trong quá trình tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty hiện nay là chưa đúng với chế độ kế toán hiện hành.

+ Đối với chi phí có liên quan đến bộ phận bán hàng như chi phí quảng cáo, chi phí tham gia hội chợ. .. công ty đã hạch toán vào tài khoản TK 642 là chưa hợp lý. Với các khoản nói trên công ty phản ánh vào TK 641 - chi phí bán hàng để tập hợp các khoản chi phí đó.

+ Đối với phần chi phí tiền lương, tiền ăn ca, ăn trưa... và các khoản trích theo lương của cán bộ nhân viên trực tiếp hoạt động kinh doanh của bộ phận nào nên được hạch toán vào chi phí nhân công trực tiếp của bộ phận đó (tập hợp cho tài khoản TK 622 - chi tiết từng bộ phận kinh doanh). Với phần lương và các khoản trích theo lương của cộng tác viên bên ngoài sẽ được tập hợp vào TK 627 (chi tiết theo bộ phận). Còn phần lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận bộ máy quản lý của công ty mới tập hợp vào TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại công ty hiện nay chi phí quản lý doanh nghiệp so với tổng chi phí phát sinh trong kỳ chiếm một tỷ lệ lớn, có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng kinh doanh của công ty. Nguyên nhân chính là do nhiều khoản chi được chi một cách rộng rãi. Do vậy, công ty phải tiến hành các biện pháp cần thiết để giảm bớt chi phí quản lý hơn nữa như: các khoản chi phí khác phục vụ cho quản lý chung (chi phí hội nghị, hội họp, giao dịch,...) của công ty hiện nay là khá lớn vì vậy kế toán công ty nên xét duyệt các đề nghị cho phù hợp để tránh tình trạng những khoản chi phí bất hợp lý.

4.3.2. Giải pháp về kế toán quản trị

Kiến nghị 1

Về phân loại chi phí phục vụ việc ra quyết định: Việc phân loại chi phí theo khoản mục chi phí như hiện nay mới chỉ đáp ứng được nhu cầu thông tin kế toán tài chính, chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho kế toán quản trị. Công ty nên phân loại toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh theo quan hệ với mức độ hoạt động hay còn gọi là cách phân loại chi phí theo các ứng xử của chi phí. Chi phí tại công ty sẽ được phân loại thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Với cách phân loại chi phí này sẽ đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị về lập kế hoạch chi phí, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí, ra quyết định kinh doanh nhanh chóng và hiệu quả.

Theo cách này, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Với chi phí hỗn hợp, kế toán có thể sử dụng phương pháp cực đại – cực tiểu để tách biến phí và định phí trong chi phí hỗn hợp (**Phụ lục 4.1**).

Kiến nghị 2

Về dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: Trong xu thế hội nhập, việc xây dựng dự toán sản xuất kinh doanh hàng năm có vai trò hết sức quan trọng trong mỗi đơn vị. Căn cứ vào dự toán, các nhà quản lý có thể xác định rõ mục tiêu cụ thể, đồng thời cũng sử dụng làm căn cứ đánh giá việc thực hiện sau này, lường trước được những khó khăn tiềm ẩn để có phương án xử lý kịp thời và đúng đắn.

Để xây dựng dự toán, Công ty căn cứ vào hệ thống sản xuất kinh doanh hàng năm, dự toán sản xuất kinh doanh của các kỳ kinh doanh trước... Công ty nên lập các dự toán sau để phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị nhanh chóng và hiệu quả (**phụ lục 4.2, phụ lục 4.3, phụ lục 4.4, phụ lục 4.5**).

Công ty nên xác định chi phí của từng lĩnh vực hoạt động sản xuất bê tông, hoạt động xây dựng cơ bản và hoạt động xây dựng dân dụng và sản xuất bê tông. Công ty có thể lập bảng kê tập hợp chi phí phát sinh riêng cho từng lĩnh vực theo bảng sau:

BẢNG KÊ TẬP HỢP CHI PHÍ

Quý:.....

Diễn giải	Khoản mục chi phí								Tổng
	CP hỗ trợ XD	CP Quảng cáo	CP đào tạo	CP dịch vụ chuyển tiền	CP hành chính	Khấu hao	Lương	
Cộng chi phí: Phân bổ - HĐ đầu tư XDCB - HĐ xây dựng dân dụng - HĐ bê tông									

Sau khi xác định được chi phí riêng cho từng bộ phận, xác định được doanh thu có thể lập báo cáo bộ phận cho từng lĩnh vực như sau (*Phụ lục 4.6*).

Việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận quản trị sẽ giúp công ty đánh giá được mức độ đóng góp lợi nhuận của từng bộ phận, khu vực đối với toàn công ty. Qua việc đánh giá này, giúp quản trị doanh nghiệp phát hiện những khả năng tiềm tàng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận, từng hoạt động để có giải pháp tốt nhất đưa các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng phát triển bền vững.

Kiến nghị 3

Về phân tích thông tin phù hợp phục vụ cho việc ra quyết định:

- Phân tích hệ thống báo cáo quản trị của Công ty để biết được tình hình thực hiện dự toán tiêu thụ, sản xuất, bán hàng... trong kỳ so với kế hoạch đặt ra. Công ty phải tiến hành đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch, giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tăng, giảm giữa kế hoạch và thực hiện trong kỳ cả về số tuyệt đối, các chênh lệch được tính toán, nhà quản điều tra thêm. Bởi vì có rất nhiều các chênh lệch nên không thể tiếp tục điều tra toàn bộ chúng mà còn dựa vào một số tiêu chuẩn để xác định khoản chênh lệch nào cần tiếp tục điều tra. Các tiêu chuẩn để xem có thể là độ lớn của khoản chênh lệch và khả năng kiểm soát chênh lệch.

- Phân tích báo cáo bán hàng: Đây là một báo cáo thường được các nhà quản lý quan tâm. Đặc biệt trong điều kiện hàng ứ đọng như hiện nay. Việc phân tích báo cáo bán

hàng giúp các nhà quản trị công ty thấy được các nguyên nhân chủ quan, khách quan và các khả năng tiềm tàng. Từ đó công ty sẽ có những giải pháp đẩy nhanh tiến độ tiêu thụ, thu hồi vốn nhanh và thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận: Việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận quản trị sẽ giúp công ty đánh giá được mức độ đóng góp lợi nhuận của từng bộ phận, khu vực đối với toàn công ty. Qua việc đánh giá này, giúp quản trị doanh nghiệp phát hiện những khả năng tiềm tàng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận, từng hoạt động để có giải pháp tốt nhất đưa các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng phát triển bền vững (**phụ lục 4.6**).

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

Qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu thực tế em nhận thấy rằng trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả nói riêng là có vai trò rất quan trọng đối với việc cung cấp các thông tin đáng giá cho quản trị kinh doanh. Việc hạch toán chính xác và đầy đủ các chi phí, doanh thu và xác định kết quả là điều kiện cần thiết để cung cấp nhanh chóng những thông tin về hoạt động kinh doanh của đơn vị và giúp cho nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của đơn vị mình.

Trong bất kỳ một doanh nghiệp nào, mối quan hệ giữa ba yếu tố thu, chi và xác định kết quả kinh doanh cũng là một hệ thống có quan hệ nhân quả. Doanh thu và chi phí thể hiện nguyên nhân và thu nhập thể hiện kết quả. Mối quan hệ đó thể hiện ở chỗ nếu nguồn thu cao nhưng chi phí mà vượt quá doanh thu thì doanh nghiệp cũng không thể kinh doanh có lãi.

Thấy được tầm quan trọng và tính logic đó công ty rất chú trọng việc hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả.

Do sự hạn chế về hiểu biết và thời gian nghiên cứu tìm hiểu thực tế tại công ty có hạn nên luận văn này còn nhiều vấn đề chưa đề cập đến hay mới chỉ lướt qua cùng với những thiếu sót là khó tránh khỏi. Do vậy, tác giả rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn (4) chuẩn mực kế toán Việt nam (đợt 1)*.
2. Bộ tài chính (2002), *Quyết định số 65/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố (06) chuẩn mực kế toán của Bộ trưởng Bộ Tài chính*.
3. Bộ tài chính (2004), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 6 chuẩn mực kế toán mới (đợt 3)*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
4. Bộ tài chính (2004), *Hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật kế toán, Luật thống kê*. Nxb Tài chính, Hà Nội.
5. Bộ tài chính (2006), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
6. Bộ tài chính (2006), *Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn*, Nxb Tài chính.
7. Chính phủ (2003), *Luật kế toán, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11*.
8. Đặng Văn Thanh, Đoàn Xuân Tiên (2014), *Kế toán quản trị doanh nghiệp*, Nxb Tài chính.
9. Đặng Thị Loan (2016), *Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
10. Huỳnh Lợi, Võ Văn Nhị (2003), *Kế toán quản trị*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
11. Nguyễn Năng Phúc (2016), *Kế toán quản trị doanh nghiệp*, Nxb tài chính, Hà Nội.
12. Phạm Văn Dược (1998), *Hướng dẫn tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
13. Vương Đình Huệ (2000), *Các mô hình kế toán cơ bản và ảnh hưởng của chúng đến cơ sở dẫn liệu trong kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp, NCKH tài chính kế toán số 6*.
14. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ (2013), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*, Nxb Tài chính.
15. Tạp chí tài chính.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.1

PHIẾU ĐIỀU TRA
(Dành cho Kế toán trưởng)**I-THÔNG TIN CƠ BẢN**

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt:
2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Số điện thoại:
5. Website (nếu có):
6. Tên người được phỏng vấn:
7. Tuổi:
8. Chức danh:
9. Thời gian phỏng vấn:
10. Địa điểm phỏng vấn:
11. Hình thức phỏng vấn (trực tiếp, gián tiếp):
12. Cách thức phỏng vấn (ghi âm, bút ký,...)

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Công ty của Ông/Bà thuộc loại hình nào?
 - Công ty con
 - Công ty trực thuộc
 - Công ty liên doanh
 - Loại hình khác
2. Công ty của Ông/Bà hoạt động trong lĩnh vực nào?
 - Sản xuất
 - Thương mại
 - Dịch vụ
 - Khác

III. PHẦN DÀNH CHO TẤT CẢ CÔNG TY

1. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ nào?
 - Nhật ký chứng từ
 - Nhật ký chung
 - Nhật ký sổ cái

- Chứng từ ghi sổ
 - Kế toán trên máy vi tính
2. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình nào?
- Tập trung
 - Hỗn hợp
3. Trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán trong công ty
- Sau đại học
 - Đại học
 - Cao đẳng
 - Trung cấp
4. Chế độ kế toán công ty đang áp dụng?
- Thông tư 200/2014/TT-BTC
 - Quyết định 48/2006/QĐ-BTC
5. Công ty tính và nộp thuế theo phương pháp nào?
- Phương pháp khấu trừ
 - Phương pháp trực tiếp
6. Công ty tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nào?
- Thực tế đích danh
 - Nhập trước, xuất trước
 - Nhập sau, xuất trước
 - Bình quân gia quyền
7. Công ty khấu hao TSCĐ theo
- Khấu hao theo đường thẳng
 - Khấu hao theo số lượng sản phẩm
 - Khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh
8. Công ty phân loại chi phí theo cách nào?
- Theo nội dung, tính chất của chi phí (chi phí nguyên liệu và vật liệu, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền, chi phí nhân công)
 - Theo khoản mục chi phí có trong giá thành sản phẩm (Chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí QLDN)
 - Theo cách thức kết chuyển chi phí (chi phí sản phẩm, chi phí thời kỳ)
 - Theo quan hệ chi phí với khối lượng công việc hoàn thành (chi phí biến đổi (biến phí), chi phí định phí (cố định), chi phí hỗn hợp)

- Theo khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán (chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp)

- Theo yêu cầu sử dụng chi phí trong lựa chọn p/a kinh doanh (chi phí chênh lệch, chi phí cơ hội, chi phí chìm)

- Theo khả năng kiểm soát chi phí với các nhà quản lý (chi phí kiểm soát được, chi phí không kiểm soát được)

- Khác.

9. Trong công ty có những chi phí nào?

- Chi phí NVLTT

- Chi phí NCTT

- Chi phí sản xuất chung

- Chi phí bán hàng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí tài chính

- Chi phí khác.

10. Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm những chi phí nào? (liệt kê những chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh tại công ty)

11. Để tập hợp chi phí NVLTT, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

12. Để theo dõi chi phí NVLTT, công ty mở những sổ sách nào?

13. Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm những chi phí nào? (Liệt kê những chi phí nhân công trực tiếp phát sinh tại công ty)

14. Để tập hợp chi phí NCTT, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

15. Để theo dõi chi phí NCTT, công ty mở những sổ sách nào?

16. Chi phí sản xuất chung bao gồm những chi phí nào? (liệt kê những chi phí sản xuất chung phát sinh tại công ty)

17. Để tập hợp chi phí sản xuất chung, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

18. Để theo dõi chi phí sản xuất chung, công ty mở những loại sách nào?

19. Chi phí bán hàng bao gồm những chi phí nào? (Liệt kê những chi phí bán hàng phát sinh tại công ty)

20. Để tập hợp chi phí bán hàng, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

21. Để theo dõi chi phí bán hàng, công ty mở những sổ sách nào?

22. Chi phí Quản lý doanh nghiệp bao gồm những chi phí nào? (liệt kê những chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh tại công ty)

23. Để tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

24. Để theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp, công ty mở những sổ sách nào?

25. Chi phí tài chính bao gồm những chi phí nào? (liệt kê những chi phí hoạt động tài chính phát sinh tại công ty)
26. Để tập hợp chi phí tài chính, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?
27. Để theo dõi chi phí tài chính, công ty mở những sổ sách nào?
28. Công ty mở những tài khoản nào để theo dõi chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh?
- TK 621
 - TK622
 - TK623
 - TK627
 - TK 635
 - TK641
 - TK642
29. Các tài khoản theo dõi chi phí của đơn vị (tại câu 31) được mở chi tiết như thế nào?
30. Đối tượng tập hợp chi phí của Công ty là gì?
- Từng loại sản phẩm
 - Từng nhóm sản phẩm, Phân xưởng, tổ, đội sản xuất
 - Từng giai đoạn sản xuất P&JT Quy trình công nghệ
 - Khác
31. Công ty tập hợp chi phí theo phương pháp nào?
- Trực tiếp
 - Gián tiếp
 - Hỗn hợp
32. Đối tượng tính giá thành của công ty là gì:
- Loại sản phẩm
 - Nhóm sản phẩm
 - Từng chi tiết của sản phẩm
 - Bán sản phẩm
 - Đơn đặt hàng
 - Khác.
33. Công ty tính giá thành theo phương pháp nào?
- Phương pháp trực tiếp
 - Phương pháp hệ số
 - Phương pháp tỷ lệ

- Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ
 - Phương pháp phân bước
 - Phương pháp theo đơn đặt hàng
 - Phương pháp liên hợp
34. Công ty có lập các khoản dự phòng sau đây không?
- Giảm giá hàng tồn kho
 - Phải thu khó đòi
 - Không
35. Công ty thực hiện trích trước các khoản chi phí nào ?
- Trích trước tiền lương nghỉ phép
 - Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
 - Không thực hiện trích trước chi phí?
36. Công ty ghi nhận doanh thu vào thời điểm nào?
- Đã giao hàng và được chấp nhận thanh toán
 - Được chấp nhận thanh toán
 - Đã thu tiền
37. Tại công ty doanh thu trong kỳ bao gồm những loại doanh thu nào?
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Doanh thu hoạt động tài chính
 - Doanh thu khác
38. Công ty có mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu không?
- Không
 - Theo sản phẩm, dịch vụ
 - Theo bộ phận kinh doanh
 - Khác.
39. Công ty phân loại doanh thu theo phương thức nào?
- Phân loại doanh thu HĐKD theo mối quan hệ với hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp (doanh thu bán hàng nội bộ, doanh thu bán hàng ra bên ngoài)
 - Phân loại doanh thu HĐKD theo khu vực địa lý (doanh thu nội địa, doanh thu quốc tế)
 - Phân loại doanh thu HĐKD theo mối quan hệ với điểm hòa vốn (doanh thu hòa vốn, doanh thu an toàn)
 - Phân loại doanh thu HĐKD theo phương thức thanh toán tiền hàng (Doanh thu bán hàng trả ngay, doanh thu bán hàng chịu, doanh thu bán hàng trả góp)

- Phân loại doanh thu HĐKD theo phương thức bán hàng (doanh thu bán buôn, doanh thu bán lẻ, doanh thu gửi bán đại lý)

- Phân loại doanh thu HĐKD theo tình hình kinh doanh (doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ)

- Khác.

40. Công ty mở những tài khoản nào để theo dõi doanh thu trong hoạt động sản xuất kinh doanh?

- TK511

- TK515

- TK521.

41. Các tài khoản theo dõi doanh thu của đơn vị (tại câu 43) được mở chi tiết như thế nào?

42. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm những khoản nào? (Liệt kê chi tiết từng khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty)

43. Để tập hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

44. Để theo dõi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty mở những sổ sách nào?

45. Doanh thu nội bộ bao gồm những khoản nào? (liệt kê chi tiết những khoản doanh thu nội bộ tại công ty)

46. Để tập hợp doanh thu nội bộ, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

47. Để theo dõi doanh thu nội bộ, công ty mở những sổ sách nào?

48. Doanh thu hoạt động tài chính.

49. Để tập hợp doanh thu hoạt động tài chính, công ty căn cứ vào những chứng từ nào?

50. Để theo dõi doanh thu hoạt động tài chính, công ty mở những sổ sách nào?

51. Công ty xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo cách nào?

- Công ty xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo từng phân xưởng, tổ, đội sản xuất

- Công ty xác định kết quả kinh doanh theo từng đơn đặt hàng

- Công ty xác định kết quả kinh doanh theo từng thị trường

- Công ty xác định kết quả kinh doanh cho toàn công ty

52. Tài khoản xác định kết quả kinh doanh của công ty (TK 911) được mở chi tiết như thế nào?

53. Đối với các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh, công ty có theo dõi tách biệt thành chi phí biến đổi và chi phí cố định không?

- Có

- Không
54. công ty có phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm không?
- Có
 - Không
55. Công ty có tổ chức kế toán quản trị, không?
- Có
 - Không
 - Có nhưng không rõ nét
56. Theo ông/bà kế toán quản trị có cần thiết hay không?
- Có
 - Không
57. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán quản trị công ty áp dụng
- Kết hợp với bộ máy kế toán tài chính
 - Tổ chức bộ máy riêng
58. Những dự toán nào sau đây được lập tại công ty?
- Dự toán tiêu thụ sản phẩm
 - Dự toán sản xuất sản phẩm
 - Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp
 - Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
 - Dự toán chi phí sản xuất chung
 - Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Khác
59. Doanh nghiệp có thực hiện phân tích các báo cáo không? đó là những báo cáo nào?
- Phân tích biến động về khoản mục chi phí NVLTT
 - Phân tích biến động về khoản mục chi phí NCTT
 - Phân tích biến động về khoản mục chi phí sxc
 - Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của toàn doanh nghiệp - Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận
 - Phân tích báo cáo giá thành sản xuất của doanh nghiệp
 - Phân tích báo cáo bán hàng của doanh nghiệp
 - Phân tích báo cáo sử dụng lao động của doanh nghiệp
 - Phân tích báo cáo khác
 - Khác

60. Ngoài báo cáo tài chính bắt buộc, công ty còn có báo cáo tài chính nội bộ nào khác không?

- Không có

- Khác

61. Khi Công ty thực hiện công tác kế toán chi phí có gặp phải những vướng mắc gì không? Công ty đã xử lý như thế nào? Ông/bà có đề xuất như thế nào?

62. Khi Công ty thực hiện công tác doanh thu có gặp phải những vướng mắc gì không? Công ty đã xử lý như thế nào? Ông/bà có đề xuất như thế nào?

63. Khi Công ty thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh có gặp phải những vướng mắc gì không? Công ty đã xử lý như thế nào? Ông/bà có đề xuất như thế nào? (về tài khoản, về chứng từ, về sổ sách)

64. Theo Ông/Bà bắt cập- (tồn tại) trong công tác kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh là gì?

65. Ông/Bà có đánh giá như thế nào về chế độ kế toán hiện hành? vì sao Ông/Bà có những đánh giá như vậy? Ông/Bà có ý kiến gì không?

66. Theo Ông/Bà những yếu tố nào có ảnh hưởng lớn đến công tác kế toán doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất Thịnh Liệt nói riêng? (Gợi ý: Nhà nước, Công ty mẹ, Thị trường...)

Phụ lục 1.2.

PHIẾU ĐIỀU TRA

Dành cho: Nhà quản lý

Tôi tên là, hiện đang là học viên tại Đại học Lao động – Xã hội, chuyên ngành kế toán - khóa

Thưa Ông/Bà, để có số liệu phục vụ cho đề tài. Xin nhờ anh/chị, với tư cách là người quản lý, cung cấp thông tin về tình hình công tác kế toán chi phí doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp của mình.

Những thông tin trả lời của Ông/Bà góp phần quan trọng để nghiên cứu đạt được hiệu quả. Toàn bộ những thông tin thu thập được sẽ được xử lý đảm bảo tính khuyết danh và bảo mật. Không có thông tin về Doanh nghiệp của Ông/Bà xuất hiện trong bất kì một tài liệu báo cáo nào trong luận văn này. Toàn bộ thông tin của cuộc điều tra chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Vì vậy chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Ông/Bà.

I/ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng việt
2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh (nếu có)
3. Địa chỉ
4. Số điện thoại
5. Website (nếu có)
6. Thời gian phỏng vấn:
7. Địa điểm phỏng vấn:
8. Hình thức phỏng vấn
9. Cách thức phỏng vấn

II/ THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Câu 1. Doanh nghiệp (Công ty) của Ông/Bà thuộc loại hình nào?

- Công ty con
- Công ty trực thuộc
- Khác

Câu 2. Doanh nghiệp (Công ty) của Ông/Bà hoạt động trong lĩnh vực nào? Chọn 01 hoạt động, lĩnh vực chính chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

- A. Sản xuất
- B. Thương mại
- C. Dịch vụ
- D. Khác

Câu 3. Doanh nghiệp (công ty) được thành lập vào năm nào?

III/ PHẦN DÀNH CHO TẤT CẢ DOANH NGHIỆP

Câu 4. Hiện nay Doanh nghiệp (Công ty) của Ông/Bà thường gặp những khó khăn/vướng mắc nào trong quá trình hoạt động kinh doanh?

- Nhân lực (lao động, lao động có tay nghề, nhà quản lý)
- Công nghệ, quản lý sản xuất, thiết bị máy móc và nhà xưởng
- Nguồn vốn
- Chế độ chính sách, quy định của NN
- Nguyên liệu
- Cơ sở hạ tầng (cầu cảng, đường xá, bến bãi...)
- Khác

Câu 5. Thưa Ông/Bà. Có ý kiến cho rằng công tác kế toán ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, chất lượng thông tin của kế toán được coi là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đảm bảo sự an toàn và khả năng thắng lợi cho các quyết định kinh doanh. Ông/Bà có đồng ý như vậy không? Vì sao?

Câu 6. Ông/Bà có đánh giá như thế nào về chế độ kế toán hiện hành? Vì sao Ông/bà lại có những đánh giá như vậy?

Câu 7. Doanh nghiệp (Công ty) của Ông/Bà có gặp khó khăn (vướng mắc) gì khi thực hiện chế độ kế toán hiện hành không?

Câu 8. Khi Doanh nghiệp (Công ty) thực hiện công tác kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh của đơn vị có gặp phải những vướng mắc gì không? Ông/Bà có những đề xuất gì?

Câu 9. Theo Ông/Bà nguyên nhân của những bất cập (tồn tại) trong công tác kế toán chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh là gì?

Câu 10. Theo Ông/Bà những yếu tố nào có ảnh hưởng lớn đến chế độ kế toán doanh nghiệp nói chung và chế độ kế toán đối với các doanh nghiệp sản xuất bê tông nói riêng? (Gợi ý: Nhà nước, Công ty mẹ, Thị trường...)

Câu 11. Ông/Bà có ý kiến đề xuất gì không?

Xin cảm ơn Ông/Bà đã dành thời gian cho chúng tôi.

Phụ lục 3.1**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ
TÔNG THỊNH LIỆT**

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt -

Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

GIẤY BÁO CÓ

Quyển số: 01

Ngày 02 tháng 05 năm 2016

Số: 158

Nợ: TK 112

Có: TK 511, 3331

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Minh Phương

Địa chỉ: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Siam Stell Việt Nam

Lý do nộp: thu tiền bán vữa bê tông thương phẩm

Số tiền: 80.000.000 đồng (Viết bằng chữ): Tám mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 02 tháng 5 năm 2016***Giám đốc****Kế toán trưởng***(Ký, họ tên,
đóng dấu)**(Ký, họ tên)***Người lập****phiếu***(Ký, họ tên)*

Phụ lục 3.2**Hóa Đơn (GTGT)**

Liên 2 (giao khách hàng)

Số seri: AL/2015

Ngày 25 tháng 05 năm 2016

Số hóa đơn: 00026517

Đơn vị bán: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bê tông Thịnh Liệt

Địa chỉ: Ngõ 1141 đường Giải Phóng - Thịnh Liệt - Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Số TK: 710675744 Điện thoại: 04387867854 MST: 0100105334.

Họ tên người mua hàng: Trần Mai Hạnh

Đơn vị: Công ty TNHH Siam Steel Việt Nam MST: 0800340407

Địa chỉ: KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)
1	Vữa bê tông thành phẩm	M2	16	4.545.455	72.727.273
	Cộng				72.727.273

Thuế suất thuế GTGT: 10%:

7.272.727

Tổng cộng tiền thanh toán:

80.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn.

Người mua

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng

(ký, họ tên)

Phụ lục 3.3**Mẫu số: S02a-DN**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 62

Ngày 25 tháng 5 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền (đ)	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Công ty TNHH Siam Steel	112	511	72.727.273	
Việt Nam trả tiền mua hàng	112	3331	7.272.727	
Cộng			80.000.000	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2016

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ lục 3.4

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S02c1-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2016

Tài khoản Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu năm				
			PS trong tháng				
				
			Công ty TNHH	511	300.000.000		
20/5	60	20/5	Siam Steel Việt	3331	30.000.000		
25/5	62	25/5	Nam trả tiền mua	511	72.727.273		
			hàng	3331	7.272.727		
				
			Cộng số PS tháng				
			Số dư cuối tháng		
			Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có 3 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.5**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT****Mẫu số: S38-DN**

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt -

Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Số chi tiết TK 511**Đối tượng: Vữa bê tông thương phẩm****Loại tiền: VNĐ**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Dư đầu kỳ					
			Phát sinh trong kỳ					
20/5	60	20/5	Doanh thu từ việc Công ty TNHH Siam Steel Việt Nam trả tiền mua hàng	112		330.000.000 72.727.273		
25/5	64	25/5		112				
			Kết chuyển cuối kỳ	911	12.089.766.148			
						
			Cộng số phát sinh		12.089.766.148	12.089.766.148		
			Tồn cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.6**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S02c1-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội**SỔ CÁI**

Tháng 5 năm 2016

Tài khoản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền (đ)		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			PS trong kỳ				
				
20/5	60	20/5	Công ty TNHH Siam Steel Việt	112		300.000.000	
25/5	64	25/5	Nam trả tiền mua hàng	112		72.727.273	
				
			Cộng số PS tháng		12.089.766.148	12.089.766.148	
			Số dư cuối tháng		

- Sổ này có 06 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 06

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.7

Đơn vị: Công ty CPĐT và XD Bê tông Thịnh Liệt

Mẫu số: 01-VT

Đ/c: 1141 Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Phiếu xuất kho

Ngày 25 tháng 05 năm 2016

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thế Hùng

Địa chỉ: Bộ phận nhà hàng

Lý do xuất hàng: Xuất dùng

Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vữa bê tông	VBT	Khối	16	16	3.250.000	52.000.000
	Cộng						52.000.000

Tổng số tiền (bằng chữ): Năm mươi hai triệu đồng chẵn.

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người nhận
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Phụ lục 3.8**C«ng ty CP ®Çu tU vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT****Mẫu số: S02a-DN**Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 85

<i>Ngày 31 tháng 5 năm 2016</i> Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền (đ)	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Giá vốn hàng bán trong kỳ	632	155	52.000.000	
Cộng			52.000.000	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)*Ngày 31 tháng 5 năm 2016***Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Phụ lục 3.9

**C«ng ty CP ®Çu tU vµ XÂY DỰNG BÊ
TÔNG THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S36-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt
- Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Tháng 5 năm 2016

Giá vốn hàng bán

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đôi ứng	Ghi Nợ tài khoản	
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	632
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- PS trong kỳ			
			
31/5	61	31/5	Giá vốn hàng bán	155	214.500.000	
31/5	65	31/5	trong kỳ	155	52.000.000	
			Kết chuyển giá vốn để xác định kết quả	911		8.227.209.959
			
			- Cộng số PS trong kỳ		8.227.209.959	8.227.209.959
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 12.

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.10**Mẫu số: S02a-DN**

**Công ty CP Thương mại XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

CHỨNG TỪ GHI SỔ*Số: 28**Ngày 25 tháng 05 năm 2016*

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng theo Hóa đơn số 000067 ngày 25/05/2016	641	111	10.000.000	
- Tính lương phải trả bộ phận bán hàng	641	334	25.000.000	
- Trích các khoản theo lương: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	641	338	2.625.000	
.....				
Cộng			150.000.000	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 25 tháng 05 năm 2016***Người lập***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Phụ lục 3.11

**C«ng ty CP ®Çu tƯ vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S38-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt -
Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Sæ chi tiÕt TK 641

Loại tiền: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	Số	NT			Nợ	Có	Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	G
			Dư đầu kỳ						
			Phát sinh trong kỳ						
						
25/05	28	25/05	Chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng	111	10.000.000				
			Tính lương phải trả	334	25.000.000				
			Trích các khoản theo lương	338	2.625.000				
			Kết chuyển cuối kỳ	911		150.000.000			
		150.000.000	150.000.000			
			Tồn cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.12

**C«ng ty CP ®Çu t vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S02c1-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Sæ c , i

Tháng 5 năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

NT ghi sổ	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
31/5	28	31/5	Phát sinh trong kỳ Tính lương phải trả Trích các khoản theo lương	111 334 338	10.000.000 25.000.000 2.625.000		
				
31/5	75	31/5	KC Chi phí bán hàng	911		150.000.000	
			Cộng số phát sinh		150.000.000	150.000.000	

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.13**CHỨNG TỪ GHI SỔ***Số: 40**Ngày 02 tháng 5 năm 2016*

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi lương tháng 04/2016	642	334 338	78.000.000 8.190.000	
Cộng			86.190.000	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 02 tháng 5 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục 3.14

C«ng ty CP «Çu tU vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG Mẫu số: S38-DN
THỊNH LIỆT

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt -

Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Sæ chi tiÕt TK 6421

Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Loại tiền: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	Số	NT			Nợ	Có	Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	G
			Dư đầu kỳ						
			Phát sinh trong kỳ						
						
02/5	40	02/5	Tính lương tháng 05/2016	334 338	78.000.000 8.190.000				
								
			Kết chuyển cuối kỳ	911		593.232.594			
			Cộng phát sinh		593.232.594	593.232.594			
			Tồn cuối kỳ						

- Số này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở số: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.15

**C«ng ty CP ®Çu t vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S02a-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 76

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6421	593.232.594	
Cộng			593.232.594	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 5 năm 2016
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục 3.16

**C«ng ty CP ®Çu tƯ vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S02c1-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

Sæ c ı i

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Dư đầu kỳ				
			Phát sinh trong kỳ		593.232.594		
31/5	76	31/5	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		593.232.594	
...				
			Cộng số phát sinh		593.232.594	593.232.594	
			Tồn cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.17

**C«ng ty CP ®Çu tƯ vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S02a-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 38

Ngày 31 tháng 5 năm 2016

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Kết chuyển doanh thu để xác định kết quả	511	911	12.089.766.148	
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN để xác định kết quả	911	821	611.012.452	
Cộng			12.650.778.590	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 05 năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục 3.18

**C«ng ty CP ®Çu tU vµ XÂY DỰNG BÊ TÔNG
THỊNH LIỆT**

Mẫu số: S36-DN

Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt - Quận
Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Tháng 5 năm 2016

Tài khoản Xác định kết quả

Số hiệu: TK 911

NT ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền (đ)		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			PS trong kỳ				
31/5	87	31/5	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	12.089.766.148		
31/5	88	31/5	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	632		8.227.209.959	
31/5	90	31/5	Kết chuyển chi phí bán hàng	641		150.000.000	
31/5	91	31/5	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642		593.232.594	
31/5	91	31/5	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821		611.012.452	
						
			Kết chuyển lãi	421		2.444.049.812	
			Cộng số PS		3.054.394.464	3.054.394.464	
			Cộng lũy kế				

Phụ lục 3.19**Mẫu số: B 02-DN****Công ty CP Cổ phần XÂY DỰNG BÊ
TÔNG THỊNH LIỆT**Ngõ 1141 đường Giải Phóng - phường Thịnh Liệt -
Quận Hoàng Mai - Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/5/2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	12.089.766.148	7.704.458.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		12.089.766.148	7.740.458.666
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8.227.209.959	7.923.586.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.812.556.189	(183.127.384)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4.786.749	2.449.911.863
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	19.715.880	34.910.022
- Trong đó: Chi phí lãi vay:	22		19.715.880	34.910.022
8. Chi phí bán hàng	24		150.000.000	71.359.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		593.232.594	1.283.499.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30=20+(21-22)-(24+25)	30		3.054.394.464	877.015.673
11. Thu nhập khác	31		667.800	-
12. Chi phí khác	32			-
13. Lợi nhuận khác	40		667.800	-
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		3.055.062.264	877.015.673
15. Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	611.012.452	175.403.134
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		2.444.049.812	701.612.549
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

